

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18491/BTC-CST

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2025

V/v tiếp thu, giải trình ý kiến
thẩm tra, ý kiến của Đại biểu về
dự án Luật Thuế TNCN (sửa đổi)

Kính gửi:

- Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc;
- Đồng kính gửi Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 26/11/2025, Bộ Tài chính đã có công văn số 18380/BTC-CST báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc về nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra, ý kiến của Đại biểu về dự án Luật Thuế thu nhập cá nhân (TNCN) (sửa đổi).

Ngày 27/11/2025, Bộ Tài chính đã nhận được công văn số 11598/VPCP-KTTH ngày 26/11/2025 của Văn phòng Chính phủ, trong đó, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc có ý kiến: *"giao Bộ Tài chính xem xét ý kiến Đại biểu Quốc hội để tiếp thu trình Chính phủ, Quốc hội ngưỡng chịu thuế phù hợp với thuế thu nhập cá nhân sửa đổi, bổ sung"*.

Dự án Luật Thuế TNCN (sửa đổi) đã được Chính phủ trình Quốc hội tại Tờ trình số 985/TTr-CP ngày 24/10/2025.

Ngày 31/10/2025, Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội đã có Báo cáo thẩm tra số 1379/BC-UBTVQH15 về dự án Luật.

Ngày 21/11/2025, Văn phòng Quốc hội có Báo cáo số 4575/BC-VPQH tổng hợp ý kiến của các vị Đại biểu Quốc hội thảo luận tại Tổ, Hội trường và ý kiến góp ý của các Đoàn đại biểu Quốc hội về dự án Luật Thuế TNCN (sửa đổi).

Căn cứ quy định về việc nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo Luật sau khi đã thảo luận tại Hội trường Quốc hội tại điểm a khoản 7 Điều 40 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và khoản 1 Điều 21 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 (đã được sửa đổi tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính xin báo cáo nội dung nghiên cứu tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo Luật Thuế TNCN (sửa đổi) như sau:

1. Về thuế đối với cá nhân kinh doanh

Dự thảo Luật trình Quốc hội đưa lại mức doanh thu không phải nộp thuế mà Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 sửa đổi Luật Thuế TNCN đã quy định là 200 triệu đồng /năm, đồng thời quy định cá nhân có doanh thu trên 3

tỷ đồng áp dụng thuế theo thu nhập nhân với thuế suất (tương tự như doanh nghiệp nhỏ và vừa), trong đó trường hợp cá nhân có doanh thu trên 3 tỷ đến 50 tỷ đồng áp dụng thuế suất 17%, trường hợp cá nhân có doanh thu trên 50 tỷ đồng áp dụng thuế suất 20%, giao Chính phủ điều chỉnh mức doanh thu không phải nộp thuế. Đối với cá nhân kinh doanh có doanh thu trên 200 triệu đến 3 tỷ đồng/năm thì áp dụng thuế theo tỷ lệ trên doanh thu mà dự thảo Luật kế thừa quy định của Luật hiện hành.

Trên cơ sở nghiên cứu lắng nghe, tiếp thu ý kiến của các Đại biểu Quốc hội, để nội dung quy định về thuế TNCN đối với hộ, cá nhân kinh doanh phù hợp thực tế (trên cơ sở số lượng hộ, cá nhân kinh doanh ngành thuế quản lý), đảm bảo tính công bằng tương đối với việc thu thuế TNCN đối với các loại thu nhập khác (trong đó có thu nhập từ tiền lương, tiền công), giữa cá nhân kinh doanh không phải nộp với cá nhân kinh doanh phải nộp thuế, trong đó có cả thuế giá trị gia tăng (là khoản mà hộ, cá nhân kinh doanh thu của người mua và nộp vào ngân sách nhà nước), Bộ Tài chính xin báo cáo nội dung chỉnh lý về thuế TNCN đối với thu nhập từ kinh doanh như sau:

- Về mức doanh thu không phải nộp thuế: Bộ Tài chính đề nghị điều chỉnh từ 200 triệu đồng/năm lên 500 triệu đồng/năm. Đồng thời, mức 500 triệu đồng/năm này cũng là mức được trừ trước khi nộp thuế theo tỷ lệ trên doanh thu. Áp dụng mức doanh thu này, theo số liệu tính đến tháng 10/2025 có hơn 2,54 triệu hộ kinh doanh thường xuyên thì dự kiến sẽ có khoảng 2,3 triệu hộ kinh doanh không phải nộp thuế (chiếm khoảng 90% trên tổng số 2,54 triệu hộ kinh doanh).

- Bổ sung quy định đối với hộ, cá nhân kinh doanh có doanh thu trên 500 triệu đồng/năm đến 3 tỷ đồng/năm áp dụng tính thuế theo thu nhập (doanh thu – chi phí) để đảm bảo thu thuế theo đúng bản chất của thuế thu nhập cá nhân và áp dụng thuế suất 15% tương tự như thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 đối với doanh nghiệp có doanh thu dưới 3 tỷ đồng/năm. Theo đó, tất cả hộ, cá nhân kinh doanh đều nộp thuế theo thu nhập thực tế, nếu có thu nhập ít thì nộp ít, thậm chí nếu không có thu nhập thì không phải nộp thuế. Vì vậy, mức doanh thu không phải nộp thuế sẽ không còn nhiều tác động đến hộ, cá nhân kinh doanh phải nộp thuế. Trường hợp, hộ, cá nhân kinh doanh không xác định được chi phí thì mới nộp thuế theo tỷ lệ trên doanh thu.

- Để đảm bảo đồng bộ về mức doanh thu không phải nộp thuế TNCN, tại dự thảo Luật này sẽ sửa đổi, bổ sung khoản 25 Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 để nâng mức doanh thu không chịu thuế của hộ, cá nhân kinh doanh từ 200 triệu đồng/năm lên 500 triệu đồng/năm.

- Về việc điều chỉnh doanh thu không phải nộp thuế, dự thảo Luật giao Chính phủ trình UBTVQH điều chỉnh cho phù hợp với việc quản lý thuế đối với cá nhân kinh doanh.

- Ngoài ra, riêng đối với cá nhân có hoạt động cho thuê bất động sản là hoạt động kinh doanh không thường xuyên cho thuê theo hợp đồng (trừ hoạt động kinh doanh lưu trú), để đảm bảo việc nộp thuế được đơn giản, dự thảo Luật quy định cá nhân có hoạt động cho thuê bất động sản có doanh thu năm trên 500 triệu đồng/năm thì chỉ áp dụng phương pháp tính theo tỷ lệ trên doanh thu, theo đó sẽ không phải xác định chi phí, không phải bù trừ thu nhập (nếu có hơn 1 bất động sản cho thuê), không phải quyết toán thuế năm.

(Nội dung cụ thể nêu tại Điều 7 và Điều 29 dự thảo Luật trình kèm).

2. Về Biểu thuế lũy tiến từng phần (áp dụng đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công)

Tiếp thu các ý kiến đóng góp, Bộ Tài chính đã rà soát, điều chỉnh giảm số bậc từ 7 bậc thành 5 bậc, nới rộng khoảng cách giữa các bậc và điều chỉnh lại 2 bậc thuế suất của Biểu thuế để tất cả các cá nhân đang thực hiện nộp thuế ở các bậc đều được giảm so với Biểu thuế hiện hành, đồng thời khắc phục được việc tăng đột ngột giữa các bậc thuế. Cụ thể là giảm mức thuế suất 15% (ở bậc 2) xuống 10% và thuế suất 25% (ở bậc 3) xuống 20% như sau:

Bậc thuế	Phần thu nhập tính thuế/tháng (triệu đồng)	Khoảng cách thu nhập trong từng bậc thuế (triệu đồng)	Thuế suất (%)
1	Đến 10	10	5
2	Trên 10 đến 30	20	10
3	Trên 30 đến 60	30	20
4	Trên 60 đến 100	40	30
5	Trên 100	-	35

(Nội dung cụ thể nêu tại Điều 9 dự thảo Luật trình kèm).

3. Về giảm trừ gia cảnh

Dự thảo Luật trình Quốc hội không quy định mức giảm trừ gia cảnh cụ thể mà giao Chính phủ quy định cho phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

Tiếp thu các ý kiến đóng góp, để đảm bảo đúng thẩm quyền của Quốc hội quy định nội dung cơ bản về thuế mà Hiến pháp đã quy định, trên cơ sở UBTVQH đã ban hành Nghị quyết số 110/2025/UBTVQH15 điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh áp dụng từ năm 2026, Bộ Tài chính chính lý dự thảo Luật theo hướng:

- Đưa mức giảm trừ gia cảnh vào trong Luật.

- Giao Chính phủ trình UBTVQH điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh này trên cơ sở biến động của giá cả, thu nhập cho phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

(Nội dung cụ thể nêu tại Điều 10 dự thảo Luật).

4. Một số nội dung khác được tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo Luật

a) Bổ nội dung “Thu nhập khác do Chính phủ quy định” tại điểm đ khoản 10 Điều 3 dự thảo Luật do chưa xác định được cụ thể. Khi có phát sinh khoản thu nhập khác cần thu thuế thì Bộ Tài chính sẽ báo cáo Chính phủ trình Quốc hội xem xét, bổ sung quy định, bao gồm các cách tính thuế và thuế suất cho đồng bộ và phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội mà Hiến pháp quy định. Theo đó, Bộ Tài chính đã rà soát để bổ nội dung quy định có liên quan đến thu nhập khác tại khoản 3 Điều 19 và khoản 3 Điều 27 dự thảo Luật.

b) Chỉnh lý lại một số quy định về thu nhập khác, miễn, giảm thuế và người phụ thuộc theo ý kiến góp ý của Đại biểu Quốc hội, gồm:

- Chỉnh lý lại quy định tại khoản 10 Điều 3 dự thảo Luật: *c) Thu nhập từ chuyển nhượng biển số xe ô-tô trúng đấu giá theo quy định của pháp luật;*

- Chỉnh lý lại quy định tại khoản 8 Điều 4 dự thảo Luật: “8. ~~Phần~~ Tiền lương làm việc ban đêm, làm thêm giờ ~~được trả cao hơn so với tiền lương làm việc ban ngày, làm trong giờ;~~ tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép theo quy định của pháp luật”.

- Bổ sung thêm tại khoản 6 Điều 4 dự thảo Luật quy định miễn thuế đối với lãi trái phiếu chính quyền địa phương.

- Chỉnh lý lại quy định tại khoản 3 Điều 5 dự thảo Luật: “3. *Miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 05 năm đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân là nhân lực công nghệ cao thực hiện hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao hoặc công nghệ chiến lược tương ứng thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển hoặc Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược theo pháp luật về công nghệ cao*”.

- Chỉnh lý lại quy định tại khoản 4 Điều 10 dự thảo Luật: “*Người phụ thuộc là người mà người nộp thuế có trách nhiệm nuôi dưỡng, bao gồm: a) Con chưa thành niên; con là người mất năng lực hành vi dân sự, người khuyết tật, không có khả năng lao động*”.

Đối với các nội dung góp ý khác, Bộ Tài chính đã nghiêm túc nghiên cứu và có giải trình đầy đủ cùng nội dung tại Báo cáo số 987/BC-CP ngày 24/10/2025 của Chính phủ đã báo cáo Quốc hội.

Căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP), Bộ Tài chính kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ xem xét thông qua:

- Dự thảo Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của các Đại biểu Quốc hội, ý kiến thẩm tra của Ủy ban Kinh tế và Tài chính về dự án Luật Thuế TNCN (sửa đổi);

- Dự thảo Luật Thuế TNCN (sửa đổi) sau khi tiếp thu, chỉnh lý;

- Giao Bộ trưởng Bộ Tài chính thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của các Đại biểu Quốc hội, ý kiến thẩm tra của Ủy ban Kinh tế và Tài chính về dự án Luật Thuế TNCN (sửa đổi) gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét cho ý kiến để đáp ứng tiến độ trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 10.

Công văn này thay thế công văn số 18380/BTC-CST ngày 26/11/2025.

Bộ Tài chính kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Vụ PC;
- Lưu: VT, CST (P.CST3) (05b)✓

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Cao Anh Tuấn

Luật số: .../20.../QH15

Hà Nội, ngày tháng năm

DỰ THẢO

LUẬT THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (SỬA ĐỔI)

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội;

Quốc hội ban hành Luật Thuế thu nhập cá nhân.

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định về người nộp thuế, thu nhập chịu thuế, thu nhập được miễn thuế, giảm thuế và căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân.

Điều 2. Người nộp thuế

1. Người nộp thuế thu nhập cá nhân là cá nhân cư trú có thu nhập chịu thuế quy định tại Điều 3 của Luật này phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam và cá nhân không cư trú có thu nhập chịu thuế quy định tại Điều 3 của Luật này phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam.

2. Cá nhân cư trú là người đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Có mặt tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên tính trong một năm dương lịch hoặc tính theo 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam;

b) Có nơi ở thường xuyên tại Việt Nam, bao gồm có nơi ở đăng ký thường trú hoặc có nhà thuê để ở tại Việt Nam theo hợp đồng thuê có thời hạn.

3. Cá nhân không cư trú là người không đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 3. Thu nhập chịu thuế

Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân gồm các loại thu nhập sau đây, trừ thu nhập được miễn thuế quy định tại Điều 4 của Luật này:

1. Thu nhập từ kinh doanh, bao gồm:

- a) Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ;
- b) Thu nhập từ hoạt động hành nghề độc lập của cá nhân có giấy phép hoặc chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật;
- c) Thu nhập từ hoạt động đại lý, môi giới, hợp tác kinh doanh với tổ chức;
- d) Thu nhập từ hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số.

2. Thu nhập từ tiền lương, tiền công, bao gồm:

- a) Tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công;
- b) Tiền thù lao, các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền dưới mọi hình thức;
- c) Các khoản phụ cấp, trợ cấp, thu nhập khác trừ các khoản: phụ cấp, trợ cấp theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công; phụ cấp quốc phòng, an ninh; phụ cấp độc hại, nguy hiểm đối với ngành, nghề hoặc công việc ở nơi làm việc có yếu tố độc hại, nguy hiểm; phụ cấp thu hút, phụ cấp khu vực theo quy định của pháp luật; phụ cấp, trợ cấp, sinh hoạt phí do cơ quan Việt Nam ở nước ngoài chi trả; trợ cấp khó khăn đột xuất, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, trợ cấp một lần khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi, trợ cấp do suy giảm khả năng lao động, trợ cấp hưu trí một lần, tiền tuất hàng tháng và các khoản trợ cấp khác theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội; trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm; trợ cấp mang tính chất bảo trợ xã hội và các khoản phụ cấp, trợ cấp, thu nhập khác không mang tính chất tiền lương, tiền công do Chính phủ quy định.

3. Thu nhập từ đầu tư vốn, bao gồm:

- a) Tiền lãi cho vay;
- b) Lợi tức cổ phần;
- c) Thu nhập từ đầu tư vốn dưới các hình thức khác.

4. Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, bao gồm:

- a) Thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn trong các tổ chức kinh tế;
- b) Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán;
- c) Thu nhập từ chuyển nhượng vốn dưới các hình thức khác.

5. Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, bao gồm:

- a) Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất;
- b) Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sở hữu hoặc sử dụng nhà ở;
- c) Thu nhập từ chuyển nhượng quyền thuê đất, quyền thuê mặt nước;
- d) Các khoản thu nhập khác nhận được từ chuyển nhượng bất động sản dưới mọi hình thức.

6. Thu nhập từ trúng thưởng, bao gồm:

- a) Trúng thưởng xổ số;
- b) Trúng thưởng trong các hình thức khuyến mại;
- c) Trúng thưởng trong các hình thức đặt cược;
- d) Trúng thưởng trong các trò chơi, cuộc thi có thưởng và các hình thức trúng thưởng khác, trừ trúng thưởng trong casino.

7. Thu nhập từ tiền bản quyền, bao gồm:

a) Thu nhập từ chuyển giao, chuyển quyền sử dụng các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ;

b) Thu nhập từ chuyển giao công nghệ.

8. Thu nhập từ nhượng quyền thương mại.

9. Thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là chứng khoán, phần vốn trong các tổ chức kinh tế, cơ sở kinh doanh, bất động sản và các tài sản phải đăng ký sở hữu hoặc đăng ký sử dụng.

10. Thu nhập khác, bao gồm:

a) Thu nhập từ chuyển nhượng tên miền internet quốc gia Việt Nam “.vn”;

b) Thu nhập từ chuyển nhượng kết quả giảm phát thải khí nhà kính, tín chỉ các – bon;

c) Thu nhập từ chuyển nhượng biển số xe ô-tô trúng đấu giá theo quy định của pháp luật;

d) Thu nhập từ chuyển nhượng tài sản số;

đ) Thu nhập từ chuyển nhượng vàng miếng. Chính phủ quy định ngưỡng giá trị vàng miếng chịu thuế, thời điểm áp dụng thu và điều chỉnh thuế suất thuế thu nhập cá nhân đối với chuyển nhượng vàng miếng phù hợp với lộ trình quản lý thị trường vàng.

~~đ) Thu nhập khác do Chính phủ quy định.~~

11. Chính phủ quy định việc quy đổi thu nhập chịu thuế nhận được không bằng tiền, không bằng Đồng Việt Nam và quy định chi tiết Điều này.

Điều 4. Thu nhập được miễn thuế

1. Thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản giữa vợ với chồng; cha đẻ, mẹ đẻ với con đẻ; cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi; cha chồng, mẹ chồng với con dâu; cha vợ, mẹ vợ với con rể; ông nội, bà nội với cháu nội; ông ngoại, bà ngoại với cháu ngoại; anh, chị, em ruột với nhau.

2. Thu nhập từ chuyển nhượng nhà ở, quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất ở của cá nhân trong trường hợp cá nhân chỉ có một nhà ở, đất ở duy nhất tại Việt Nam.

3. Thu nhập từ giá trị quyền sử dụng đất của cá nhân được Nhà nước giao đất.

4. Thu nhập của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa qua chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường; sản xuất muối; thu nhập từ lợi tức cổ phần của thành viên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp, cá nhân là nông dân ký kết hợp đồng với doanh nghiệp tham gia “Cánh đồng lớn”, trồng rừng sản xuất, nuôi trồng thủy sản.

5. Thu nhập từ chuyển đổi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao để sản xuất.

6. Thu nhập từ lãi trái phiếu chính phủ, **lãi trái phiếu chính quyền địa phương**, lãi tiền gửi tại tổ chức tín dụng, lãi từ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.

7. Thu nhập từ kiều hối.

8. ~~Phần~~ Tiền lương làm việc ban đêm, làm thêm giờ ~~được trả cao hơn so với tiền lương làm việc ban ngày, làm trong giờ~~, tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép theo quy định của pháp luật.

9. Tiền lương hưu do Quỹ bảo hiểm xã hội chi trả; thu nhập do quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung, quỹ hưu trí tự nguyện chi trả.

10. Thu nhập từ học bổng, bao gồm:

a) Học bổng nhận được từ ngân sách nhà nước;

b) Học bổng nhận được từ tổ chức trong nước và ngoài nước theo chương trình hỗ trợ khuyến học của tổ chức đó.

11. Thu nhập từ bồi thường hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ, tiền bồi thường tai nạn lao động, khoản bồi thường nhà nước và các khoản bồi thường khác theo quy định của pháp luật.

12. Thu nhập nhận được từ các tổ chức và quỹ từ thiện được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hoặc công nhận, hoạt động vì mục đích từ thiện, nhân đạo, không vì mục tiêu lợi nhuận.

13. Thu nhập nhận được từ nguồn viện trợ nước ngoài vì mục đích từ thiện, nhân đạo dưới hình thức chính phủ và phi chính phủ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

14. Thu nhập từ tiền lương, tiền công của thuyền viên là người Việt Nam làm việc cho các hãng tàu nước ngoài hoặc các hãng tàu Việt Nam vận tải quốc tế.

15. Thu nhập của cá nhân là chủ tàu, cá nhân có quyền sử dụng tàu và cá nhân làm việc trên tàu từ hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ trực tiếp phục vụ hoạt động khai thác, đánh bắt thủy sản xa bờ.

16. Thu nhập từ chuyển nhượng lần đầu kết quả giảm phát thải khí nhà kính của cá nhân được công nhận kết quả giảm phát thải khí nhà kính, tín chỉ các

- bon của cá nhân được cấp tín chỉ các – bon; thu nhập từ tiền lãi trái phiếu xanh; thu nhập từ chuyển nhượng lần đầu trái phiếu xanh sau khi phát hành.

17. Thu nhập từ tiền lương, tiền công từ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

18. Thu nhập từ quyền tác giả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khi kết quả nhiệm vụ được thương mại hóa theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về sở hữu trí tuệ.

19. Thu nhập của nhà đầu tư cá nhân, chuyên gia làm việc cho dự án khởi nghiệp sáng tạo, sáng lập viên cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư cá nhân góp vốn vào quỹ đầu tư mạo hiểm.

20. Thu nhập từ tiền lương, tiền công của chuyên gia nước ngoài làm việc tại chương trình, dự án tài trợ bằng nguồn vốn ODA không hoàn lại, chương trình, dự án phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam; cá nhân là người Việt Nam làm việc tại cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế thuộc Hệ thống Liên hợp quốc tại Việt Nam; cá nhân tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc.

21. Thu nhập sau khi đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của cá nhân là chủ doanh nghiệp tư nhân, cá nhân là chủ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

22. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 5. Các trường hợp miễn thuế, giảm thuế khác

1. Người nộp thuế gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, hoả hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo ảnh hưởng đến khả năng nộp thuế thì được giảm thuế tương ứng với mức độ thiệt hại nhưng không vượt quá số thuế phải nộp.

2. Miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 05 năm đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân là nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao thuộc các trường hợp sau:

a) Thu nhập từ dự án hoạt động công nghiệp công nghệ số trong khu công nghệ số tập trung;

b) Thu nhập từ dự án nghiên cứu và phát triển, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, chip bán dẫn, hệ thống trí tuệ nhân tạo;

c) Thu nhập từ các hoạt động đào tạo nhân lực công nghiệp công nghệ số.

~~3. Giảm 50% thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân là nhân lực công nghệ cao làm việc tại các doanh nghiệp, dự án thuộc lĩnh vực công nghệ cao, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ thông tin, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và một số lĩnh vực ưu tiên phát triển theo quy định của Chính phủ.~~

3. Miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 05 năm đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân là nhân lực công nghệ cao thực hiện hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao hoặc công nghệ

chiến lược tương ứng thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển hoặc Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược theo pháp luật về công nghệ cao.

4. Miễn thuế thu nhập cá nhân đối với chuyển nhượng chứng chỉ quỹ mở thành lập theo pháp luật chứng khoán được nắm giữ từ 2 năm trở lên kể từ ngày mua.

5. Giảm 50% thuế thu nhập cá nhân đối với lợi tức của nhà đầu tư cá nhân được chia từ quỹ đầu tư chứng khoán, quỹ đầu tư bất động sản thành lập theo Luật Chứng khoán trong thời hạn do Chính phủ quy định.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 6. Quản lý thuế đối với thuế thu nhập cá nhân

Căn cứ quy định tại Luật này, Chính phủ quy định về kỳ tính thuế theo năm đối với thu nhập từ kinh doanh, thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú, kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh đối với các khoản thu nhập khác của cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú; quyết toán thuế; hoàn thuế đối với trường hợp cá nhân có số thuế đã nộp lớn hơn số thuế phải nộp hoặc chưa đến mức phải nộp; trách nhiệm khấu trừ, **khai thay**, nộp thay của ~~tổ chức, cá nhân trả thu nhập, tổ chức có chức năng thanh toán trả thu nhập~~ cho người nộp thuế phù hợp với quy định của Luật Quản lý thuế.

CHƯƠNG II

CĂN CỨ TÍNH THUẾ ĐỐI VỚI CÁ NHÂN CƯ TRÚ

Điều 7. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ kinh doanh

1. Cá nhân cư trú có hoạt động sản xuất, kinh doanh có mức doanh thu năm từ **200-500 triệu** đồng trở xuống không phải nộp thuế thu nhập cá nhân.

2. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ kinh doanh của cá nhân cư trú có doanh thu năm từ ~~trên 200 triệu đồng đến 3 tỷ đồng~~ **trên mức quy định tại khoản 1 Điều này (trừ cho thuế bất động sản)** được xác định bằng ~~doanh thu thu nhập tính thuế nhân (x) với thuế suất~~ **trên mức quy định tại khoản 1 Điều này (trừ cho thuế bất động sản) được xác định bằng doanh thu thu nhập tính thuế nhân (x) với thuế suất**. Trong đó:

a) Thu nhập tính thuế được xác định bằng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra trừ (-) chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế.

b) Cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên mức quy định tại khoản 1 Điều này đến 3 tỷ đồng: thuế suất 15%.

c) Cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 3 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng: thuế suất 17%.

d) Cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 50 tỷ đồng: thuế suất 20%.

3. Cá nhân kinh doanh quy định tại điểm b khoản 2 Điều này nếu không xác định được chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và cá nhân cư trú cho thuê bất động sản nộp thuế thu nhập cá nhân được xác định bằng phần doanh thu vượt trên mức quy định tại khoản 1 Điều này nhân (x) với thuế suất, cụ thể như sau:

a) Phân phối, cung cấp hàng hoá: 0,5%;

b) Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: 2%;

Riêng hoạt động cho thuê tài sản (bao gồm cả bất động sản), đại lý bảo hiểm, đại lý xổ số, đại lý bán hàng đa cấp: 5%;

c) Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hoá, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 1,5%;

d) Hoạt động cung cấp sản phẩm và dịch vụ nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số: 5%.

đ) Hoạt động kinh doanh khác: 1%.

4. Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh mức doanh thu không phải nộp thuế thu nhập cá nhân tại khoản 1 Điều này cho phù hợp với việc quản lý thuế đối với cá nhân kinh doanh và quy định chi tiết Điều này.

Điều 8. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công

1. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú được xác định bằng thu nhập tính thuế quy định tại khoản 2 Điều này, không phân biệt nơi trả thu nhập, nhân (x) với thuế suất tại Biểu thuế lũy tiến từng phần quy định tại Điều 9 Luật này.

2. Thu nhập tính thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công là tổng thu nhập chịu thuế quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật này mà người nộp thuế nhận được trong kỳ tính thuế, trừ (-) các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành, nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc, khoản đóng góp tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo Luật Bảo hiểm xã hội, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ không vượt quá mức do Chính phủ quy định và các khoản giảm trừ quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Luật này.

3. Thời điểm xác định thu nhập tính thuế từ tiền lương, tiền công là thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập cho người nộp thuế hoặc thời điểm người nộp thuế nhận được thu nhập.

Điều 9. Biểu thuế lũy tiến từng phần

1. Biểu thuế lũy tiến từng phần áp dụng đối với thu nhập tính thuế quy định tại khoản 2 Điều 8 của Luật này.

2. Biểu thuế lũy tiến từng phần được quy định như sau:

Bậc thuế	Phần thu nhập tính thuế/năm	Phần thu nhập tính thuế/tháng	Thuế suất (%)
----------	-----------------------------	-------------------------------	---------------

	(triệu đồng)	(triệu đồng)	
1	Đến 120	Đến 10	5
2	Trên 120 đến 360	Trên 10 đến 30	15 10
3	Trên 360 đến 720	Trên 30 đến 60	25 20
4	Trên 720 đến 1.200	Trên 60 đến 100	30
5	Trên 1.200	Trên 100	35

Điều 10. Giảm trừ gia cảnh

1. Giảm trừ gia cảnh là số tiền được trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của người nộp thuế là cá nhân cư trú. Giảm trừ gia cảnh gồm: ~~hai phần sau đây: giảm trừ đối với người nộp thuế và giảm trừ đối với người phụ thuộc.~~

a) Mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 15,5 triệu đồng/tháng (186 triệu đồng/năm);

b) Mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 6,2 triệu đồng/tháng.

2. Căn cứ biến động của giá cả, thu nhập, Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức giảm trừ gia cảnh tại khoản 1 Điều này phù hợp với tình hình kinh tế xã hội trong từng thời kỳ.

3. Việc xác định mức giảm trừ gia cảnh đối với người phụ thuộc thực hiện theo nguyên tắc mỗi người phụ thuộc chỉ được tính giảm trừ một lần vào một người nộp thuế.

4. Người phụ thuộc là người mà người nộp thuế có trách nhiệm nuôi dưỡng, bao gồm:

a) Con chưa thành niên; con là người mất năng lực hành vi dân sự, người khuyết tật, không có khả năng lao động;

b) Các cá nhân không có thu nhập hoặc có thu nhập không vượt quá mức do Bộ Tài chính quy định, bao gồm con thành niên đang học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp hoặc học nghề; vợ hoặc chồng không có khả năng lao động; bố, mẹ đã hết tuổi lao động hoặc không có khả năng lao động; những người khác không nơi nương tựa mà người nộp thuế phải trực tiếp nuôi dưỡng.

Điều 11. Giảm trừ đối với các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo và các khoản giảm trừ khác

Cá nhân cư trú được giảm trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công các khoản sau đây:

1. Khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo, bao gồm:

a) Khoản đóng góp vào tổ chức, cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người khuyết tật, người già không nơi nương tựa;

b) Khoản đóng góp vào quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học;

c) Khoản đóng góp vào các tổ chức có chức năng huy động tài trợ được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

Tổ chức, cơ sở và các quỹ quy định tại khoản này phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hoặc công nhận, hoạt động vì mục đích từ thiện, nhân đạo, khuyến học, không vì mục tiêu lợi nhuận.

2. Khoản chi cho y tế, giáo dục – đào tạo của người nộp thuế, người phụ thuộc của người nộp thuế được giảm trừ vào thu nhập trước khi tính thuế theo mức do Chính phủ quy định.

3. Các khoản chi quy định tại Điều này phải đáp ứng các điều kiện về hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật và không được chi trả từ các nguồn khác.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 12. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ đầu tư vốn

1. Thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn của cá nhân cư trú được xác định bằng thu nhập tính thuế nhân (x) với thuế suất 5%.

2. Thu nhập tính thuế từ đầu tư vốn là tổng số các khoản thu nhập chịu thuế từ đầu tư vốn quy định tại khoản 3 Điều 3 của Luật này mà người nộp thuế nhận được theo từng lần phát sinh.

3. Thời điểm xác định thu nhập tính thuế từ đầu tư vốn là thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập cho người nộp thuế hoặc thời điểm người nộp thuế nhận được thu nhập.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 13. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn

1. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn của cá nhân cư trú được xác định bằng thu nhập tính thuế nhân (x) với thuế suất 20% theo từng lần chuyển nhượng. Trong đó, thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng vốn được xác định bằng giá chuyển nhượng trừ (-) giá mua và các khoản chi phí hợp lý liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ chuyển nhượng vốn.

Trường hợp không xác định giá mua và các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng vốn thì thuế thu nhập cá nhân được xác định bằng giá chuyển nhượng nhân (x) với thuế suất 2%.

2. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán được xác định bằng giá chuyển nhượng nhân (x) với thuế suất 0,1% theo từng lần chuyển nhượng.

3. Thời điểm xác định thu nhập tính thuế là thời điểm giao dịch hoàn thành theo quy định của pháp luật.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 14. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản

1. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản của cá nhân cư trú được xác định bằng giá chuyển nhượng nhân (x) với thuế suất 2%.

2. Thời điểm xác định thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng bất động sản là thời điểm hợp đồng chuyển nhượng có hiệu lực theo quy định của pháp luật hoặc thời điểm đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu bất động sản.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 15. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ trúng thưởng

1. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ trúng thưởng của cá nhân cư trú được xác định bằng thu nhập tính thuế nhân (x) với thuế suất 10%.

2. Thu nhập tính thuế từ trúng thưởng là phần giá trị giải thưởng vượt trên 20 triệu đồng mà người nộp thuế nhận được theo từng lần trúng thưởng.

3. Thời điểm xác định thu nhập tính thuế từ trúng thưởng là thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập cho người nộp thuế.

Điều 16. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền bản quyền

1. Thuế đối với thu nhập từ tiền bản quyền của cá nhân cư trú được tính bằng thu nhập tính thuế nhân (x) với thuế suất 5%.

2. Thu nhập tính thuế từ tiền bản quyền là phần thu nhập vượt trên 20 triệu đồng mà người nộp thuế nhận được khi chuyển giao, chuyển quyền sử dụng các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ theo từng hợp đồng.

3. Thời điểm xác định thu nhập tính thuế từ tiền bản quyền là thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập cho người nộp thuế.

Điều 17. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ nhượng quyền thương mại

1. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ nhượng quyền thương mại của cá nhân cư trú được tính bằng thu nhập tính thuế nhân (x) với thuế suất 5%.

2. Thu nhập tính thuế từ nhượng quyền thương mại là phần thu nhập vượt trên 20 triệu đồng mà người nộp thuế nhận được theo từng hợp đồng nhượng quyền thương mại.

3. Thời điểm xác định thu nhập tính thuế từ nhượng quyền thương mại là thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập cho người nộp thuế.

Điều 18. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng

1. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng của cá nhân cư trú được xác định bằng thu nhập tính thuế nhân (x) với thuế suất

10%.

2. Thu nhập tính thuế từ nhận thừa kế, quà tặng là phần giá trị tài sản thừa kế, quà tặng vượt trên 20 triệu đồng mà người nộp thuế nhận được theo từng lần phát sinh.

3. Thời điểm xác định thu nhập tính thuế được quy định như sau:

a) Đối với thu nhập từ nhận thừa kế là thời điểm người nộp thuế nhận được thừa kế;

b) Đối với thu nhập từ nhận quà tặng là thời điểm tổ chức, cá nhân tặng cho người nộp thuế hoặc thời điểm người nộp thuế nhận được thu nhập.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 19. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập khác

1. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập khác của cá nhân cư trú quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 10 Điều 3 Luật này được xác định bằng thu nhập tính thuế nhân (x) với thuế suất 5%. Trong đó, thu nhập tính thuế là phần thu nhập vượt trên 20 triệu đồng mà người nộp thuế nhận được theo từng lần phát sinh.

2. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập khác của cá nhân cư trú quy định tại điểm d, điểm đ khoản 10 Điều 3 Luật này được xác định bằng giá chuyển nhượng nhân (x) với thuế suất 0,1%.

~~3. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập khác của cá nhân cư trú quy định tại điểm đ khoản 10 Điều 3 Luật này do Chính phủ quy định.~~

3. Thời điểm xác định thu nhập tính thuế là thời điểm tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập cho người nộp thuế hoặc thời điểm người nộp thuế nhận được thu nhập.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

CHƯƠNG III

CĂN CỨ TÍNH THUẾ ĐỐI VỚI CÁ NHÂN KHÔNG CƯ TRÚ

Điều 20. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ kinh doanh

1. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ kinh doanh của cá nhân không cư trú được xác định bằng doanh thu từ hoạt động kinh doanh quy định tại khoản 2 Điều này nhân (x) với thuế suất quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Doanh thu là toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền cung ứng dịch vụ kể cả trợ giá, phụ thu, phụ trội mà cá nhân được hưởng, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền, bao gồm cả chi phí do bên mua hàng hoá, dịch vụ trả thay cho cá nhân không cư trú mà không được hoàn trả.

Trường hợp thoả thuận hợp đồng không bao gồm thuế thu nhập cá nhân thì doanh thu tính thuế phải quy đổi là toàn bộ số tiền mà cá nhân không cư trú nhận được dưới bất kỳ hình thức nào từ việc cung cấp hàng hoá, dịch vụ tại Việt Nam không phụ thuộc vào địa điểm tiến hành các hoạt động kinh doanh.

3. Thuế suất:

- a) Phân phối, cung cấp hàng hoá: 1%;
- b) Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: 5%;
- c) Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hoá, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 2%;
- d) Hoạt động cung cấp sản phẩm và dịch vụ nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo: 5%.
- đ) Hoạt động kinh doanh khác: 2%.

Điều 21. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công

Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú được xác định bằng tổng số tiền lương, tiền công mà cá nhân không cư trú nhận được do thực hiện công việc tại Việt Nam nhân (x) với thuế suất 20%, không phân biệt nơi trả thu nhập.

Điều 22. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ đầu tư vốn

Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ đầu tư vốn của cá nhân không cư trú được xác định bằng tổng số thu nhập mà cá nhân không cư trú nhận được từ việc đầu tư vốn vào tổ chức, cá nhân tại Việt Nam nhân (x) với thuế suất 5%.

Điều 23. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn

1. Thuế thu nhập cá nhân của cá nhân không cư trú đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn được xác định bằng thu nhập tính thuế nhân (x) với thuế suất 20% theo từng lần phát sinh chuyển nhượng, không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài. Trong đó, thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng vốn được xác định bằng giá chuyển nhượng trừ (-) giá mua và các khoản chi phí hợp lý liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn tại tổ chức, cá nhân Việt Nam.

Trường hợp không xác định giá mua và các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng vốn thì thuế thu nhập cá nhân được xác định bằng giá chuyển nhượng phần vốn tại tổ chức, cá nhân Việt Nam nhân (x) với thuế suất 2%.

2. Thuế thu nhập cá nhân của cá nhân không cư trú đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán được xác định bằng giá chuyển nhượng nhân (x) với thuế suất 0,1%.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 24. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản

1. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản của cá nhân không cư trú được xác định bằng giá chuyển nhượng nhân (x) với thuế suất 2%.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 25. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền bản quyền, nhượng quyền thương mại

1. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền bản quyền của cá nhân không cư trú được xác định bằng phần thu nhập vượt trên 20 triệu đồng theo từng hợp đồng chuyển giao, chuyển quyền sử dụng các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ tại Việt Nam nhân (x) với thuế suất 5%.

2. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ nhượng quyền thương mại của cá nhân không cư trú được xác định bằng phần thu nhập vượt trên 20 triệu đồng theo từng hợp đồng nhượng quyền thương mại tại Việt Nam nhân (x) với thuế suất 5%.

Điều 26. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ trúng thưởng, nhận thừa kế, quà tặng

Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ trúng thưởng, nhận thừa kế, quà tặng của cá nhân không cư trú được xác định bằng phần giá trị vượt trên 20 triệu đồng theo từng lần trúng thưởng, nhận thừa kế, quà tặng tại Việt Nam nhân (x) với thuế suất 10%.

Điều 27. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập khác

1. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập khác của cá nhân không cư trú quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 10 Điều 3 Luật này được xác định bằng thu nhập tính thuế nhân (x) với thuế suất 5%.

Thu nhập tính thuế là phần thu nhập vượt trên 20 triệu đồng mà người nộp thuế nhận được theo từng lần phát sinh.

2. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập khác của cá nhân không cư trú quy định tại điểm d, điểm đ khoản 10 Điều 3 Luật này được xác định bằng giá chuyển nhượng nhân (x) với thuế suất 0,1%.

~~3. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập khác của cá nhân không cư trú quy định tại điểm đ khoản 10 Điều 3 Luật này do Chính phủ quy định.~~

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 28. Thời điểm xác định thu nhập tính thuế

1. Thời điểm xác định thu nhập tính thuế đối với thu nhập quy định tại Điều 20 của Luật này là thời điểm cá nhân không cư trú nhận được thu nhập hoặc thời điểm xuất hoá đơn bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

2. Thời điểm xác định thu nhập tính thuế đối với thu nhập quy định tại các Điều 21, 22, 25, 26 và 27 của Luật này là thời điểm tổ chức, cá nhân ở Việt Nam trả thu nhập cho cá nhân không cư trú hoặc thời điểm cá nhân không cư trú nhận được thu nhập.

3. Thời điểm xác định thu nhập tính thuế đối với thu nhập quy định tại Điều 23 của Luật này là thời điểm giao dịch hoàn thành theo quy định của pháp luật.

4. Thời điểm xác định thu nhập tính thuế đối với thu nhập quy định tại Điều 24 của Luật này là thời điểm hợp đồng chuyển nhượng có hiệu lực theo quy định của pháp luật hoặc thời điểm đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu bất động sản.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Sửa đổi, bổ sung khoản 25 Điều 5 của Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 như sau:

“25. Hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh có mức doanh thu hằng năm từ 200 500 triệu đồng trở xuống; tài sản của tổ chức, cá nhân không kinh doanh, không phải là người nộp thuế giá trị gia tăng bán ra; hàng dự trữ quốc gia do cơ quan dự trữ quốc gia bán ra; các khoản thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.”.

Điều 30. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, trừ quy định tại khoản 2 Điều này.

2. ~~Quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 8 Điều 4, Điều 7, Điều 9 của Luật này. Các quy định liên quan đến thu nhập từ kinh doanh, từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2026.~~

3. Mức giảm trừ gia cảnh thực hiện theo Nghị quyết số 110/2025/UBTVQH15 ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế thu nhập cá nhân và Nghị quyết này hết hiệu lực khi Chính phủ Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức giảm trừ gia cảnh theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này.

4. Trường hợp có quy định khác nhau về ưu đãi thuế giữa Luật này với Luật Thủ đô, Nghị quyết khác của Quốc hội và giải pháp quy định tại điểm h khoản 8 Điều 10 của Luật Tổ chức Chính phủ thì áp dụng theo Luật Thủ đô, Nghị quyết của Quốc hội và giải pháp quy định tại điểm h khoản 8 Điều 10 của

Luật Tổ chức Chính phủ. Trường hợp quy định tại Luật này ưu đãi hơn thì người nộp thuế được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi có lợi nhất.

5. Luật này thay thế Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 26/2012/QH13, Luật số 71/2014/QH13, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 48/2024/QH15, Luật số 56/2025/QH15, Luật số 71/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá , Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm .

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI



Số: /BC-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình ý kiến của các Đại biểu Quốc hội, ý kiến thẩm tra của Ủy ban Kinh tế và Tài chính về dự án Luật Thuế thu nhập cá nhân (sửa đổi)

Kính gửi: Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Dự án Luật Thuế thu nhập cá nhân (sửa đổi) đã được Chính phủ trình Quốc hội tại các Tờ trình số 844/TTr-CP ngày 29/9/2025 và Tờ trình số 985/TTr-CP ngày 24/10/2025. Chính phủ cũng đã có Báo cáo số 987/BC-CP ngày 24/10/2025 tiếp thu, giải trình kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và ý kiến thẩm tra sơ bộ của Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội về dự án Luật.

Trên cơ sở ý kiến thẩm tra của Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội tại Báo cáo số 1379/BC-UBTVQH15 ngày 31/10/2025 và ý kiến của các vị Đại biểu Quốc hội thảo luận tại Tổ chiều ngày 05/11/2025 và tại Hội trường chiều ngày 19/11/2025 về dự án Luật Thuế thu nhập cá nhân (TNCN) (sửa đổi) đã được Văn phòng Quốc hội tổng hợp ý kiến tại Báo cáo số 4384/BC-VPQH ngày 14/11/2025, Báo cáo số /BC-TTKQH ngày (tổng số 78 lượt ý kiến tại 16 Tổ và 12 lượt ý kiến phát biểu tại Hội trường, Chính phủ đã tổ chức nghiên cứu kỹ lưỡng và báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) về các nội dung tiếp thu, giải trình như sau:

A. VỀ Ý KIẾN THẨM TRA CỦA ỦY BAN KINH TẾ VÀ TÀI CHÍNH

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Về mục đích, quan điểm ban hành Luật

Ý kiến thẩm tra:

Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục rà soát một số nội dung liên quan đến chính sách thuế để bảo đảm thể chế hóa đầy đủ trong lần sửa đổi này như yêu cầu về “*đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ các thủ tục nộp thuế, phí của người dân và doanh nghiệp*”¹; yêu cầu “*hạn chế việc lồng ghép các chính sách xã hội trong pháp luật về thuế*”²; yêu cầu “*tạo điều kiện đơn giản trong quyết toán thuế TNCN cho*

¹ Tại Chiến lược phát triển KT-XH 10 năm giai đoạn 2021 - 2030 và Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển KT-XH 5 năm 2016 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025.

² Tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia vay và trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025.

*cả người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế, ngăn chặn các hành vi trốn, tránh thuế*³.

Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục rà soát các Nghị quyết đặc thù của Quốc hội có liên quan đến thuế TNCN⁴ để bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Về nội dung này, tiếp thu ý kiến thẩm tra, Chính phủ đã rà soát các nội dung liên quan đến chính sách thuế để bảo đảm thể chế hóa đầy đủ trong lần sửa đổi này như yêu cầu về “*đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ các thủ tục nộp thuế, phí của người dân và doanh nghiệp*”; yêu cầu “*hạn chế việc lồng ghép các chính sách xã hội trong pháp luật về thuế*”; yêu cầu “*tạo điều kiện đơn giản trong quyết toán thuế TNCN cho cả người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế, ngăn chặn các hành vi trốn, tránh thuế*” được đặt ra tại Chiến lược phát triển KT-XH 10 năm giai đoạn 2021 - 2030, Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển KT-XH 5 năm 2016 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025, tại Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia vay và trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025 và tại Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030.

Bên cạnh đó, Chính phủ đã rà soát các Nghị quyết đặc thù của Quốc hội có liên quan đến thuế TNCN và dự thảo Luật đã bổ sung quy định để đảm bảo thống nhất với các chính sách ưu đãi riêng tại các Nghị quyết đặc thù của Quốc hội, Luật Thủ đô và giải pháp quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ.

2. Về nội dung phân cấp, phân quyền

Ý kiến thẩm tra:

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát các nội dung phân cấp, phân quyền để bảo đảm thẩm quyền của Quốc hội, Chính phủ một cách phù hợp. Theo đó, chỉ các nội dung kỹ thuật cần được quy định chi tiết thì giao Chính phủ quy định; các nội dung thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng có nhiều thay đổi, cần được điều chỉnh kịp thời theo thời gian thì có thể uỷ quyền cho UBND TP, bảo đảm vừa thực hiện được định hướng phân cấp, phân quyền, chủ động, linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành vừa đạt được mục tiêu các quy định của Luật phải cụ thể, rõ ràng, minh bạch, ổn định để nhận được sự thống nhất, đồng thuận của người nộp thuế và thuận lợi cho quá trình thực hiện.

³ Tại Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030.

⁴ Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, Nghị quyết số 136/2024/QH15 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng, Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Về nội dung này, tiếp thu ý kiến thẩm tra, Chính phủ đã rà soát các nội dung về phân cấp, phân quyền để bảo đảm thẩm quyền của Quốc hội, Chính phủ một cách phù hợp theo đúng quy định tại Điều 1 Luật số 62/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội quy định: Luật chỉ quy định các nội dung chính sách có tính nguyên tắc, định hướng thuộc thẩm quyền của Quốc hội để thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng; phân quyền cho Chính phủ, các cơ quan trong bộ máy nhà nước trong việc tiếp tục cụ thể hóa các quy định của luật và thực hiện phân cấp bảo đảm phù hợp với năng lực tổ chức thực hiện của từng cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương các cấp và kịp thời đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) trong từng giai đoạn; cơ bản không quy định các nội dung về thủ tục hành chính, về quy trình, quy chuẩn chuyên môn, kỹ thuật và các nội dung có tính biến động cao.

II. VỀ NHỮNG NỘI DUNG CỤ THỂ

1. Về thu nhập chịu thuế (Điều 3)

1.1. Ý kiến thẩm tra:

Đề nghị cần quy định cụ thể các khoản thu nhập chịu thuế trong Luật để bảo đảm tính rõ ràng, minh bạch, ổn định của chính sách, tạo tâm lý đồng thuận trong dư luận, đồng thời, bỏ quy định tại điểm đ khoản 10 Điều 3 (thu nhập khác do Chính phủ quy định) để bảo đảm tính rõ ràng, minh bạch của Luật.

Một số ý kiến đề nghị trong trường hợp cần có quy định để điều chỉnh, bổ sung các khoản thu nhập thuộc diện chịu thuế, đề nghị quy định theo hướng Chính phủ trình UBTVQH xem xét, quyết định.

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Về nội dung này, tiếp thu ý kiến thẩm tra, Chính phủ bỏ nội dung “Thu nhập khác do Chính phủ quy định”.

1.2. Ý kiến thẩm tra:

Đề nghị rà soát để quy định rõ “các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền dưới mọi hình thức” tại điểm b khoản 2 Điều 3 dự thảo Luật, làm rõ cách quy đổi ra thu nhập chịu thuế đối với các khoản thu nhập “không bằng tiền dưới mọi hình thức” để bảo đảm rõ ràng, thuận lợi trong thực hiện; dự thảo Luật có thể bổ sung nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết tại văn bản dưới luật.

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Về nội dung này, tiếp thu ý kiến thẩm tra, Chính phủ xin báo cáo làm rõ như sau: Luật chỉ quy định quy định các nội dung chính sách có tính nguyên tắc, những vấn đề khung, nội dung quy định rõ “các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền dưới mọi hình thức”, làm rõ cách quy đổi ra thu nhập chịu thuế đối với các khoản thu nhập “không bằng tiền dưới mọi hình thức” sẽ được quy tại văn bản quy định chi tiết Luật bảo đảm rõ ràng, thuận lợi trong thực hiện. Dự thảo Luật chỉnh lý quy định giao Chính phủ quy định việc quy đổi thu nhập chịu

thuế nhận được không bằng tiền, không bằng Đồng Việt Nam tại khoản 11 Điều 3 dự thảo Luật và bỏ quy định về nội dung này tại Điều 6 dự thảo Luật để tránh trùng lặp.

1.3. Ý kiến thẩm tra:

Đề nghị cân nhắc thoả đáng việc áp thuế đối với chuyển nhượng vàng miếng để tránh bất cập cho người dân có hoạt động chuyển nhượng vàng không vì mục đích đầu cơ, kinh doanh. Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục nghiên cứu mức thuế và phương thức áp dụng phù hợp, phân định rõ giữa vàng đầu tư lướt sóng ngắn hạn và vàng tích trữ lâu dài để bảo đảm đạt được mục tiêu kiểm soát hoạt động đầu cơ và lành mạnh hóa thị trường vàng.

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến của các Đại biểu Quốc hội, Chính phủ đã chỉ đạo cơ quan soạn thảo rà soát kỹ lưỡng, nghiên cứu quy định pháp luật có liên quan, thông lệ quốc tế và các điều kiện quản lý thị trường vàng hiện nay để hoàn thiện quy định này trong dự thảo Luật để đảm bảo vừa đáp ứng được yêu cầu của lãnh đạo Đảng, Nhà nước về góp phần quản lý thị trường vàng, vừa có lộ trình cần thiết để đảm bảo khả thi khi thực hiện và nhận được sự đồng thuận của đa số đối tượng chịu tác động. Đồng thời Chính phủ xin báo cáo làm rõ thêm như sau:

Việc đề xuất đánh thuế đối với chuyển nhượng vàng đã được rà soát, nghiên cứu kỹ lưỡng, trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các cơ quan, các Bộ, ngành và trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Đại biểu Quốc hội, dự thảo Luật giao Chính phủ căn cứ tình hình quản lý thị trường vàng, quy định thời điểm áp dụng, ngưỡng giá trị vàng miếng chịu thuế và điều chỉnh thuế suất cho phù hợp với lộ trình quản lý thị trường vàng và sẽ thu thuế TNCN đối với chuyển nhượng vàng miếng với mức thuế suất là 0,1% trên giá chuyển nhượng từng lần.

Việc giao Chính phủ quy định cụ thể ngưỡng giá trị vàng miếng chịu thuế nhằm loại trừ trường hợp những cá nhân thực hiện mua, bán vàng cho mục đích tiết kiệm, cất giữ (không vì mục đích kinh doanh), phù hợp với tập quán mua vàng tích trữ của một bộ phận người dân hiện nay.

Quy định này đảm bảo Chính phủ có cơ sở pháp lý quyết định việc thu thuế và các nội dung cụ thể như ngưỡng chịu thuế, điều chỉnh thuế suất khi các điều kiện về quản lý thị trường vàng đáp ứng yêu cầu của công tác thu và quản lý thu. Ngoài ra, do đây là quy định mới, với đối tượng tác động rộng nên việc quy định như dự thảo Luật là bước đi cần thiết góp phần bảo vệ sự ổn định của nền kinh tế, thực hiện đúng chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về quản lý chặt chẽ hoạt động kinh doanh vàng, góp phần hạn chế việc đầu cơ vào vàng, thu hút được nguồn lực trong xã hội để tham gia vào nền kinh tế.

1.4. Ý kiến thẩm tra:

Đề nghị cân nhắc bỏ quy định tại khoản 10 Điều 3, chưa nên tính thuế TNCN đối với phần thu nhập từ chuyển nhượng tín chỉ các-bon để góp phần khuyến khích, thúc đẩy thành lập và vận hành thị trường các-bon.

Chính phủ xin giải trình như sau:

Để góp phần khuyến khích, thúc đẩy thành lập và vận hành thị trường các-bon dự thảo Luật (khoản 16 Điều 4) quy định miễn thuế đối với: *Thu nhập từ chuyển nhượng lần đầu kết quả giảm phát thải khí nhà kính của cá nhân được công nhận kết quả giảm phát thải khí nhà kính, tín chỉ các - bon của cá nhân được cấp tín chỉ các - bon; thu nhập từ tiền lãi trái phiếu xanh; thu nhập từ chuyển nhượng lần đầu trái phiếu xanh sau khi phát hành*, đảm bảo ưu đãi đúng đối tượng được cấp lần đầu, loại trừ những trường hợp mua đi bán lại. Quy định này cũng tương đồng với kinh nghiệm các nước trên thế giới cũng như đảm bảo đồng bộ với quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) số 67/2025/QH15.

2. Về thu nhập được miễn thuế (Điều 4)

2.1. Ý kiến thẩm tra:

Đề nghị cơ quan soạn thảo cung cấp số liệu đánh giá tác động cụ thể của chính sách miễn thuế, đặc biệt là tác động đối với nguồn thu NSNN để có phương án bù đắp số giảm thu của ngân sách và cũng đề các đại biểu Quốc hội có đầy đủ thông tin cần thiết, phục vụ quá trình xem xét, cho ý kiến đối với dự thảo Luật. Hồ sơ dự án Luật chưa có các số liệu đánh giá về tác động đối với số thu NSNN.

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Việc xây dựng dự án Luật Thuế TNCN (sửa đổi) được thực hiện theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, từ bước đề xuất xây dựng chính sách đã được cơ quan soạn thảo đánh giá tác động đối với từng chính sách đề xuất.

Về đánh giá tác động khi thực hiện miễn thuế đối với thu nhập tiền lương, tiền công từ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Trên cơ sở giả định toàn bộ khoản chi khoa học công nghệ thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân, trường hợp miễn thuế đối với thu nhập từ thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thì dự kiến sẽ giảm thu khoảng 1.100 tỷ đồng/năm.

2.2. Ý kiến thẩm tra:

Khoản 20 Điều 4 bổ sung quy định miễn thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của chuyên gia nước ngoài làm việc tại chương trình, dự án tài trợ bằng nguồn vốn ODA không hoàn lại.

Đây là các trường hợp đang được miễn thuế TNCN quy định tại các Quyết định của Thủ tướng và văn bản dưới Luật. Cơ quan soạn thảo đề nghị luật hoá các quy định này để bảo đảm cơ sở pháp lý. Đa số ý kiến trong Ủy ban KTTC đồng tình với việc miễn thuế cho nhân viên của các tổ chức quốc tế đang áp dụng trên thực tế. Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng, việc sửa đổi này là đi ngược với nguyên tắc không luật hoá các nội dung của văn bản dưới luật.

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Về nội dung này, tiếp thu ý kiến thẩm tra, Chính phủ đã rà soát đảm bảo không luật hóa các nội dung dưới luật. Theo quy định hiện hành, việc miễn thuế TNCN đang được áp dụng đối với các đối tượng như: chuyên gia nước ngoài làm việc tại chương trình, dự án tài trợ bằng nguồn vốn ODA; chuyên gia nước ngoài làm việc tại chương trình, dự án phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam... thực chất là thực hiện theo Thỏa thuận, điều ước quốc tế. Các chính sách này đã thực hiện ổn định trong thời gian qua nên việc quy định tại Luật các nội dung này là cần thiết, đảm bảo công khai, minh bạch, đảm bảo cơ sở pháp lý, tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

2.3. Ý kiến thẩm tra:

Đề nghị rà soát quy định về các khoản thu nhập được miễn thuế, giảm thuế và thu nhập không được miễn, giảm thuế để bảo đảm thống nhất, đồng bộ với quy định về ưu đãi miễn, giảm thuế TNCN của các luật mới được ban hành.

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Về nội dung này, tiếp thu ý kiến thẩm tra, Chính phủ đã rà soát quy định về các khoản thu nhập được miễn thuế, giảm thuế và thu nhập không được miễn, giảm thuế bảo đảm thống nhất, đồng bộ với quy định về ưu đãi miễn, giảm thuế TNCN của các luật mới được ban hành.

2.4. Ý kiến thẩm tra:

Đề nghị bổ sung tiêu chí để xác định rõ hoạt động kinh doanh mua đi bán lại thường xuyên nhà ở, quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất ở của cá nhân để bảo đảm công bằng, tránh tình trạng trốn thuế, bảo đảm áp dụng đúng đối tượng mà chính sách hướng tới là miễn thuế đối với trường hợp cá nhân chỉ có một nhà ở, đất ở duy nhất, đồng thời, cần rà soát để bảo đảm thống nhất với quy định của Luật Đất đai năm 2024 nhằm tránh chồng chéo trong việc xác định thu nhập chịu thuế.

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Về nội dung này, tiếp thu ý kiến thẩm tra, Chính phủ đã rà soát bảo đảm thống nhất với quy định của Luật Đất đai năm 2024 nhằm tránh chồng chéo trong việc xác định thu nhập chịu thuế.

Ngoài ra, Chính phủ xin báo cáo làm rõ như sau: Luật chỉ quy định quy định các nội dung chính sách có tính nguyên tắc, những vấn đề khung, nội dung quy định tiêu chí để xác định rõ hoạt động kinh doanh mua đi bán lại thường xuyên nhà ở, quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất ở của cá nhân sẽ được quy định tại các văn bản quy định chi tiết Luật và các văn bản quy phạm pháp luật của các Bộ chuyên ngành có liên quan để bảo đảm tính công bằng, tránh tình trạng trốn thuế, bảo đảm áp dụng đúng đối tượng.

3. Về các trường hợp miễn, giảm thuế khác (Điều 5)

Ý kiến thẩm tra:

- Về đề nghị làm rõ khái niệm nhân lực công nghệ cao, bổ sung thời hạn

được giảm thuế (có thể là 5 năm) đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân là nhân lực công nghệ cao để bảo đảm công bằng với các trường hợp được miễn thuế quy định tại khoản 2 Điều 5 dự thảo Luật. Đồng thời, đề nghị rà soát để quy định cụ thể trong Luật các lĩnh vực ưu tiên phát triển thuộc diện được hưởng ưu đãi để bảo đảm tính cụ thể, rõ ràng của Luật.

- Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát kỹ để bảo đảm các quy định của dự thảo Luật không chồng chéo với quy định của một số luật khác như Luật Thuế TNDN, Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Quản lý thuế,... Đồng thời, giải thích rõ nội hàm khái niệm nhân lực công nghệ cao cũng như cơ chế xác định, chứng nhận nhân lực công nghệ cao trong quá trình xác định đối tượng áp dụng chính sách, tránh việc áp dụng tùy tiện. Khái niệm “*nhân lực công nghệ cao*” tại dự thảo Luật Công nghệ cao (sửa đổi) đã được sửa đổi, bổ sung thành “*nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược...*”. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo phối hợp chặt chẽ với cơ quan soạn thảo của các dự án Luật có liên quan như Luật Công nghệ cao, Luật Chuyển giao Công nghệ, Luật Sở hữu trí tuệ để rà soát, thể hiện các nội dung liên quan, bảo đảm tính thống nhất của các quy định được sửa đổi, bổ sung.

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Về nội dung này, tiếp thu ý kiến thẩm tra, Chính phủ sẽ rà soát nội dung tại dự thảo Luật đảm bảo không chồng chéo với quy định của Luật Thuế TNDN, Luật Quản lý thuế và đảm bảo đồng bộ, thống nhất những nội dung quy định tại các Luật có liên quan như Luật Công nghệ cao, Luật Chuyển giao Công nghệ, Luật Sở hữu trí tuệ để rà soát, thể hiện các nội dung liên quan bảo đảm tính thống nhất của các quy định được sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện tại dự thảo Luật như sau: *Miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 05 năm đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân là nhân lực công nghệ cao thực hiện hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao hoặc công nghệ chiến lược tương ứng thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển hoặc Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược được quy định tại khoản 2 Điều 11 và khoản 1 Điều 12 Luật Công nghệ cao.*

4. Về thuế TNCN đối với thu nhập từ kinh doanh (Điều 7)

4.1. Ý kiến thẩm tra

Một số ý kiến đề nghị không quy định cụ thể mức doanh thu 200 triệu đồng mà dẫn chiếu theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng (GTGT) (tương tự như Luật hiện hành) để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, tránh trường hợp quy định các mức doanh thu khác nhau giữa các sắc thuế. Có ý kiến đề nghị cần điều chỉnh nâng mức doanh thu không chịu thuế để bình đẳng và phù hợp với mức giảm trừ gia cảnh. Ngoài ra, có ý kiến đề nghị làm rõ cách thức xác định mức doanh thu từ 200 triệu đồng/năm trở xuống; có ý kiến đề nghị xác định ngưỡng doanh thu này theo ngành nghề kinh doanh.

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Dự thảo Luật trình Quốc hội đưa lại mức doanh thu không phải nộp thuế mà Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 sửa đổi Luật Thuế TNCN đã quy định là 200 triệu đồng/năm, đồng thời quy định cá nhân có doanh thu trên 3 tỷ đồng áp dụng thuế theo thu nhập nhân với thuế suất (tương tự như doanh nghiệp nhỏ và vừa), trong đó trường hợp cá nhân có doanh thu trên 3 tỷ đến 50 tỷ đồng áp dụng thuế suất 17%, trường hợp cá nhân có doanh thu trên 50 tỷ đồng áp dụng thuế suất 20%, giao Chính phủ điều chỉnh mức doanh thu không phải nộp thuế. Đối với cá nhân kinh doanh có doanh thu trên 200 triệu đến 3 tỷ đồng/năm thì áp dụng thuế theo tỷ lệ trên doanh thu mà dự thảo Luật kế thừa quy định của Luật hiện hành.

Trên cơ sở nghiên cứu lắng nghe, tiếp thu ý kiến của các Đại biểu Quốc hội, để nội dung quy định về thuế TNCN đối với hộ, cá nhân kinh doanh phù hợp thực tế (trên cơ sở số lượng hộ, cá nhân kinh doanh ngành thuế quản lý), đảm bảo tính công bằng tương đối với việc thu thuế TNCN đối với các loại thu nhập khác (trong đó có thu nhập từ tiền lương, tiền công), giữa cá nhân kinh doanh không phải nộp với cá nhân kinh doanh phải nộp thuế, trong đó có cả thuế giá trị gia tăng (là khoản mà hộ, cá nhân kinh doanh thu của người mua và nộp vào ngân sách nhà nước), Chính phủ xin báo cáo nội dung chỉnh lý về thuế TNCN đối với thu nhập từ kinh doanh như sau:

- Về mức doanh thu không phải nộp thuế: Chính phủ đề nghị điều chỉnh từ 200 triệu đồng/năm lên 500 triệu đồng/năm. Đồng thời, mức 500 triệu đồng/năm này cũng là mức được trừ trước khi nộp thuế theo tỷ lệ trên doanh thu. Áp dụng mức doanh thu này, theo số liệu tính đến tháng 10/2025 có hơn 2,54 triệu hộ kinh doanh thường xuyên thì dự kiến sẽ có khoảng 2,3 triệu hộ kinh doanh không phải nộp thuế (chiếm khoảng 90% trên tổng số 2,54 triệu hộ kinh doanh).

- Bổ sung quy định đối với hộ, cá nhân kinh doanh có doanh thu trên 500 triệu đồng/năm đến 3 tỷ đồng/năm áp dụng tính thuế theo thu nhập (doanh thu – chi phí) để đảm bảo thu thuế theo đúng bản chất của thuế thu nhập cá nhân và áp dụng thuế suất 15% tương tự như thuế suất thuế TNDN quy định tại Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 đối với doanh nghiệp có doanh thu dưới 3 tỷ đồng/năm. Theo đó, tất cả hộ, cá nhân kinh doanh đều nộp thuế theo thu nhập thực tế, nếu có thu nhập ít thì nộp ít, thậm chí nếu không có thu nhập thì không phải nộp thuế. Vì vậy, mức doanh thu không phải nộp thuế sẽ không còn nhiều tác động đến hộ, cá nhân kinh doanh phải nộp thuế. Trường hợp, hộ, cá nhân kinh doanh không xác định được chi phí thì mới nộp thuế theo tỷ lệ trên doanh thu.

- Để đảm bảo đồng bộ về mức doanh thu không phải nộp thuế TNCN, tại dự thảo Luật này sẽ sửa đổi, bổ sung khoản 25 Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 để nâng mức doanh thu không chịu thuế của hộ, cá nhân kinh doanh từ 200 triệu đồng/năm lên 500 triệu đồng/năm.

- Về việc điều chỉnh doanh thu không phải nộp thuế, dự thảo Luật giao Chính phủ trình UBTVQH điều chỉnh cho phù hợp với việc quản lý thuế đối với cá nhân kinh doanh.

- Ngoài ra, riêng đối với cá nhân có hoạt động cho thuê bất động sản là hoạt động kinh doanh không thường xuyên cho thuê theo hợp đồng (trừ hoạt động kinh doanh lưu trú), để đảm bảo việc nộp thuế được đơn giản, dự thảo Luật quy định cá nhân có hoạt động cho thuê bất động sản có doanh thu năm trên 500 triệu đồng/năm thì chỉ áp dụng phương pháp tính theo tỷ lệ trên doanh thu, theo đó sẽ không phải xác định chi phí, không phải bù trừ thu nhập (nếu có hơn 1 bất động sản cho thuê), không phải quyết toán thuế năm.

(Nội dung cụ thể nêu tại Điều 7 và Điều 29 dự thảo Luật trình kèm).

4.2. Ý kiến thẩm tra

Khoản 4 Điều 7 giao Chính phủ điều chỉnh mức doanh thu không phải nộp thuế TNCN. Mức ngưỡng doanh thu này liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người nộp thuế, cần được quy định trong Luật để bảo đảm thẩm quyền của Quốc hội và sự rõ ràng, minh bạch cho người nộp thuế đồng thời, bảo đảm nhất quán với Luật Thuế GTGT (quy định các mức ngưỡng doanh thu này trong Luật, không giao Chính phủ điều chỉnh). Do đó, đề nghị Cơ quan soạn thảo cân nhắc bỏ quy định tại khoản 4 Điều 7 dự thảo Luật.

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Về nội dung này, tiếp thu ý kiến thẩm tra, để đảm bảo linh hoạt, kịp thời, phù hợp với tình hình KT-XH, Chính phủ sẽ rà soát, chỉnh lý theo hướng Chính phủ báo cáo UBTVQH điều chỉnh mức doanh thu này và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

4.3. Ý kiến thẩm tra:

Các mức thuế suất theo tỷ lệ % tại dự thảo Luật vẫn đang được giữ như quy định của Luật Thuế TNCN hiện hành (ngoại trừ việc bổ sung mức thuế 5% đối với hoạt động cung cấp sản phẩm số). So với chế độ thuế TNCN hiện hành, việc bỏ cơ chế khoán đối với hộ/cá nhân kinh doanh để chuyển sang áp dụng kê khai doanh thu theo hoá đơn sẽ có những thay đổi nhất định đến mức doanh thu của các hộ/cá nhân kinh doanh dân sinh (về cơ bản sẽ tăng cao hơn so với các mức khoán mà các hộ/cá nhân đang thực hiện trên thực tế hiện nay), so sánh với tất cả các đối tượng khác (cá nhân làm công ăn lương, người có thu nhập cao trong lĩnh vực khoa học công nghệ) đều được giảm đáng kể về nghĩa vụ thuế TNCN trong dự thảo Luật. Trong trường hợp cần thiết (nếu sự thay đổi về doanh thu theo kê khai so với các mức khoán đang thực hiện là quá lớn), đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc phương án điều chỉnh lại các mức thuế suất để bảo đảm gánh nặng về thuế đối với đại đa số các cá nhân kinh doanh không bị ảnh hưởng quá lớn. Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thông tin, số liệu đánh giá tác động về nghĩa vụ thuế của các đối tượng là hộ/cá nhân kinh doanh có sự thay đổi về chính sách và tác động đối với ngân sách.

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến đại biểu, dự thảo Luật đã chỉnh lý quy định tại Điều 7 theo hướng nâng mức ngưỡng doanh thu chịu thuế theo tỷ lệ của hộ kinh doanh có doanh thu dưới 3 tỷ đồng/năm từ 100 triệu (hiện hành) lên 500 triệu, như vậy là mức ngưỡng đã tăng gấp 3 lần hiện hành. Đồng thời cho trừ đi 500 triệu (mức ngưỡng) trước khi xác định doanh thu tính thuế, Chính phủ cũng sẽ nghiên cứu đề xuất sửa đổi ngay mức doanh thu không phải nộp thuế GTGT lên 500 triệu đồng/năm để đồng bộ với quy định của Luật thuế TNCN. Như vậy, chính sách thuế đối với hộ kinh doanh quy định tại dự thảo Luật đã được nghiên cứu kỹ lưỡng, nghiêm túc, trách nhiệm trên cơ sở rà soát đánh giá tổng thể để đảm bảo đồng bộ giữa các chính sách thuế (TNCN, TNDN, GTGT) và đồng bộ giữa chính sách thuế và các quy định pháp luật về quản lý thuế. Việc chỉnh lý, hoàn thiện về quy định về thuế đối với hộ kinh doanh có doanh thu dưới 3 tỷ đồng/năm như trên vừa đảm bảo không thu vào những hộ có mức thu nhập không cao (quy định ngưỡng) vừa đảm bảo khuyến khích các hộ có đủ điều kiện sẽ chuyển sang hoạt động theo hình thức doanh nghiệp như yêu cầu của Nghị quyết 68 của Bộ Chính trị.

4.4. Ý kiến thẩm tra:

Một số ý kiến đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định đối với trường hợp hộ/cá nhân kinh doanh có doanh thu dưới mức 3 tỷ/năm, nhưng có hệ thống sổ sách kế toán tốt, đáp ứng yêu cầu thì có thể được tính thuế theo thu nhập thực tế (doanh thu - chi phí), để khuyến khích các hộ/cá nhân kinh doanh thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ phù hợp và thể hiện tinh thần không đầy khó khăn cho người dân, doanh nghiệp trong thiết kế chính sách.

Chính phủ xin giải trình như sau:

Quy định này nhằm đảm bảo thuận lợi và đơn giản cho cá nhân kinh doanh trong việc kê khai và nộp thuế. Việc quy định thu thuế theo tỷ lệ trên doanh thu chỉ áp dụng đối với cá nhân kinh doanh có doanh thu từ trên 500 triệu đến 3 tỷ đồng/năm, đặc thù của các hộ này là hộ kinh doanh nhỏ lẻ, không xác định được chi phí, việc ghi chép sổ sách, chứng từ có thể chưa đầy đủ, do đó, việc thu thuế trên doanh thu là phù hợp. Đối với hộ kinh doanh có doanh thu trên 3 tỷ đồng/năm (là các hộ có quy mô từ mức trung bình trở lên, có đủ điều kiện để hoạch toán đầy đủ doanh thu, chi phí) dự thảo Luật đã quy định áp dụng nộp thuế trên thu nhập (doanh thu - chi phí) đúng như ý kiến của Đại biểu.

4.5. Ý kiến thẩm tra:

Có ý kiến đề nghị cơ quan soạn thảo giải trình rõ hơn về căn cứ để đề xuất quy định mức thuế 5% đối với hoạt động cung cấp sản phẩm và dịch vụ nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số; bổ sung các số liệu đánh giá tác động về dự kiến nguồn thu đối với các đề xuất về mức thuế suất dự kiến áp dụng đối với từng lĩnh vực, ngành nghề.

Chính phủ xin giải trình như sau:

Hiện hành mức tỷ lệ đối với các hoạt động này là 2%. Qua rà soát hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số là những khoản thu nhập có tính chất đặc thù, cao hơn các ngành nghề khác, cần có sự điều tiết phù hợp nên Chính phủ đề xuất mức thuế suất 5% (là mức tỷ lệ cao nhất đang áp dụng đối với hoạt động cho thuê tài sản, đại lý bán hàng đa cấp).

5. Về thuế TNCN đối với bảo hiểm hưu trí tự nguyện (khoản 9 Điều 4, khoản 2 Điều 8)

Ý kiến thẩm tra:

Dự thảo Luật đang chọn phương thức “đánh thuế - miễn thuế - miễn thuế”, trong đó chỉ đánh thuế phần vượt trên mức quy định của Chính phủ (hiện nay là 1 triệu đồng/tháng).

Đề nghị cân nhắc phương thức “miễn thuế - miễn thuế - đánh thuế”, theo đó không nên tính vào thu nhập chịu thuế toàn bộ khoản đóng góp tham gia bảo hiểm hưu trí tự nguyện, không đánh thuế đối với khoản tiền lãi thu được từ quỹ và chỉ đánh thuế khi rút tiền hoàn toàn ra khỏi quỹ.

Chính phủ xin giải trình như sau:

Tại điểm d khoản 2 Điều 9 Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 quy định:
d) Phần chi vượt mức do Chính phủ quy định đối với: khoản đóng góp tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội hoặc quỹ có tính chất an sinh xã hội, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ cho người lao động.

Vì vậy, đề nghị giữ như dự thảo Luật để tránh xáo trộn, đồng bộ, thống nhất với pháp luật về thuế TNDN hiện hành cũng giao Chính phủ quy định mức chi được trừ đối với trích nộp quỹ hưu trí tự nguyện, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ của người sử dụng lao động cho người lao động.

6. Về Biểu thuế lũy tiến từng phần (Điều 9)

Ý kiến thẩm tra:

- Nhiều ý kiến băn khoăn về tính hợp lý trong phương án điều chỉnh các mức ngưỡng thu nhập và mức thuế suất tương ứng trong Biểu thuế. Theo đó, khoảng cách giữa các bậc có mức độ chênh lệch là khác nhau, đặc biệt là giữa bậc 1, 2 và 3 cách nhau lên đến 10%, giữa bậc 4 và bậc 5 chỉ cách nhau 5%. Do đó, người có thu nhập ở bậc 2 và 3 sẽ chịu áp lực thuế cao hơn so với quy định hiện hành trong khi số người có thu nhập chịu thuế ở bậc 2 và 3 chiếm phần lớn trong tổng số đối tượng chịu thuế TNCN.

- Một số ý kiến đề nghị cân nhắc Biểu thuế chỉ quy định đến mức thuế suất 25% hoặc 30% đồng thời nâng ngưỡng thu nhập chịu thuế tương ứng đối với từng mức thuế suất để góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh trong thu hút người lao động có trình độ cao. Có ý kiến đề nghị cân nhắc quy định mức thuế suất cao nhất là 45%, tương tự như các nước Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Pháp, Úc.

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến đại biểu và ý kiến thẩm tra, Chính phủ đã chỉnh lý quy định về Biểu thuế lũy tiến trong dự thảo luật như sau:

Bậc thuế	Phần thu nhập tính thuế/tháng (triệu đồng)	Khoảng cách thu nhập trong từng bậc thuế (triệu đồng)	Thuế suất (%)
1	Đến 10	10	5
2	Trên 10 đến 30	20	10
3	Trên 30 đến 60	30	20
4	Trên 60 đến 100	40	30
5	Trên 100	-	35

Với biểu thuế mới này thì tất cả các cá nhân đang thực hiện nộp thuế ở các bậc hiện nay đều được giảm nghĩa thuế so với Biểu thuế hiện hành. Bên cạnh đó, biểu thuế mới cũng đã khắc phục được việc tăng đột ngột tại một số bậc, đảm bảo tính hợp lý hơn của biểu thuế.

Về mức thuế suất tại Biểu thuế lũy tiến của thuế TNCN từ tiền lương, tiền công đối với mức thuế suất cao nhất 35% ở bậc 5, đây là đề xuất hợp lý, vì đó là mức thuế suất trung bình, không quá cao cũng không thấp so với các nước trên thế giới cũng như trong khu vực ASEAN (một số nước trong khu vực như Thái Lan, Indonesia, Philippines cũng đang quy định mức thuế suất ở bậc thuế cao nhất là 35%; Trung Quốc là 45%). Ngoài ra, trường hợp điều chỉnh mức 35% xuống 30%, thì sẽ bị cho rằng là chính sách giảm thuế cho người giàu.

7. Về giảm trừ gia cảnh (Điều 10)

7.1. Ý kiến thẩm tra:

- Việc đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định về mức giảm trừ gia cảnh là cần thiết để phù hợp với tình hình thực tế hiện nay và quy định về mức giảm trừ gia cảnh là một trong những nội dung quan trọng, nhận được sự quan tâm đặc biệt của người dân và dư luận trong quá trình sửa đổi, bổ sung Luật, việc xem xét, điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh về cơ bản không phải là nội dung cần thực hiện thường xuyên, liên tục, không đặt ra sự cần thiết, cấp bách về việc phải giao Chính phủ quy định để bảo đảm tính linh hoạt, kịp thời.

Hơn nữa, mức giảm trừ gia cảnh liên quan trực tiếp tới việc xác định nghĩa vụ thuế của người dân và Hiến pháp đã quy định “các khoản thu, chi NSNN phải được dự toán và do luật định”. Do đó, để bảo đảm tuân thủ quy định này và căn cứ trên thực tế thực hiện, đề nghị Luật cần quy định cụ thể mức giảm trừ gia cảnh đối với người nộp thuế và người phụ thuộc như cách thể hiện của Luật Thuế TNCN hiện hành. Theo đó, quy định cụ thể tại Luật mức giảm trừ gia cảnh đối với người nộp thuế, người phụ thuộc đồng thời, quy định về thẩm quyền giao Chính phủ trình UBTVQH xem xét, điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh trong các trường hợp cần thiết, phù hợp với biến động của giá cả hoặc phù hợp

với tình hình kinh tế xã hội từng thời kỳ, để bảo đảm đúng quy định về thẩm quyền và sự rõ ràng, minh bạch trong thực hiện⁵.

- Có ý kiến đề nghị cân nhắc quy định mức giảm trừ cho người phụ thuộc bằng 50% mức giảm trừ đối với người nộp thuế trong trường hợp quy định cụ thể mức giảm trừ gia cảnh tại dự thảo Luật.

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Ngày 17/10/2025, UBTVQH đã thông qua Nghị quyết số 110/2025/UBTVQH15 về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế TNCN. Theo đó, điều chỉnh mức giảm trừ cho bản thân người nộp thuế lên khoảng 15,5 triệu/tháng, điều chỉnh mức giảm trừ cho mỗi người phụ thuộc lên khoảng 6,2 triệu đồng/tháng. Theo tính toán, với mức giảm trừ gia cảnh mới này thì cá nhân có thu nhập 17 triệu đồng/tháng (nếu không có người phụ thuộc) hoặc 24 triệu đồng/tháng (nếu có 01 người phụ thuộc) hoặc 31 triệu đồng/tháng (nếu có 02 người phụ thuộc) thì chưa phải nộp thuế.

Chính phủ sẽ quy định cụ thể mức giảm trừ gia cảnh tại dự thảo Luật phù hợp với nội dung Nghị quyết nêu trên.

Về thẩm quyền điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh: tiếp thu ý kiến thẩm tra, cơ quan soạn thảo dự kiến chỉnh lý quy định tại dự thảo Luật như sau: căn cứ mức biến động của giá cả, thu nhập nhất định, giao Chính phủ trình UBTVQH điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh cho phù hợp với tình hình KT-XH như quy định tại Luật Thuế TNCN hiện hành.

7.2. Ý kiến thẩm tra:

Có ý kiến đề nghị cân nhắc quy định mức giảm trừ cho người phụ thuộc bằng 50% mức giảm trừ đối với người nộp thuế trong trường hợp quy định cụ thể mức giảm trừ gia cảnh tại dự thảo Luật.

Chính phủ xin giải trình như sau:

Mức giảm trừ gia cảnh gồm 2 phần, phần đối với người nộp thuế và phần đối với những người phụ thuộc, trong đó: (i) Mức giảm trừ đối với người nộp thuế thực chất là ngưỡng thu nhập tính thuế, được xây dựng trên cơ sở nhu cầu chi tiêu thường xuyên của những người có thu nhập trên mức bình quân xã hội; (ii) Phần đối với người phụ thuộc là mức giảm trừ cho những người mà người nộp thuế có trách nhiệm nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật. Theo kinh nghiệm của các nước, mức tính cho người phụ thuộc thấp hơn mức tính cho người nộp thuế và có giới hạn mức tối đa cho một gia đình để phù hợp với các chính sách liên quan khác, mức giảm trừ của người phụ thuộc thường chỉ bằng

⁵ Đề nghị quy định cụ thể trong Luật mức giảm trừ gia cảnh đối với người nộp thuế và người phụ thuộc (tương tự mức doanh thu năm không phải nộp thuế quy định tại khoản 1 Điều 8 dự thảo Luật); bổ sung các căn cứ điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh và giao UBTVQH hoặc Chính phủ điều chỉnh để phù hợp với điều kiện KT-XH trong từng thời kỳ.

10% đến 50% mức trừ của bản thân người nộp thuế bởi vì các chi phí về nhà ở, thiết bị, đồ dùng gia đình, điện, nước, sinh hoạt... đã tính chung vào mức giảm trừ của người nộp thuế; đối với các chi phí về lương thực, thực phẩm, chăm sóc sức khỏe,... đối với người nộp thuế về nguyên tắc luôn ở mức cao hơn để tái tạo sức lao động của người nộp thuế.

Luật Thuế TNCN thực hiện từ 01/01/2009 đến nay vẫn duy trì mức giảm trừ cho người phụ thuộc bằng 40% so với người nộp thuế và được điều chỉnh tương ứng theo mức độ điều chỉnh đối với người nộp thuế.

7.3. Ý kiến thẩm tra:

Đề nghị cân nhắc để sửa đổi quy định về người phụ thuộc là “con là người khuyết tật, không có khả năng lao động” theo hướng cho phép “con là người khuyết tật” là người phụ thuộc được giảm trừ gia cảnh, không cần ràng buộc điều kiện “không có khả năng lao động” để thể hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước trong việc đồng hành, chia sẻ đối với người khuyết tật. Đồng thời, cần rà soát để nghiên cứu, bổ sung các nội dung nhằm bảo đảm bao quát toàn diện các đối tượng là người phụ thuộc cần được giảm trừ gia cảnh như vợ hoặc chồng, bố, mẹ của người nộp thuế là người khuyết tật; các trường hợp con thành niên của người nộp thuế không có thu nhập song cũng không học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp hoặc học nghề,...

Một số ý kiến đề nghị bổ sung nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết về người phụ thuộc để xác lập căn cứ pháp lý cụ thể, rõ ràng, tránh các vướng mắc trong thực hiện, đặc biệt là cần quy định cụ thể đối với trường hợp “những người khác không nơi nương tựa mà người nộp thuế phải trực tiếp nuôi dưỡng”.

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Nội dung ý kiến thẩm tra hiện đang quy định tại các văn bản dưới Luật. Do đó, Chính phủ sẽ nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế trong quá trình xây dựng các văn quy định chi tiết và hướng dẫn Luật.

8. Về giảm trừ đối với các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo và các khoản giảm trừ khác (Điều 11)

Ý kiến thẩm tra:

Dự thảo Luật bổ sung quy định cá nhân cư trú được giảm trừ đối với một số khoản đóng góp vào các tổ chức có chức năng huy động tài trợ được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, các khoản chi cho y tế, giáo dục - đào tạo đồng thời, quy định điều kiện ràng buộc các khoản chi được giảm trừ “không được chi trả từ các nguồn khác”.

Ý kiến thẩm tra cơ bản thống nhất với định hướng sửa đổi, bổ sung thể hiện trong dự thảo Luật và cho rằng, việc bổ sung quy định các khoản chi được giảm trừ “không được chi trả từ các nguồn khác” là cần thiết nhằm bảo đảm tính công bằng, phù hợp trong việc cho tính giảm trừ đối với khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công của người nộp thuế. Tuy nhiên, cần cân nhắc về tính khả thi, khả năng kiểm soát của cơ quan quản lý thuế trong thực hiện quy định ràng buộc này

trong bối cảnh còn tồn tại khá đa dạng các phương thức thanh toán, chi trả, dẫn đến cơ quan quản lý thuế khó có thể thực hiện việc kiểm soát, đối chiếu để xác định nguồn chi trả đối với các khoản chi của người nộp thuế.

Đề nghị bỏ nội dung “theo mức do Chính phủ quy định” tại khoản 2 Điều 11 và khoản 3 Điều 11 đã quy định các điều kiện để khoản đóng góp được giảm trừ vào thu nhập trước khi tính thuế

Chính phủ xin giải trình như sau:

Việc kiểm soát, quản lý phương thức thanh toán, chi trả, đối chiếu để xác định nguồn chi trả đối với các khoản chi của người nộp thuế thuộc phạm vi của pháp luật về quản lý thuế. Do đó, Chính phủ sẽ nghiên cứu nội dung này trong quá trình xây dựng các văn bản quy định chi tiết của Luật Quản lý thuế.

Tại khoản 2 Điều 11 giao Chính phủ quy định mức giảm trừ đối với khoản chi cho giáo dục – đào tạo, y tế nhằm đảm bảo cơ sở pháp lý cho Chính phủ quy định mức này tại các văn bản quy định chi tiết Luật. Đồng thời cần thiết quy định mức này nhằm cho cá nhân được trừ khoản chi cho y tế, giáo dục – đào tạo ở một mức phù hợp với thực tế.

9. Về thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (Điều 13)

Ý kiến thẩm tra:

Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu để bổ sung các quy định nhằm tăng cường kiểm soát, khắc phục tình trạng người nộp thuế kê khai giá bán bằng giá mua để không phải nộp thuế.

Có ý kiến cho rằng, đối với chuyển nhượng chứng khoán, quy định thu 0,1% trên giá chuyển nhượng theo từng lần như quy định hiện hành sẽ chưa xử lý được bất cập trong trường hợp nhà đầu tư bị lỗ (giá chuyển nhượng thấp hơn giá mua vào) nhưng vẫn phải nộp thuế.

Chính phủ xin giải trình như sau:

Việc bổ sung các quy định nhằm tăng cường kiểm soát, khắc phục tình trạng người nộp thuế kê khai giá bán bằng giá mua để không phải nộp thuế thuộc phạm vi về quản lý thuế, do đó, Chính phủ sẽ nghiên cứu quy định này khi xây dựng các văn bản quy định chi tiết Luật Quản lý thuế.

Về thuế TNCN đối với chuyển nhượng chứng khoán: Việc quy định thu theo tỷ lệ 0,1% trên giá chuyển nhượng theo từng lần, không phân biệt lãi/lỗ như hiện hành đảm bảo cho cá nhân thuận tiện, đơn giản trong kê khai, quyết toán thuế, theo quy định hiện hành khi nhà đầu tư có lãi cũng chỉ huy động ở mức thấp 0,1%, trường hợp thay đổi phương pháp thu thuế như đề xuất của cơ quan thẩm tra là khi cá nhân bị lỗ sẽ không phải chịu thuế, khi đó trường hợp cá nhân có lãi sẽ có ứng xử khác, mức huy động có thể cao hơn hiện hành, có thể gây xáo trộn và phản ứng của nhà đầu tư. Theo đó, đề nghị giữ như quy định hiện hành.

10. Về thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản (Điều 14)

Ý kiến thẩm tra:

Dự thảo Luật quy định thuế TNCN được xác định bằng giá chuyển nhượng nhân với thuế suất 2%, về cơ bản giữ như quy định hiện hành. Theo đó, dự thảo Luật chưa giải quyết được yêu cầu đặt ra về hoàn thiện chính sách thuế liên quan đến bất động sản nhằm khuyến khích sử dụng nhà, đất có hiệu quả, hạn chế đầu cơ làm ảnh hưởng đến thị trường đã được nêu ra tại các Nghị quyết của Trung ương và Quốc hội trong thời gian qua. Có ý kiến đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định theo hướng tăng thuế đối với việc chuyển nhượng bất động sản nhằm hạn chế tình trạng đầu cơ. Có ý kiến đề nghị nên tính trên lợi nhuận (giá bán trừ giá mua và chi phí) nếu có đầy đủ chứng từ; có thể áp dụng thuế suất khác nhau theo thời gian nắm giữ (nắm giữ càng lâu thuế suất càng thấp) để khuyến khích đầu tư dài hạn, hạn chế đầu cơ. Đồng thời, cần có lộ trình áp dụng để tránh tác động mạnh đến thị trường bất động sản và việc áp dụng chính sách thuế TNCN đối với chuyển nhượng bất động sản theo thời gian nắm giữ cũng cần đồng bộ với quá trình hoàn thiện các chính sách có liên quan đến đất đai, nhà ở cũng như mức độ sẵn sàng của hạ tầng công nghệ thông tin về đăng ký đất đai, bất động sản.

Chính phủ xin giải trình như sau:

Dự thảo Luật kế thừa quy định hiện hành về phương pháp tính thuế đối với chuyển nhượng bất động sản đã được áp dụng ổn định. Việc thu theo phương pháp này cũng có ưu điểm là đơn giản, dễ thực hiện, dễ kiểm tra. Đối với đề xuất bổ sung thêm phương pháp tính thuế từ chênh lệch cần phải có đủ thời gian để tổng kết, đánh giá, khảo sát làm dữ liệu đầu vào để đề xuất chính sách. Thực tế thời gian qua cho thấy, việc thu thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản cần nghiên cứu tổng thể, đảm bảo đồng bộ với quá trình hoàn thiện một loạt chính sách khác liên quan đến đất đai, xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản để có giải pháp tổng thể (như tăng cung, giảm giá thành...) và cần có đánh giá kỹ lưỡng tác động, đảm bảo tương đồng với mức độ sẵn sàng của cơ sở dữ liệu cũng như hạ tầng công nghệ thông tin về đăng ký, chuyển nhượng đất đai, bất động sản. Khi có đủ dữ kiện dữ liệu về số hóa đất đai gắn với dữ kiện dữ liệu về VNEID thì có thể từng bước thực hiện theo đúng bản chất của thuế là thu trên thu nhập.

Hiện nay, Chính phủ đang triển khai đầy mạnh nhiều biện pháp nhằm khuyến khích sử dụng nhà, đất có hiệu quả, hạn chế đầu cơ, ổn định thị trường bất động sản như triển khai xây dựng nhiều dự án nhà ở xã hội, thành lập Quỹ nhà ở quốc gia như kinh nghiệm một số nước trên thế giới... Theo đó, để tránh đầu cơ bất động sản cần có giải pháp tổng thể nhiều chính sách, trong đó việc quản lý đất, thu hồi đất được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai; việc quản lý thị trường bất động sản trong đó có việc tránh đầu cơ được thực hiện chủ yếu thông qua pháp luật về kinh doanh bất động sản và nhà ở, chính sách thuế không phải công cụ ưu tiên, tối ưu nhất để thực hiện mục tiêu trên. Vì vậy, đề nghị giữ như quy định tại dự thảo Luật.

11. Về thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn đối với cá nhân không cư trú (Điều 23)

Ý kiến thẩm tra:

Đề nghị Cơ quan soạn thảo cung cấp thêm thông tin làm rõ về cách thức, phương án quản lý thu thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (tại nước ngoài) của các cá nhân không cư trú, đặc biệt đối với các trường hợp mà vốn của doanh nghiệp tại Việt được sở hữu gián tiếp qua nhiều tầng bởi các cá nhân không cư trú (ví dụ các giao dịch chuyển nhượng vốn của một doanh nghiệp tại Việt nam được thực hiện thông qua một Công ty nước ngoài bị kiểm soát - CFC, cụ thể CFC nắm giữ cổ phần tại một công ty Việt Nam và bán cổ phần đó). Kinh nghiệm của các nước yêu cầu chế độ báo cáo đối với các CFC để bảo đảm có thông tin liên quan về các khoản thu nhập của các cá nhân không cư trú.

Chính phủ xin giải trình như sau:

Các nội dung này thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về quản lý thuế. Hiện nay, Chính phủ cũng đã trình Quốc hội dự án Luật Quản lý thuế (sửa đổi), theo đó, các nội dung này sẽ được nghiên cứu, hướng dẫn tại văn bản quy định chi tiết Luật Quản lý thuế.

Các đối tượng liên quan đến các Hiệp định thuế, hiện nay, cơ quan thuế đã ký Hiệp định đa phương về hỗ trợ hành chính thuế (MAAC) với các nước, trong đó có nội dung trao đổi, cung cấp thông tin, hỗ trợ thu, nộp thuế đối với người nước ngoài.

12. Về hiệu lực thi hành (Điều 24)

12.1. Ý kiến thẩm tra:

Khoản 1 Điều 29 quy định hiệu lực thi hành của Luật từ ngày **01/7/2026**, riêng quy định tại khoản 2 Điều 3 (thu nhập từ tiền lương, tiền công thuộc diện chịu thuế), khoản 8 Điều 4 (phần tiền lương làm việc ban đêm, làm thêm giờ được trả cao hơn so với tiền lương làm việc ban ngày, làm trong giờ; tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép theo quy định của pháp luật thuộc diện được miễn thuế), Điều 7 (Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ kinh doanh), Điều 9 (Biểu thuế lũy tiến từng phần) có hiệu lực thi hành từ ngày **01/01/2026**. Đối với người làm công ăn lương, để có cơ sở xác định nghĩa vụ thuế, thời điểm áp dụng của tất cả các nội dung quy định liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế, bao gồm Biểu thuế lũy tiến, mức giảm trừ gia cảnh, các khoản đóng góp được giảm trừ khác,... cần được quy định thống nhất.

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Để tạo thuận lợi cho người nộp thuế, Chính phủ đã rà soát, bổ sung toàn bộ nội dung liên quan đến tiền lương, tiền công tại dự thảo Luật đảm bảo đồng bộ hiệu lực với Biểu thuế lũy tiến từng phần và thời gian áp dụng của mức giảm trừ gia cảnh mới từ 01/01/2026.

12.2. Ý kiến thẩm tra:

- Liên quan đến thời điểm hiệu lực thi hành về thuế TNCN đối với các khoản thu nhập có kỳ tính thuế theo năm (thu nhập từ kinh doanh, thu nhập từ làm công ăn lương, bao gồm cả nội dung mới điều chỉnh tăng mức giảm trừ gia cảnh - theo Nghị quyết của UBTVQH mới được ban hành), dự thảo Luật quy định hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026. Tuy nhiên, đối với các khoản thu nhập này, kỳ tính thuế năm 2025 sẽ được quyết toán vào cuối Quý I/2026. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ về việc áp dụng pháp luật đối với kỳ tính thuế TNCN năm 2025 của người làm công ăn lương và các hộ/cá nhân kinh doanh, trên cơ sở đó hoàn thiện dự thảo Luật, bảo đảm rõ ràng, dễ thực hiện.

- Đề nghị nghiên cứu, xem xét thống nhất hiệu lực thi hành của toàn bộ văn bản Luật, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tuyên truyền và thực thi Luật; đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định để đẩy mạnh công tác quản lý thuế TNCN thông qua ứng dụng công nghệ số, liên thông dữ liệu với ngân hàng, bảo hiểm và các tổ chức trả thu nhập nhằm tránh thất thu, tăng tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế.

Chính phủ xin giải trình như sau:

Việc áp dụng cho kỳ tính thuế năm 2025 sẽ phát sinh một số bất cập như sau:

+ Việc áp dụng cho kỳ tính thuế năm 2025 sẽ phát sinh nhiều thủ tục liên quan đến quyết toán, hoàn lại số thuế đã nộp vì cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công đã được cơ quan chi trả khấu trừ thuế ngay từ đầu năm 2025. Việc này ảnh hưởng đến số dự toán, khối lượng công việc để thực hiện hoàn thuế là rất lớn. Đồng thời trước tình hình bão lũ, thiên tai xảy ra hiện nay, NSNN cũng cần ưu tiên đảm bảo để khắc phục, xử lý hậu quả của các vấn đề này.

+ Mặt khác một số khoản thu nhập mới đưa vào diện chịu thuế sẽ phải thực hiện nghĩa vụ thuế ngay, do đó, việc áp dụng từ kỳ tính thuế 2025 có thể không có lợi cho người nộp thuế.

Ngoài ra, việc đề xuất áp dụng toàn bộ hiệu lực của Luật từ 01/01/2026 là khó khả thi vì dự kiến Luật sẽ được Quốc hội xem xét, thông qua vào tháng 12/2025, thời gian còn lại để hoàn thiện các chính sách tại các văn bản quy định chi tiết là rất ngắn, cùng với đó là việc tập huấn, phổ biến cho các đối tượng áp dụng để việc kê khai, khấu trừ được thuận lợi, chính xác ngay từ đầu.

Vì vậy để đảm bảo tính ổn định và phù hợp với điều kiện về quản lý thuế, dự thảo Luật quy định cho áp dụng từ Luật từ 01/7/2026, riêng nội dung liên quan đến các khoản thu nhập có kỳ tính thuế theo năm như tiền lương, tiền công, thu nhập từ kinh doanh áp dụng từ 01/01/2026.

12.3. Ý kiến thẩm tra:

Khoản 3 Điều 29 quy định mức giảm trừ gia cảnh thực hiện theo Nghị quyết của UBTVQH về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế TNCN và Nghị quyết này hết hiệu lực khi Chính phủ quy định mức giảm trừ gia cảnh theo quy định tại Điều 11 của Luật này.

Như đã thể hiện tại điểm 7 (ở trên), liên quan đến quy định về mức giảm trừ gia cảnh, đề nghị quy định cụ thể trong Luật về mức giảm trừ gia cảnh và giao Chính phủ trình UBTVQH điều chỉnh trong các trường hợp cần thiết, Theo đó, nội dung quy định tại khoản 3 Điều 29 của dự thảo Luật là không phù hợp.

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Chính phủ sẽ tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện nội dung tại dự thảo Luật phù hợp với nội dung tại Nghị quyết mà UBTVQH vừa thông qua.

12.3. Ý kiến thẩm tra:

Khoản 4 Điều 29 quy định theo hướng các quy định ưu đãi về thuế theo các Nghị quyết khác của Quốc hội được ưu tiên áp dụng. Đề nghị chỉ quy định cho phép ưu tiên áp dụng các ưu đãi về thuế TNCN tại các Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm các cơ chế, chính sách đặc thù, không quy định chung đối với các Nghị quyết khác của Quốc hội. Đề nghị Chính phủ rà soát các ưu đãi về thuế TNCN đã được Quốc hội ban hành để đưa vào dự thảo Luật, bảo đảm thuận tiện, thống nhất trong quá trình tổ chức thực hiện.

Chính phủ xin giải trình như sau:

Các Nghị quyết của Quốc hội có ưu đãi thuế TNCN thì về cơ bản là các Nghị quyết đặc thù, tuy nhiên mỗi Nghị quyết có phạm vi, đối tượng khác nhau, áp dụng cho các đối tượng và khu vực cụ thể, để đảm bảo tính phổ quát của Luật, đề nghị không đưa nội dung này vào Luật.

B. VỀ Ý KIẾN CỦA CÁC ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Về mục đích, quan điểm ban hành Luật

Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Một số ý kiến nhấn mạnh việc sửa đổi Luật Thuế TNCN không chỉ nhằm bảo đảm nguồn thu ngân sách mà còn là công cụ quan trọng để nuôi dưỡng nguồn thu và kích thích tiêu dùng; việc sửa đổi Luật cần tính đến yếu tố xã hội và công bằng, người có thu nhập cao với đóng góp tương xứng cho xã hội (5 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Về nội dung này, tiếp thu ý kiến của Đại biểu, Chính phủ đã chỉ đạo rà soát toàn bộ hồ sơ dự án Luật để đảm bảo từ mục tiêu, quan điểm nêu tại Tờ trình, đến việc quy phạm hóa các chính sách trong dự thảo Luật đã hướng tới các mục tiêu bảo đảm động viên hợp lý vào NSNN, nuôi dưỡng nguồn thu và kích thích tiêu dùng, điều tiết thu nhập của các cá nhân trong xã hội, cá nhân có thu nhập cao sẽ điều tiết ở mức cao hơn.

2. Về phạm vi, nội dung sửa đổi Luật

2.1. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Một số ý kiến cho rằng, dự thảo Luật có nhiều điểm mới, nhất là mở rộng diện miễn thuế và bổ sung đối tượng thu nhập mới (vàng, tín chỉ các-bon, tài sản số). Tuy nhiên, cần chỉnh lý kỹ tiêu chí, ngưỡng, thuế suất và cách xác định thu nhập để bảo đảm công bằng, minh bạch, khả thi, phù hợp kinh tế số và hội nhập quốc tế (4 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến của các Đại biểu, dự thảo Luật đã được rà soát, nghiên cứu kỹ lưỡng các tiêu chí, ngưỡng, thuế suất và cách xác định thu nhập để bảo đảm công bằng, minh bạch, khả thi, phù hợp kinh tế số và hội nhập quốc tế. Trong đó, để đảm bảo tính linh hoạt, kịp thời và phù hợp với điều kiện, tình hình thực tiễn dự thảo Luật cũng giao Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung như mức giảm trừ gia cảnh, mức doanh thu không chịu thuế của cá nhân kinh doanh, khoản chi cho y tế, giáo dục...

2.2. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến cho rằng, dự thảo Luật bổ sung nhiều khoản miễn, giảm thuế trong khi mục tiêu ban đầu là mở rộng cơ sở thuế, điều này gây mâu thuẫn. Vì vậy, đề nghị Cơ quan soạn thảo rà soát kỹ các điều khoản, bổ sung đánh giá tác động đến ngân sách, đặc biệt với hộ và cá nhân kinh doanh để tránh tăng gánh nặng thuế quá lớn (2 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến Đại biểu, Chính phủ đã chỉ đạo cơ quan soạn thảo rà soát kỹ lưỡng để đảm bảo việc bổ sung các khoản miễn, giảm thuế là để thực hiện các chủ trương lớn của Đảng tại các Nghị quyết 57, 59, 68, 71, 72 của Bộ Chính trị về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, hội nhập quốc tế, phát triển y tế, giáo dục không mâu thuẫn với mục tiêu ban đầu là mở rộng cơ sở thuế. Vì bên cạnh việc bổ sung một số khoản miễn, giảm, dự thảo Luật cũng đã bổ sung mở rộng cơ sở thuế đối với những đối tượng, thu nhập chịu thuế mới phát sinh để kịp thời điều chỉnh. Do đó, quy định của dự thảo Luật không mâu thuẫn và vẫn đáp ứng được các mục tiêu, quan điểm xây dựng Luật.

Ngoài ra, tiếp thu ý kiến của Đại biểu, Chính phủ đã chỉ đạo cơ quan soạn thảo rà soát kỹ lưỡng các điều khoản và bổ sung đánh giá tác động cụ thể đối với ngân sách đối với việc sửa đổi, hoàn thiện quy định đối với cá nhân kinh doanh. Dự thảo Luật đã chỉnh lý quy định về mức ngưỡng doanh thu chịu thuế cũng như khoản được trừ vào doanh thu trước khi tính thuế là 500 triệu đồng như đã báo cáo tại điểm 4.1 Mục II Phần A nêu trên.

2.3. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Nhiều ý kiến đề nghị rà soát tổng thể dự thảo Luật để bảo đảm phân định rõ thẩm quyền giữa Quốc hội và Chính phủ, những nội dung liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ, gánh nặng về thuế của người dân/doanh nghiệp phải được quy định rõ trong Luật, phù hợp với Điều 55 của Hiến pháp là *các khoản thu, chi ngân sách phải được luật định*. Theo đó, chỉ các nội dung kỹ thuật cần được

quy định chi tiết thì giao Chính phủ quy định; các nội dung thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng có nhiều thay đổi, cần được điều chỉnh kịp thời theo thời gian thì có thể ủy quyền cho UBTVQH, bảo đảm vừa thực hiện được định hướng phân cấp, phân quyền, chủ động, linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành vừa đạt được mục tiêu các quy định của Luật cụ thể, rõ ràng, minh bạch, ổn định để nhận được sự thống nhất, đồng thuận của người nộp thuế và thuận lợi cho quá trình thực hiện (10 ý kiến).

Có ý kiến đề nghị quy định cụ thể trong Luật các nội dung sau: Khoản thu nhập chịu thuế khác (điểm d khoản 10 Điều 3); Lĩnh vực ưu tiên được giảm 50% thuế (khoản 5 Điều 5); Mức doanh thu không phải nộp thuế (khoản 4 Điều 7); Mức giảm trừ gia cảnh (khoản 1 Điều 10) (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến của các Đại biểu Quốc hội, dự thảo Luật đã được chỉnh lý các quy định liên quan đến thẩm quyền của Quốc hội, UBTVQH và Chính phủ để chỉnh lý theo hướng vừa phù hợp với quy định của Hiến pháp vừa thực hiện được chủ trương phân cấp, phân quyền đảm bảo chủ động, linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành và đảm bảo tính rõ ràng, minh bạch, ổn định để nhận được sự thống nhất, đồng thuận của người nộp thuế và thuận lợi cho quá trình thực hiện. Ví dụ, đã quy định ngay mức giảm trừ gia cảnh vừa được UBTVQH thông qua trong dự thảo Luật, đã chỉnh lý thẩm quyền quy định bổ sung thu nhập chịu thuế và thẩm quyền điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh theo hướng Chính phủ báo cáo UBTVQH xem xét, quyết định và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

2.4. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị bổ sung khoản chi được giảm trừ khỏi thu nhập chịu thuế bao gồm phần tiền lương, tiền công dùng để đóng góp vào doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; phần tiền lương, tiền công để mua bảo hiểm y tế tự nhân ngoài bảo hiểm y tế bắt buộc; phần tiền lương, tiền công dùng để mua và nắm giữ dài hạn các sản phẩm tài chính được cơ quan nhà nước cho phép thành lập và giám sát, ví dụ như Quỹ đầu tư phát triển hạ tầng, Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, Quỹ đầu tư mạo hiểm, Quỹ đổi mới sáng tạo. Theo cách tiếp cận này là cơ sở để tiền lương, tiền công của người dân khi chuyển hóa thành vốn đầu tư cho tương lai của đất nước đều được khuyến khích, trân trọng và bảo vệ bằng pháp luật (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Điều 20 Luật Thuế TNCN hiện hành quy định các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo được trừ vào thu nhập trước khi tính thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công bao gồm: khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành, nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc, khoản đóng góp tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo Luật Bảo hiểm xã hội, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ và các khoản đóng góp vào tổ chức, cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng

trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người tàn tật, người già không nơi nương tựa; khoản đóng góp vào quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học.

Dự thảo Luật đã bổ sung miễn thuế đối với chuyển nhượng chứng chỉ quỹ mở thành lập theo pháp luật chứng khoán được nắm giữ từ 2 năm trở lên; giảm thuế đối với nhân lực công nghệ cao làm việc tại các doanh nghiệp, dự án thuộc lĩnh vực công nghệ cao, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ thông tin, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Thực hiện Nghị quyết số 71, 72 của Bộ Chính trị về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, nhằm khuyến khích cá nhân đầu tư vào phát triển khoa học công nghệ, học tập, nâng cao trình độ, giúp người dân có thêm nguồn lực để giải quyết các vấn đề về tài chính khi phải đối mặt với bệnh tật, dự thảo Luật đã bổ sung thêm các khoản giảm trừ trước khi tính thuế đối với khoản chi phí cho y tế, giáo dục - đào tạo.

Như vậy, các khoản đóng góp được trừ và miễn giảm đã thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng về chính sách khuyến khích đối với một số ngành nghề cũng như thể hiện được chính sách an sinh xã hội thông qua chính sách thuế. Vì vậy, Chính phủ đề nghị giữ như dự thảo Luật.

II. VỀ NHỮNG NỘI DUNG CỤ THỂ

1. Về người nộp thuế (Điều 2)

1.1. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Một số ý kiến cho rằng, quy định hiện hành chưa đề cập rõ cách xác định cư trú và nguồn thu nhập đối với các đối tượng là cá nhân có thu nhập từ các nền tảng kỹ thuật số xuyên biên giới hoặc làm việc từ xa cho các doanh nghiệp ở nước ngoài. Vì vậy, cần nghiên cứu để bổ sung khái niệm về cá nhân cư trú kỹ thuật số hoặc các khái niệm như cá nhân có thu nhập phát sinh tại Việt Nam thông qua môi trường mạng để đáp ứng thực tiễn mới của nền kinh tế số toàn cầu (3 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Luật Thuế TNCN hiện hành quy định cụ thể cá nhân cư trú nộp thuế đối với khoản thu nhập phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam và cá nhân không cư trú nộp thuế với thu nhập phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam. Dự thảo Luật cũng đã bổ sung quy định xác định thu nhập từ kinh doanh bao gồm cả các hình thức cá nhân hợp tác, chia sẻ doanh thu với các tổ chức, kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số để đáp ứng thực tiễn mới của nền kinh tế số toàn cầu.

1.2. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị cần có quy định hướng dẫn cụ thể và cách tính ngày cư trú, ví dụ có tính ngày nhập cảnh hay ngày xuất cảnh hay không để bảo đảm thống nhất và minh bạch trong thực thi (2 ý kiến). Có ý kiến cho rằng, quy định

về tiêu chí “cá nhân cư trú 183 ngày” dễ gây nhầm lẫn trong xác định đối tượng, đề nghị thể hiện lại rõ ràng, dễ hiểu hơn, đặc biệt với người làm việc không liên tục tại Việt Nam (3 ý kiến). Có ý kiến cho rằng, quy định cá nhân cư trú và thu nhập xuyên biên giới cần rà soát để tương thích với quy định của quốc tế. Điều 2 mới chỉ quy định tiêu chí 183 ngày và nơi ở thường xuyên. Vì vậy, đề nghị bổ sung 01 khoản mới vào Điều 2 là trường hợp cá nhân đồng thời cư trú tại Việt Nam và quốc gia khác áp dụng nguyên tắc xác định Trung tâm lợi ích sống theo Hiệp định thuế (1 ý kiến). Có ý kiến cho rằng, khái niệm về nơi ở thường xuyên còn mơ hồ, chưa làm rõ thời hạn tối thiểu bao lâu được xem là thường xuyên (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị bổ sung cụ thể thời hạn thuê từ 183 ngày trở lên trong năm dương lịch tại điểm b khoản 2 quy định cá nhân cư trú có nhà thuê để ở tại Việt Nam theo hợp đồng thuê có thời hạn (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị rà soát với các Luật Doanh nghiệp, Luật Bảo hiểm xã hội, Bộ luật Dân sự bảo đảm đồng bộ, tránh chồng chéo (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến Đại biểu, Chính phủ đã chỉ đạo rà soát các quy định về cá nhân cư trú, cá nhân không cư trú để đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế và đồng bộ với quy định của các luật khác có liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Bảo hiểm xã hội, Bộ Luật dân sự... Đồng thời, xin báo cáo làm rõ thêm như sau:

Dự thảo Luật Thuế TNCN (sửa đổi) cơ bản kế thừa các quy định đang được áp dụng ổn định của Luật Thuế TNCN hiện hành về người nộp thuế bao gồm cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú cùng các điều kiện cụ thể, phạm vi xác định thu nhập chịu thuế bổ sung quy định giao Chính phủ quy định chi tiết điều này. Các quy định cụ thể về cách tính ngày cư trú, có tính ngày nhập cảnh hay ngày xuất cảnh hay không để bảo đảm thống nhất và minh bạch trong thực thi sẽ được quy định tại các văn bản hướng dẫn Luật, ví dụ như hiện nay đã có quy định chi tiết về tiêu chí nơi ở thường xuyên, thời hạn của hợp đồng thuê nhà. Các nội dung liên quan đến thu nhập xuyên biên giới cũng đã được rà soát để đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế.

Bên cạnh đó, tiếp thu ý kiến các vị Đại biểu Quốc hội, Chính phủ sẽ tiếp tục rà soát để quy định chi tiết hơn tại Nghị định nhằm làm rõ các tiêu chí này và đảm bảo tính thống nhất, minh bạch trong triển khai thực hiện nhằm thuận tiện trong áp dụng chính sách và tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp

1.3. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến cho rằng, quy định về người cư trú như khoản 2 Điều 2 không thống nhất với quy định của Luật Cư trú, Luật Nhập cảnh, xuất cảnh và cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, đồng thời có thể gây khó khăn trong việc chứng minh người cư trú (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Dự thảo Luật cơ bản kế thừa các quy định về người nộp thuế. Các nội dung liên quan đến quy định về người cư trú nhằm mục đích thuế và tuân thủ các

Hiệp định tránh đánh thuế hai lần. Phạm vi điều chỉnh của Luật này và các Luật Cư trú, Luật Nhập cảnh, xuất cảnh và cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam là khác nhau do đó sẽ không vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

1.4. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị bổ sung khoản 1 Điều 2 “Tổ chức, cá nhân thực hiện khấu trừ, nộp thay số thuế đã khấu trừ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật quản lý thuế và pháp luật khác” (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Về nội dung này, Chính phủ xin báo cáo làm rõ như sau: Việc khấu trừ, trách nhiệm của tổ chức quản lý sàn thương mại điện tử, quản lý nền tảng số, tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán... sẽ được quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn Luật và pháp luật về quản lý thuế. Ngoài ra, dự thảo Luật cũng đã có quy định nguyên tắc chung về việc áp dụng các quy định của pháp luật về quản lý thuế, do đó đề nghị giữ như dự thảo Luật.

2. Về thu nhập chịu thuế (Điều 3)

2.1. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị làm rõ khái niệm thu nhập từ kinh doanh tại khoản 1 Điều 3 để phân biệt giữa doanh thu và thu nhập chịu thuế, bảo đảm chỉ tính thuế trên phần thu nhập ròng sau khi trừ chi phí hợp lý, hợp lệ, tránh tính thuế trên tổng doanh thu gộp (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến của Đại biểu Quốc hội, dự thảo Luật đã được chỉnh lý đối với quy định của cá nhân kinh doanh tại Điều 7 như nội dung đã quy định tại điểm 2.2 Mục I nêu trên.

Đồng thời Chính phủ đã có báo cáo chi tiết đầy đủ về nội dung này tại mục 2.2 phần I về những vấn đề chung của dự án Luật.

2.2. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến cho rằng đây là “thời điểm vàng” để chuyển sang đánh thuế theo thu nhập ròng nhờ dữ liệu số hóa về đất đai, giao dịch, ngân hàng (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Dự thảo Luật kế thừa quy định về phương pháp tính thuế đối với chuyển nhượng bất động sản là thu theo tỷ lệ 2% trên giá chuyển nhượng từng lần được quy định tại Luật Thuế TNCN hiện hành đã thực hiện ổn định.

Chính sách thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản cần nghiên cứu tổng thể, đảm bảo đồng bộ với quá trình hoàn thiện một loạt chính sách khác liên quan đến đất đai, xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản và cần có đánh giá kỹ lưỡng tác động, đảm bảo tương đồng với mức độ sẵn sàng

của cơ sở dữ liệu cũng như hạ tầng công nghệ thông tin về đăng ký, chuyển nhượng đất đai, bất động sản.

Bên cạnh đó, tiếp thu ý kiến Đại biểu, Chính phủ sẽ nghiên cứu phương pháp thu thuế hợp lý khi các quy định khác của pháp luật cũng như việc quản lý giao dịch bất động sản được thực hiện minh bạch, bài bản, xác định được chính xác doanh thu, chi phí cũng như thời gian nắm giữ.

2.3. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị sửa điểm d khoản 1 Điều 3 theo hướng “thu nhập từ hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác” để thống nhất với dự thảo Luật Quản lý thuế (sửa đổi) (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến của Đại biểu Quốc hội, Chính phủ sẽ nghiên cứu, rà soát để thống nhất giữa 02 Luật cùng được xem xét, thông qua tại Kỳ họp này.

2.4. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Một số ý kiến cho rằng, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 “Các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền dưới mọi hình thức” là chưa rõ ràng, dễ gây nhiều cách hiểu (4 ý kiến). Có ý kiến đề nghị rà soát lại điểm b khoản 2 về “tiền thù lao, các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền dưới mọi hình thức” vì quy định này quá rộng, chưa loại trừ rõ các khoản hỗ trợ mang tính phục vụ công vụ (như phụ cấp hoạt động của Đại biểu Quốc hội, chế độ khoán xe,...) (2 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Các khoản lợi ích không bằng tiền ngoài tiền lương, tiền công do người sử dụng lao động trả mà người nộp thuế được hưởng như tiền nhà ở, điện, nước và các dịch vụ kèm theo (nếu có), các khoản tiền do người sử dụng lao động mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác có tích lũy về phí bảo hiểm, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện hoặc đóng góp Quỹ hưu trí tự nguyện cho người lao động, khoản tiền công tác phí, văn phòng phẩm, ăn giữa ca, phí hội viên, các khoản chi khác phục vụ cá nhân như chăm sóc sức khỏe, vui chơi, thể thao, giải trí... đang được quy định tại các văn bản quy định chi tiết Luật. Do đó, tiếp thu ý kiến Đại biểu, Chính phủ sẽ nghiên cứu, rà soát kỹ lưỡng trong quá trình xây dựng các văn bản này.

2.5. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị chỉ tính thuế đối với khoản có thể quy đổi được thành tiền; nếu không thể quy đổi, không thể quyết toán thuế thì không nên coi là thu nhập chịu thuế (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Các khoản lợi ích không bằng tiền ngoài tiền lương, tiền công do người sử dụng lao động trả mà người nộp thuế được hưởng như tiền nhà ở, điện, nước và các dịch vụ kèm theo (nếu có), các khoản tiền do người sử dụng lao động mua

bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác có tích lũy về phí bảo hiểm, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện hoặc đóng góp Quỹ hưu trí tự nguyện cho người lao động, khoản tiền công tác phí, văn phòng phẩm, ăn giữa ca, phí hội viên, các khoản chi khác phục vụ cá nhân như chăm sóc sức khỏe, vui chơi, thể thao, giải trí... đang được quy định tại các văn bản quy định chi tiết Luật và đã quy định cụ thể cách quy đổi, quá trình thực hiện không phát sinh vướng mắc. Tiếp thu ý kiến của Đại biểu Quốc hội, Chính phủ sẽ chỉ đạo cơ quan soạn thảo sẽ nghiên cứu, rà soát các quy định này tại văn bản quy định chi tiết Luật.

2.6. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị chỉ đánh thuế với khoản có giá trị đáng kể, hoặc có ngưỡng tối thiểu để bảo đảm khả thi; đề nghị bổ sung cụm từ “do người sử dụng lao động trả cho người lao động” (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Dự thảo Luật sẽ được rà soát câu chữ cho phù hợp; đối với những khoản thu nhập giao Chính phủ quy định chi tiết về ngưỡng, Chính phủ sẽ tiếp tục nghiên cứu các mức, ngưỡng tối thiểu tại các văn bản hướng dẫn để đảm bảo tính khả thi khi áp dụng pháp luật.

2.7. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Một số ý kiến cho rằng, thu nhập thuộc diện chịu thuế là nội dung quan trọng của dự thảo Luật, liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người nộp thuế, cần được quy định cụ thể trong Luật để bảo đảm tính rõ ràng, minh bạch, ổn định của chính sách, tạo đồng thuận trong xã hội. Cần quy định cụ thể tương tự Luật hiện hành để đảm bảo thẩm quyền của Quốc hội theo Hiến pháp, tạo minh bạch và thuận lợi cho lập dự toán ngân sách. Việc quy định điểm đ khoản 10 Điều 3 (thu nhập khác do Chính phủ quy định) cần phải được cân nhắc hoặc phải có những giải trình cụ thể hơn (4 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến của Đại biểu Quốc hội, để phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội và đảm bảo cơ sở pháp lý có căn cứ để thu thuế (thu nhập tính thuế, thuế suất) đối với các khoản thu nhập khác chưa được quy định tại Luật Thuế TNCN, Chính phủ lược bỏ quy định “Thu nhập khác do Chính phủ quy định”.

2.8. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị xem xét miễn hoặc ưu đãi thuế với thu nhập từ chuyển giao công nghệ tại khoản 7 Điều 3 để thống nhất với chính sách khuyến khích phát triển khoa học - công nghệ (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Để khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ theo chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước, tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 dự thảo Luật đã quy định miễn thuế TNCN trong thời hạn 05 năm đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân là nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao; giảm

50% thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân là nhân lực công nghệ cao làm việc tại các doanh nghiệp, dự án thuộc lĩnh vực công nghệ cao, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ thông tin, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và một số lĩnh vực ưu tiên phát triển theo quy định của Chính phủ.

Bên cạnh đó, tiếp thu ý kiến của Đại biểu, Chính phủ đã chỉ đạo cơ quan soạn thảo rà soát nội dung tại dự thảo Luật đảm bảo đồng bộ, thống nhất với những nội dung quy định tại các Luật có liên quan như Luật Công nghệ cao, Luật Chuyển giao Công nghệ, Luật Sở hữu trí tuệ.

2.9. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị sửa lại điểm a khoản 7 Điều 3 cho thống nhất với Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022 “Thu nhập từ bản quyền bao gồm thu nhập từ việc sáng tạo hoặc chuyển giao, chuyển quyền sử dụng các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ” (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến Đại biểu, dự thảo Luật đã được rà soát kỹ lưỡng để thống nhất với Luật Sở hữu trí tuệ.

2.10. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị rà soát, loại trừ khỏi diện chịu thuế các khoản mang tính hỗ trợ hoặc phúc lợi, không phải là TNCN thực thụ (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Dự thảo Luật quy định không tính vào thu nhập chịu thuế đối với các khoản phụ cấp, trợ cấp như phụ cấp, trợ cấp theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công; phụ cấp quốc phòng, an ninh; trợ cấp khó khăn đột xuất, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm; trợ cấp mang tính chất bảo trợ xã hội ... Tại Nghị định hướng dẫn quy định không tính vào thu nhập chịu thuế đối với khoản lợi ích về nhà ở, điện, nước và các dịch vụ kèm theo (nếu có) đối với nhà ở do người sử dụng lao động xây dựng để cung cấp cho người lao động làm việc tại khu công nghiệp hoặc nhà ở do người sử dụng lao động xây dựng tại khu kinh tế, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn cung cấp cho người lao động; Khoản hỗ trợ của người sử dụng lao động cho việc khám chữa bệnh hiểm nghèo cho bản thân người lao động và thân nhân (bố, mẹ, vợ/chồng, con) của người lao động; Khoản tiền ăn giữa ca do người sử dụng lao động chi cho người lao động...

Tiếp thu ý kiến Đại biểu, Chính phủ sẽ nghiên cứu, rà soát kỹ lưỡng trong quá trình xây dựng các văn bản quy định chi tiết Luật.

2.11. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến cho rằng quy định hiện nay sẽ dẫn tới việc người lao động hưởng lương phải nộp thuế cao, trong khi nhiều khoản thu nhập từ đầu tư chỉ chịu thuế

suất thấp hoặc thu theo tỷ lệ cố định, điều này gây cảm giác thiếu công bằng, ảnh hưởng đến niềm tin của người dân đối với chính sách thuế. Đề nghị rà soát dự thảo Luật, quy định bảo đảm nguyên tắc công bằng, ai có thu nhập cao hơn đóng góp nhiều hơn (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến của Đại biểu, Chính phủ sẽ tiếp tục rà soát các quy định để bảo đảm nguyên tắc công bằng, ai có thu nhập cao hơn đóng góp nhiều hơn, đảm bảo mức huy động hợp lý giữa các khoản thu nhập phù hợp với tính chất của từng loại thu nhập. Ngoài ra, quy định tại dự thảo Luật đối với các loại thu nhập nêu trên được thực hiện trên cơ sở kế thừa các quy định hiện hành đã ổn định và phát huy hiệu quả, đồng thời cũng phù hợp với thông lệ quốc tế.

2.12. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến cho rằng, cần định nghĩa pháp lý rõ cho các khái niệm mới như “tài sản số”, “vàng miếng”, “tín chỉ carbon” (1 ý kiến). Có ý kiến cho rằng, dự thảo Luật chưa xác định rõ đối tượng chịu thuế và dẫn đến khó khăn khi triển khai thị trường carbon (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Về nội dung này, Chính phủ xin báo cáo làm rõ như sau: các khái niệm “tài sản số”, “vàng miếng”, “tín chỉ các-bon” đã được quy định tại các pháp luật chuyên ngành. Do đó, đề nghị không quy định lại trong Luật Thuế TNCN.

2.13. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị chưa áp dụng thuế TNCN với chuyển nhượng tín chỉ carbon để khuyến khích doanh nghiệp tham gia thị trường các-bon còn non trẻ; khi thị trường vận hành ổn định (dự kiến sau 2028) mới xem xét thu thuế để hài hòa mục tiêu kinh tế xanh và thu ngân sách và phù hợp kinh nghiệm quốc tế (2 ý kiến). Có ý kiến cho rằng quy định tại điểm b khoản 10 Điều 3 và khoản 16 Điều 4 chưa thống nhất, đề nghị rà soát, chỉnh sửa để bảo đảm đồng bộ, tránh trùng lặp hoặc mâu thuẫn trong áp dụng (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị bỏ khoản 10 Điều 3 (thu nhập chịu thuế từ tín chỉ carbon), chỉ giữ lại quy định tại khoản 16 Điều 4, đồng thời quy định rõ cách tính và giai đoạn áp dụng để đảm bảo khả thi (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Nhằm mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, góp phần khuyến khích, thúc đẩy thành lập và vận hành thị trường các-bon, dự thảo Luật (khoản 16 Điều 4) quy định miễn thuế đối với: *Thu nhập từ chuyển nhượng lần đầu kết quả giảm phát thải khí nhà kính của cá nhân được công nhận kết quả giảm phát thải khí nhà kính, tín chỉ các - bon của cá nhân được cấp tín chỉ các-bon; thu nhập từ tiền lãi trái phiếu xanh; thu nhập từ chuyển nhượng lần đầu trái phiếu xanh sau khi phát hành.*

Cơ chế ưu đãi tại dự thảo Luật phân biệt giữa chuyển nhượng lần đầu của cá nhân được công nhận kết quả giảm phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon

được miễn thuế và chuyển nhượng thương mại lần sau mang tính chất kinh doanh, mua đi bán lại thì không được miễn thuế, quy định này nhằm đảm bảo miễn thuế đúng đối tượng và phù hợp với kinh nghiệm các nước trên thế giới cũng như đảm bảo đồng bộ với quy định tại Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15.

2.14. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến cho rằng, cần định nghĩa rõ khái niệm “kinh doanh nền tảng số” hoặc giao Chính phủ quy định chi tiết và giao Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý thuế với vàng miếng, tránh thất thu (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Khái niệm “kinh doanh nền tảng số” đã được đề cập ở một số pháp luật về thuế như Luật Thuế TNDN, Luật Thuế GTGT, Luật Quản lý thuế.... Tiếp thu ý kiến Đại biểu, Chính phủ sẽ chỉ đạo cơ quan soạn thảo sẽ tiếp tục rà soát để quy định chi tiết tại Nghị định bảo đảm thống nhất với các pháp luật liên quan.

2.15. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến cho rằng, tài sản số là khái niệm mới, phức tạp, cần có hướng dẫn chi tiết về phạm vi, nguyên tắc xác định giá chuyển nhượng, chứng từ hợp pháp, cơ chế kê khai - nộp thuế. Đề nghị Cơ quan soạn thảo rà soát, nghiên cứu đồng bộ với Luật Công nghiệp và Công nghệ số (có hiệu lực 01/01/2026) để bảo đảm khả thi khi áp dụng (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến Đại biểu, Chính phủ đã chỉ đạo cơ quan soạn thảo rà soát, nghiên cứu để đồng bộ với Luật Công nghiệp và Công nghệ số để đảm bảo tính khả thi khi áp dụng. Đồng thời Chính phủ xin báo cáo làm rõ thêm như sau:

Theo quy định của Luật Công nghiệp công nghệ số thì tài sản số là tài sản theo quy định của Bộ luật Dân sự, được thể hiện dưới dạng dữ liệu số, được tạo lập, phát hành, lưu trữ, chuyển giao và xác thực bởi công nghệ số trên môi trường điện tử. Tài sản số bao gồm: a) Tài sản ảo trên môi trường điện tử là một loại tài sản số có thể được dùng cho mục đích trao đổi hoặc đầu tư. Tài sản ảo không bao gồm chứng khoán, các dạng số của tiền pháp định và tài sản tài chính khác theo quy định của pháp luật về dân sự; tài chính; b) Tài sản mã hóa là một loại tài sản số sử dụng công nghệ mã hóa hoặc công nghệ số có chức năng tương tự để xác thực đối với tài sản trong quá trình tạo lập, phát hành, lưu trữ, chuyển giao. Tài sản mã hóa không bao gồm chứng khoán, các dạng số của tiền pháp định và tài sản tài chính khác theo quy định của pháp luật về dân sự; tài chính và c) Tài sản số khác.

Dự thảo Luật cũng giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này. Do đó, tiếp thu ý kiến Đại biểu Quốc hội, Chính phủ sẽ chỉ đạo cơ quan soạn thảo rà soát nội dung này và quy định cụ thể tại Nghị định hướng dẫn Luật.

2.16. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị bổ sung 01 khoản mới vào Điều 3 để quy định về tài sản số là tài sản được số hóa có giá trị giao dịch bao gồm Token, tài sản kỹ thuật số, tiền mã hóa được xác định theo giá thị trường trên sàn giao dịch được cấp phép và đồng thời thuế vàng miếng được chuyển từ thuế doanh thu sang thuế chênh lệch giá và có ngưỡng miễn nhỏ đối với loại nhỏ (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Các nội dung này đang giao Chính phủ quy định chi tiết, vì vậy, tiếp thu ý kiến Đại biểu Quốc hội, Chính phủ sẽ chỉ đạo cơ quan soạn thảo sẽ nghiên cứu quy định này tại văn bản quy định chi tiết Luật.

2.17. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị loại trừ thu nhập từ thực hiện hoặc kết thúc hợp đồng bảo hiểm nhân thọ khỏi diện chịu thuế vì bản chất đây là tiết kiệm có kỳ hạn, người dân chỉ nhận lại vốn và lãi; việc đưa khoản này vào diện chịu thuế là không công bằng và trái bản chất của bảo hiểm nhân thọ (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Dự thảo Luật đã quy định miễn thuế đối với lãi từ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ do đó khi cá nhân nhận lãi từ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ thì không phải nộp thuế đối với khoản thu nhập này.

2.18. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị thống nhất sử dụng khái niệm “cổ tức” thay cho “lợi tức cổ phần” tại b khoản 3 Điều 3 để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2025, tránh gây hiểu nhầm (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến Đại biểu Quốc hội, Chính phủ đã chỉ đạo cơ quan soạn thảo rà soát câu chữ để đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan.

2.19. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến cho rằng, quy định về thu nhập từ quà tặng, thừa kế tại khoản 9 Điều 3 chưa bao quát đầy đủ, còn bỏ sót các loại quà tặng có giá trị lớn như tiền mặt, cây cảnh, thú cưng, bản quyền, thương hiệu,... Đề nghị mở rộng khái niệm “quà tặng có giá trị”, quy định ngưỡng cụ thể để đánh thuế theo thông lệ quốc tế, bảo đảm công bằng và minh bạch (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Dự thảo Luật kế thừa quy định của Luật hiện hành chỉ quy định thu nhập chịu thuế gồm thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là chứng khoán, phần vốn trong các tổ chức kinh tế, cơ sở kinh doanh, bất động sản và các tài sản phải đăng ký sở hữu hoặc đăng ký sử dụng đảm bảo minh bạch, khả thi trong quản lý.

2.20. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị về thu nhập từ chuyển nhượng biên số xe trúng đấu giá (điểm c khoản 10 Điều 3) chỉ đánh thuế phần giá trị tăng thêm so với giá đấu

ban đầu, không đánh trên toàn bộ giá chuyển nhượng để bảo đảm công bằng và khuyến khích tham gia đấu giá (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Dự thảo Luật quy định mức thuế suất 5% đối với thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng biến số xe trúng đấu giá, thu nhập tính thuế là phần thu nhập vượt trên 20 triệu đồng thống nhất đối với các khoản thu nhập khác của cá nhân cư trú quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 10 Điều 3 dự thảo Luật. Việc cho trừ giá đấu ban đầu là không phù hợp với mức thuế suất 5% (nếu tính theo thu nhập cho trừ giá đấu ban đầu thì mức thuế suất phải cao hơn). Mặt khác, đối với kho số biến số xe, đặc biệt là những biến số xe “đẹp” là hữu hạn, những cá nhân có điều kiện, thu nhập cao mới có nhu cầu sở hữu những biến số xe “đẹp” này. Do vậy, đề nghị cho giữ như dự thảo Luật.

2.21. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị về cơ sở tính thuế tài sản tại điểm d khoản 10 Điều 3 chỉ nên tính thuế dựa trên chênh lệch giá (lợi nhuận thực tế), không tính theo giá chuyển nhượng nhằm bảo đảm nguyên tắc công bằng, tránh đánh thuế cả vào phần vốn (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến Đại biểu, Chính phủ sẽ chỉ đạo cơ quan soạn thảo nghiên cứu quy định phương pháp, cơ sở xác định số thuế phải nộp tại văn bản quy định chi tiết Luật.

2.22. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị loại trừ khỏi diện chịu thuế các khoản lãi tiết kiệm, lợi tức cổ phần và thu nhập đầu tư vốn vì đây là nguồn huy động vốn quan trọng của nền kinh tế; nếu đánh thuế quá rộng sẽ giảm động lực đầu tư và tiết kiệm của người dân (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Dự thảo Luật kế thừa quy định hiện hành về miễn thuế đối với lãi tiền gửi tại tổ chức tín dụng. Đối với hoạt động đầu tư vốn có đặc điểm khác là hoạt động đầu tư vốn của cá nhân thông qua việc mua cổ phần, cổ phiếu nhằm mục đích sinh lời; với việc phát triển của thị trường vốn và trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, số lượng người đầu tư vào các thị trường vốn bao gồm cả cá nhân trong nước và cá nhân nước ngoài tăng lên, đồng thời số lượng người nắm giữ cổ phần của các doanh nghiệp cũng tăng. Do vậy, việc thu thuế đối với khoản lợi tức cổ phần và thu nhập từ đầu tư vốn, chuyển nhượng chứng khoán là cần thiết, thực hiện mục tiêu công bằng và phù hợp với thông lệ quốc tế.

2.23. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến cho rằng, tiền thưởng từ thực hiện nhiệm vụ, thành tích đột xuất nếu tính vào thu nhập chịu thuế là bất hợp lý, ví dụ người lao động được thưởng

nhỏ nhưng có thể làm vượt ngưỡng chịu thuế, khiến “tiền thưởng không bằng tiền thuế phải nộp” (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tại Nghị định quy định chi tiết Luật hiện hành đã quy định miễn thuế đối với khoản tiền thưởng như tiền thưởng kèm theo các danh hiệu được Nhà nước phong tặng, bao gồm cả tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng; tiền thưởng kèm theo giải thưởng quốc gia, giải thưởng quốc tế được Nhà nước Việt Nam thừa nhận; tiền thưởng về cải tiến kỹ thuật, sáng chế, phát minh được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; tiền thưởng về việc phát hiện, khai báo hành vi vi phạm pháp luật với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Tiếp thu ý kiến Đại biểu, Chính phủ sẽ chỉ đạo cơ quan soạn thảo nghiên cứu, rà soát quy định này tại văn bản quy định chi tiết Luật.

2.24. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị quy định rõ các khoản quyền góp, hỗ trợ cá nhân mang tính từ thiện, nhân đạo không thuộc diện chịu thuế (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Dự thảo Luật quy định miễn thuế đối với thu nhập nhận được từ các tổ chức và quỹ từ thiện được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hoặc công nhận, hoạt động vì mục đích từ thiện, nhân đạo, không vì mục tiêu lợi nhuận. Khi cá nhân có các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo sẽ được giảm trừ các khoản đóng góp vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công. Nội dung này đã được quy định rõ và áp dụng ổn định, vì vậy Chính phủ đề nghị giữ như dự thảo Luật.

2.25. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị chỉnh sửa lại điểm d khoản 1 Điều 3 “Thu nhập từ hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số...” (1 ý kiến); đề nghị bổ sung từ “sáng tạo” trước từ “chuyển giao” tại khoản 7 Điều 3 (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến Đại biểu Quốc hội, Chính phủ đã chỉ đạo cơ quan soạn thảo rà soát câu chữ đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2.26. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị làm rõ định nghĩa và phạm vi của “tài sản” (điểm d khoản 10 Điều 3) để tránh chồng chéo với các loại hình tài sản khác (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến Đại biểu Quốc hội, Chính phủ sẽ chỉ đạo cơ quan soạn thảo nghiên cứu quy định cụ thể về “tài sản số” tại văn bản quy định chi tiết Luật.

2.27. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến tán thành việc bổ sung các khoản thu nhập mới để mở rộng cơ sở thuế song đề nghị quy định rõ trong Luật, tránh giao quá nhiều cho Chính phủ để bảo đảm minh bạch, ổn định (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến của các Đại biểu Quốc hội, dự thảo Luật đã được chỉnh lý theo hướng Chính phủ báo cáo UBTVQH xem xét quyết định bổ sung các khoản thu nhập và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

2.28. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

- Một số ý kiến không đồng tình đánh thuế chuyển nhượng vàng miếng vì nhiều người dân mua vàng để tích trữ, không đầu cơ; mức thuế thấp không đủ tác dụng điều tiết, lại tạo gánh nặng hành chính không cần thiết; đánh thuế sẽ thiếu tính nhân văn, khó thực thi (7 ý kiến). Trong đó, có ý kiến cho rằng thuế TNCN nhằm điều tiết thu nhập, không phải công cụ điều tiết thị trường vàng (1 ý kiến). Có ý kiến cho rằng khó khả thi trong tổ chức thu thuế (ai thu, thu khi nào, thu hộ ra sao) (3 ý kiến). Có ý kiến đề nghị cân nhắc loại bỏ quy định này để tránh bất hợp lý với tập quán tích trữ vàng của người dân Việt Nam (1 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị xem xét lại quy định đánh thuế vàng miếng vì có thể dẫn đến thuế chồng thuế, khi người dân mua vàng đã chịu thuế rồi khi bán lại lại bị đánh thuế tiếp (1 ý kiến). Có ý kiến cho rằng vàng miếng đã chịu thuế GTGT, việc đánh thêm thuế TNCN là chưa hợp lý, có thể gây biến tướng thị trường (1 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị cần phân biệt hai nhóm đối tượng: người dân tích trữ vàng nhỏ lẻ để tiết kiệm lâu dài và nhà đầu tư kinh doanh vàng, từ đó cần có chính sách khác nhau (1 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị cân nhắc thoả đáng việc áp thuế đối với chuyển nhượng vàng miếng để tránh bất cập cho người dân có hoạt động chuyển nhượng vàng không vì mục đích đầu cơ, kinh doanh; đồng thời đề nghị Chính phủ cung cấp thông tin về thời điểm dự kiến áp dụng các quy định này (1 ý kiến).

- Một số ý kiến đồng ý với Tờ trình của Chính phủ về đưa thu nhập từ chuyển nhượng vàng miếng vào diện chịu thuế TNCN song cần có ngưỡng để loại trừ trường hợp mua, bán vàng với mục đích tiết kiệm, cất giữ, không phải kinh doanh, song cần có tiêu chí cụ thể (4 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị mở rộng diện chịu thuế với toàn bộ hoạt động chuyển nhượng vàng, không chỉ vàng miếng nhằm bao quát thực tế thị trường và phù hợp với Nghị quyết 278/NQ-CP về quản lý kinh doanh vàng (1 ý kiến).

- Có ý kiến đồng ý với việc đánh thuế để chống đầu cơ nhưng đề nghị xác định ngưỡng miễn thuế hợp lý (ví dụ tương đương giá trị nhà ở xã hội khoảng 700-800 triệu đồng), tránh đánh thuế vào tiết kiệm nhỏ lẻ của người dân, không để xảy ra “thuế chồng thuế” (1 ý kiến).

- Có ý kiến đồng tình với việc quy định giao Chính phủ quyền áp dụng thuế trong giai đoạn biến động bất thường để ổn định thị trường, tránh chênh lệch giá và thất thoát ngoại tệ. Chính sách này không phải hiệu lực thường xuyên, chỉ diễn ra trong một giai đoạn nào đó mang tính cấp bách, có thể trong vòng độ 6 tháng hoặc một vài tháng bất thường để ổn định thị trường (2 ý kiến).

- Có ý kiến đồng tình với mức thu 0,1% để bảo đảm công bằng nhưng cần làm rõ thế nào là “chuyển nhượng”, tránh áp dụng cho giao dịch tiết kiệm nhỏ lẻ. Quy định ngưỡng và tần suất chịu thuế vàng miếng để tránh đánh thuế cả các giao dịch tiết kiệm nhỏ lẻ. Có ý kiến đề nghị có thể xem xét tăng thuế trên 0,1%, đề nghị phân loại tài sản đầu cơ, áp thuế 5% hoặc lũy tiến (2 ý kiến).

- Đề nghị bỏ cụm từ “phù hợp với lộ trình quản lý thị trường vàng” tại khoản 11 Điều 3, chỉ nên quy định ngưỡng giá trị và thời điểm thu thuế do Chính phủ hướng dẫn chi tiết (1 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị nên quy định nguyên tắc khung trong dự thảo Luật về ngưỡng chịu thuế đối với vàng miếng và các tài sản đặc thù, quy định chi tiết có thể giao Chính phủ hướng dẫn để bảo đảm sự giám sát của Quốc hội (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến của các Đại biểu Quốc hội, Chính phủ đã chỉ đạo cơ quan soạn thảo rà soát kỹ lưỡng, nghiên cứu quy định pháp luật có liên quan, thông lệ quốc tế và các điều kiện quản lý thị trường vàng hiện nay để hoàn thiện quy định này trong dự thảo Luật để đảm bảo vừa đáp ứng được yêu cầu của lãnh đạo Đảng, Nhà nước về góp phần quản lý thị trường vàng, vừa có lộ trình cần thiết để đảm bảo khả thi khi thực hiện và nhận được sự đồng thuận của đa số đối tượng chịu tác động. Đồng thời Chính phủ xin báo cáo làm rõ thêm như sau:

Việc đề xuất đánh thuế đối với chuyển nhượng vàng đã được rà soát, nghiên cứu kỹ lưỡng, trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các cơ quan, các Bộ, ngành và trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Đại biểu Quốc hội, dự thảo Luật giao Chính phủ căn cứ tình hình quản lý thị trường vàng, quy định thời điểm áp dụng, ngưỡng giá trị vàng miếng chịu thuế và điều chỉnh thuế suất cho phù hợp với lộ trình quản lý thị trường vàng và sẽ thu thuế TNCN đối với chuyển nhượng vàng miếng với mức thuế suất là 0,1% trên giá chuyển nhượng từng lần.

Việc giao Chính phủ quy định cụ thể ngưỡng giá trị vàng miếng chịu thuế nhằm loại trừ trường hợp những cá nhân thực hiện mua, bán vàng cho mục đích tiết kiệm, cất giữ (không vì mục đích kinh doanh), phù hợp với tập quán mua vàng tích trữ của một bộ phận người dân hiện nay.

Quy định này đảm bảo Chính phủ có cơ sở pháp lý quyết định việc thu thuế và các nội dung cụ thể như ngưỡng chịu thuế, điều chỉnh thuế suất khi các điều kiện về quản lý thị trường vàng đáp ứng yêu cầu của công tác thu và quản lý thu. Ngoài ra, do đây là quy định mới, với đối tượng tác động rộng nên việc quy định như dự thảo Luật là bước đi cần thiết góp phần bảo vệ sự ổn định của nền kinh tế, thực hiện đúng chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về quản lý chặt chẽ

hoạt động kinh doanh vàng, góp phần hạn chế việc đầu cơ vào vàng, thu hút được nguồn lực trong xã hội để tham gia vào nền kinh tế.

2.29. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị áp dụng thuế suất 3% đối với hoạt động kinh doanh khác (Điều 20 khoản 3).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Việc tính toán quy định tỷ lệ đối với từng ngành, nghề, lĩnh vực kinh doanh đã được quy định tại Luật hiện hành và thực hiện ổn định, tỷ lệ áp dụng đối với hoạt động kinh doanh khác của cá nhân cư trú là 1%, của cá nhân không cư trú là 2%. Do đó để tránh xáo trộn, đề nghị giữ như dự thảo Luật.

2.30. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị nên nghiên cứu bổ sung thu nhập từ chuyển nhượng dự án đầu tư (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Dự thảo Luật đã kế thừa quy định hiện hành về thu nhập từ chuyển nhượng vốn, bao gồm thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn trong các tổ chức kinh tế, thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán và thu nhập từ chuyển nhượng vốn dưới các hình thức khác. Do đó, thu nhập từ chuyển nhượng dự án đầu tư đã thuộc phạm vi điều tiết của Luật, thuộc thu nhập từ chuyển nhượng vốn dưới các hình thức khác.

2.31. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đồng tình về việc miễn thuế cho các khoản thu nhập từ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhưng chỉ trong thời gian nhất định (5 - 10 năm), không nên miễn vĩnh viễn (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Thực hiện chủ trương về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, nội dung quy định này đang kế thừa quy định tại Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 vừa được Quốc hội thông qua. Chính phủ sẽ có đánh giá sau quá trình thực hiện Luật và báo cáo Quốc hội sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh phù hợp.

3. Về thu nhập được miễn thuế (Điều 4)

3.1. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị rà soát, đồng bộ quy định miễn thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế tài sản trong phạm vi gia đình; mở rộng khái niệm để bao quát trường hợp ông bà - cháu nuôi (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị làm rõ trường hợp tặng, cho bằng tiền, hiện chưa có quy định cụ thể, gây lúng túng trong thực tiễn (1 ý kiến). Có ý kiến cho rằng đối với quy định miễn thuế đối với thu nhập từ thừa kế, quà tặng là bất động sản (khoản 1 Điều 4), cần thận

trọng, xem xét toàn diện vì thừa kế bất động sản là nguồn thu lớn, liên quan đến mục tiêu phân phối lại của thuế; theo kinh nghiệm quốc tế thì nhiều nước vẫn đánh thuế thặng dư/thuế thừa kế ở mức cao để tránh tích tụ tài sản. Đề xuất chính sách: chỉ miễn thuế hoàn toàn cho quan hệ cha, mẹ, vợ, chồng, con; với quan hệ còn lại (ông bà, cháu, anh chị em ruột,...) xây dựng lộ trình áp thuế TNCN cho phần giá trị vượt mức; phần vượt mức có thể tính theo biểu thuế lũy tiến (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Dự thảo Luật kế thừa quy định của Luật hiện hành về miễn thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản giữa vợ với chồng; cha đẻ, mẹ đẻ với con đẻ; cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi; cha chồng, mẹ chồng với con dâu; cha vợ, mẹ vợ với con rể; ông nội, bà nội với cháu nội; ông ngoại, bà ngoại với cháu ngoại; anh, chị, em ruột với nhau. Quy định này đã thực hiện ổn định thời gian qua và không phát sinh vướng mắc, do đó đề nghị giữ như dự thảo.

3.2. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị đối với quy định miễn thuế khi chuyển nhượng nhà ở, đất ở duy nhất (khoản 2 Điều 4), cần làm rõ khái niệm “chỉ có một nhà ở, đất ở duy nhất” vì trên thực tế có nhiều trường hợp đồng sở hữu, tài sản hình thành trong tương lai, hoặc chưa có giấy chứng nhận quyền sở hữu, đối với tài sản hình thành trong tương lai vẫn phải nộp thuế khi chuyển nhượng. Đề nghị xem xét lại quy định để bảo đảm tính thực tiễn và công bằng (2 ý kiến). Có ý kiến đồng ý việc kế thừa quy định hiện hành về miễn thuế khi cá nhân chỉ có một nhà hoặc đất ở duy nhất, song đề nghị làm rõ tiêu chí phân biệt giữa giao dịch dân sự đơn lẻ và hoạt động kinh doanh bất động sản thường xuyên. Kiến nghị bổ sung tiêu chí nhận diện hoạt động kinh doanh để tránh lách thuế, đồng thời bảo đảm thống nhất với Luật Đất đai 2024 (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến Đại biểu, Chính phủ sẽ chỉ đạo cơ quan soạn thảo nghiên cứu quy định cụ thể về việc cá nhân chuyển nhượng nhà ở, đất ở duy nhất được miễn thuế TNCN tại văn bản hướng dẫn Luật đảm bảo rõ ràng, minh bạch.

Ngoài ra, Chính phủ xin báo cáo làm rõ thêm như sau:

Tại khoản 2 Điều 4 Luật Thuế TNCN hiện hành quy định miễn thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng nhà ở, quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất ở của cá nhân trong trường hợp chỉ có một nhà ở, đất ở duy nhất. Việc miễn thuế TNCN đối với nhà ở, đất ở duy nhất mang ý nghĩa an sinh xã hội. Trong thực tế, việc chuyển nhượng bất động sản của cá nhân chỉ có một nhà ở, đất ở duy nhất thường phát sinh chủ yếu đối với cá nhân có nhu cầu cần thiết phải đổi nơi ở để thuận tiện cho cuộc sống, công việc, học tập,... Nhà nước không điều tiết thuế trong trường hợp này để đảm bảo cho cá nhân khi chuyển nhượng bất động sản có thể mua bất động sản ở nơi khác với giá trị tương đương, tạo điều kiện cho cá nhân có chỗ ở theo đúng chủ trương, chính sách về

nhà ở. Quy định miễn thuế nêu trên đã thể hiện chính sách phân biệt giữa giao dịch dân sự đơn lẻ và hoạt động kinh doanh bất động sản thường xuyên. Với việc số hóa các dữ liệu về bất động sản và giao dịch bất động sản do các cơ quan đang thực hiện, thì việc phân biệt này là có thể thực hiện và cũng sẽ xác định được cá nhân có hoạt động kinh doanh bất động sản như ý kiến Đại biểu nêu.

3.3. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị bổ sung tại khoản 2 Điều 4, cụm từ “tại Việt Nam” (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến Đại biểu Quốc hội, sẽ rà soát câu chữ đảm bảo phù hợp. Cụ thể hoàn thiện quy định tại khoản 2 Điều 4 dự thảo Luật như sau: “2. Thu nhập từ chuyển nhượng nhà ở, quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất ở của cá nhân trong trường hợp cá nhân chỉ có một nhà ở, đất ở duy nhất tại Việt Nam”.

3.4. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị miễn thuế cho tiền làm thêm giờ, làm ban đêm ở mức thu nhập dưới 500.000 - 1.000.000 VNĐ nhằm khuyến khích người lao động, giảm thủ tục kê khai (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến Đại biểu Quốc hội, dự thảo Luật đã được chỉnh lý theo hướng miễn thuế đối với toàn bộ phần tiền làm thêm giờ, tiền làm ban đêm.

3.5. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị miễn thuế cho học bổng do cá nhân tài trợ thông qua các cơ sở giáo dục vì hiện nhiều học bổng đến từ nguồn cá nhân, không chỉ tổ chức (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Dự thảo Luật đã kế thừa quy định hiện hành về miễn thuế đối với phần thu nhập từ học bổng, nhận được từ NSNN và học bổng nhận được từ tổ chức trong nước và ngoài nước theo chương trình hỗ trợ khuyến học của tổ chức đó. Việc đề xuất miễn thuế đối với học bổng nhận từ cá nhân là thiếu tính minh bạch và có thể gây khó khăn trong quản lý. Do vậy, đề nghị giữ như dự thảo Luật.

3.6. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị miễn thuế chuyển nhượng nhà, đất tái định cư để hỗ trợ người bị thu hồi đất, giảm thiểu khiếu kiện (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Dự thảo Luật đã kế thừa quy định của Luật hiện hành là miễn thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng nhà ở, quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất ở của cá nhân trong trường hợp cá nhân chỉ có một nhà ở, đất ở duy nhất. Do

đó, trường hợp cá nhân chỉ có một nhà ở, đất ở duy nhất khi chuyển nhượng sẽ được miễn thuế (kể cả nhà tái định cư duy nhất).

3.7. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến cho rằng, nhiều quy định tại Điều 4 còn khái quát, đặc biệt với các khoản thu nhập mới như tín chỉ carbon hay trái phiếu xanh hay thu nhập từ đổi mới sáng tạo, chưa có tiêu chí cụ thể để xác định đối tượng được miễn thuế. Bên cạnh đó, một số quy định như miễn thuế cho nhà đất duy nhất hoặc chuyển nhượng trong phạm vi gia đình có thể cũng tiềm ẩn nguy cơ lợi dụng nhằm trốn thuế, đòi hỏi cần phải có những cơ chế kiểm soát, minh bạch và kết nối các dữ liệu tài sản này (3 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Cơ chế kiểm soát, minh bạch và kết nối các dữ liệu tài sản thuộc phạm vi của các cơ quan chuyên ngành, việc quản lý về thuế thuộc phạm vi của pháp luật về quản lý thuế. Tiếp thu ý kiến Đại biểu, Chính phủ sẽ nghiên cứu nội dung này trong quá trình xây dựng các văn bản quy định chi tiết Luật Quản lý thuế. *3.8. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:*

Có ý kiến đề nghị làm rõ khái niệm dự án khởi nghiệp sáng tạo và nhà đầu tư mạo hiểm cá nhân để tránh lợi dụng chuyển vốn đầu tư thông thường thành đầu tư khởi nghiệp. Ngoài ra đề nghị dẫn chiếu trực tiếp những nội dung liên quan đến nội dung của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Nghị định số 38/2018/NĐ-CP quy định chi tiết hướng dẫn về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo để xác định tiêu chí rõ ràng (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Việc quy định dự án khởi nghiệp sáng tạo và nhà đầu tư mạo hiểm cá nhân sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, do đó đề nghị không quy định dẫn chiếu trực tiếp tại Luật này vì có thể phát sinh vướng mắc khi các quy định dẫn chiếu trực tiếp có sự thay đổi.

3.9. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị về miễn thuế thu nhập từ lãi trái phiếu (khoản 6 Điều 4) cần mở rộng miễn thuế cho trái phiếu chính quyền địa phương nhằm khuyến khích huy động vốn phát triển hạ tầng và tăng tính chủ động cho địa phương (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến Đại biểu Quốc hội, dự thảo Luật đã được chỉnh lý theo hướng miễn thuế đối với lãi trái phiếu chính quyền địa phương thống nhất với việc miễn thuế đối với lãi trái phiếu Chính phủ.

3.10. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến cho rằng về miễn thuế kiều hối (khoản 7 Điều 4) thì kiều hối bản chất không thuộc đối tượng chịu thuế nên không nên quy định là “miễn thuế”

mà nên loại khỏi diện chịu thuế, tránh mâu thuẫn giữa Điều 3 và Điều 4 (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Dự thảo Luật kế thừa quy định hiện hành về miễn thuế đối với thu nhập từ kiều hối. Quy định này đã thực hiện ổn định thời gian qua và không phát sinh vướng mắc, do đó đề nghị cho giữ như dự thảo Luật.

3.11. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị tại khoản 8 Điều 4 cần quy định rõ phần nào của tiền lương làm thêm giờ, làm ban đêm được miễn thuế, căn cứ Điều 98 Bộ luật Lao động, tránh hiểu sai hoặc lợi dụng. Quy định tại dự thảo Luật còn mang tính khái quát, chưa cụ thể dẫn đến khó khăn khi triển khai áp dụng, đồng thời có thể bị lợi dụng để né thuế nếu không được hướng dẫn chặt chẽ. Nên xác định rõ phần nào trong các khoản cộng thêm này được miễn thuế toàn bộ hay một phần, đồng thời dự thảo Luật cũng chưa quy định rõ khung giờ nào được coi là ban đêm, dẫn đến nguy cơ áp dụng tùy tiện giữa các ngành nghề hoặc địa phương (2 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến Đại biểu, để hỗ trợ người lao động làm việc ngoài giờ, làm ban đêm, dự thảo Luật đã được chỉnh lý theo hướng miễn toàn bộ phần tiền lương làm việc ban đêm, làm thêm giờ của người lao động.

Việc quy định khung giờ làm việc ban đêm thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động.

3.12. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị tại khoản 9 Điều 4 về thu nhập từ quỹ hưu trí bổ sung, quỹ hưu trí tự nguyện nên thống nhất với Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 áp dụng mô hình đánh thuế miễn thuế thay vì chỉ miễn chi trả hàng tháng (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Tại điểm d khoản 2 Điều 9 Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 quy định:

d) Phần chi vượt mức do Chính phủ quy định đối với: khoản đóng góp tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội hoặc quỹ có tính chất an sinh xã hội, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ cho người lao động.

Vì vậy, đề nghị giữ như dự thảo Luật để tránh xáo trộn, đồng bộ, thống nhất với pháp luật về thuế TNDN hiện hành cũng giao Chính phủ quy định mức chi được trừ đối với trích nộp quỹ hưu trí tự nguyện, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ của người sử dụng lao động cho người lao động.

3.13. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến cho rằng, tại khoản 11 Điều 4 không cần liệt kê các khoản bồi thường bảo hiểm trong phần miễn thuế vì loại thu nhập này vốn không thuộc diện chịu thuế, việc nêu lại là thừa (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Việc xây dựng kết cấu dự thảo Luật trên cơ sở kế thừa kết cấu tại Luật hiện hành, trong đó Điều 3 quy định về thu nhập chịu thuế, Điều 4 quy định về thu nhập miễn thuế để đảm bảo rõ ràng, thuận tiện, dễ tra cứu cho người nộp thuế, vì vậy, đề nghị giữ như hiện hành.

3.14. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị rà soát quy định liên quan đến lĩnh vực quốc phòng, an ninh, hiện nay đã cho miễn giảm đối với thuế GTGT. Đề nghị cần rà soát lại thuế TNCN đối với nhân lực công nghệ chất lượng cao thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh. Đây là những nhân lực rất đặc biệt, ví dụ như Tổng công trình sư, chuyên gia hàng đầu thì đề nghị phải ghi nhận rõ; nên mở rộng cho các đối tượng liên quan, đặc biệt liên quan đến lĩnh vực công nghiệp quốc phòng, an ninh trọng điểm (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến Đại biểu, dự thảo Luật đã được rà soát và tại dự thảo Luật đã bổ sung quy định không tính vào thu nhập chịu thuế đối với phụ cấp quốc phòng, an ninh.

3.15. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị cho phép giảm trừ học phí cho con và chi phí khám chữa bệnh không được bảo hiểm y tế chi trả vào thu nhập chịu thuế, phù hợp chủ trương chăm lo giáo dục, y tế (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Thực hiện các chủ trương của Đảng và Nhà nước tại các Nghị quyết của Bộ Chính trị (Nghị quyết số 71-NQ/TW về giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 72-NQ/TW về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân), nhằm khuyến khích cá nhân đầu tư vào học tập, nâng cao trình độ, giúp người dân có thêm nguồn lực để giải quyết các vấn đề về tài chính khi phải đối mặt với bệnh tật, dự thảo Luật Thuế TNCN đã bổ sung quy định cá nhân được trừ các khoản chi phí cho y tế, giáo dục - đào tạo trước khi tính thuế TNCN.

3.16. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị bổ sung vào thu nhập được miễn thuế (Điều 4) các khoản thưởng đột xuất từ nhiệm vụ khoa học, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hoặc thưởng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ để khuyến khích tinh thần sáng tạo, cống hiến (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến Đại biểu, Chính phủ đã chỉ đạo rà soát các khoản thu nhập được miễn thuế và báo cáo làm rõ như sau: Dự thảo Luật đã có quy định miễn thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công từ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, theo đó khoản tiền thưởng từ thực hiện nhiệm vụ này cũng được miễn thuế TNCN.

3.17. Ý kiến của Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị quy định miễn thuế đối với phần thu nhập sau khi đã nộp thuế TNCN theo phương pháp kê khai 17% để tránh đánh trùng thuế trên cùng nguồn thu và bảo đảm công bằng (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Đối với mỗi khoản thu nhập của 01 đối tượng chỉ thực hiện nộp thuế 01 lần, nguyên tắc của Luật là không đánh trùng thuế trên cùng 01 khoản thu nhập của cùng 1 đối tượng nộp thuế. Do đó, đối với phần thu nhập đã nộp thuế theo phương pháp kê khai 17% của cùng 1 đối tượng nộp thuế sẽ không phải chịu thuế nữa, do đó, không cần quy định miễn thuế đối với khoản thu nhập này.

3.18. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đồng ý mở rộng miễn thuế cho nhà khoa học, chuyên gia, nhà đầu tư vào dự án khởi nghiệp sáng tạo. Đề xuất bổ sung giảng viên, nhà khoa học nước ngoài và Việt kiều giỏi về nước giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học để thúc đẩy phát triển giáo dục và khoa học. Cần đánh giá tác động đến ngân sách trước khi mở rộng nhóm miễn, giảm thuế (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến Đại biểu, Chính phủ đã chỉ đạo cơ quan soạn thảo rà soát quy định về miễn thuế đối với các cá nhân nêu trên, đồng thời xin báo cáo làm rõ thêm như sau: Dự thảo Luật quy định miễn thuế TNCN trong thời hạn 05 năm đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân là nhân lực công nghệ cao. Do đó, trường hợp giảng viên, nhà khoa học nước ngoài/Việt Nam ở nước ngoài về giảng dạy, nếu đáp ứng các quy định về nhân lực công nghệ cao, thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo... cũng sẽ được ưu đãi theo quy định.

3.19. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị về miễn thuế 5 năm cho nhân lực công nghệ cao, cần làm rõ khái niệm “khu công nghiệp số tập trung”, “ngành công nghiệp số chất lượng cao”, người làm ở trong ngành công nghiệp số chất lượng cao những người nào. Có ý kiến đề nghị cần rà soát thống nhất với Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Công nghệ cao về khái niệm và phạm vi nhân lực công nghệ cao để tránh chồng chéo (2 ý kiến). Có ý kiến cho rằng, cần có ưu đãi thuế cho lĩnh vực công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi xanh; miễn, giảm thuế cho người khởi nghiệp trong thời gian đầu (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến của các Đại biểu Quốc hội, Chính phủ đã chỉ đạo cơ quan soạn thảo đã rà soát nội dung tại dự thảo Luật đảm đồng bộ, thống nhất những nội dung quy định tại các Luật có liên quan như Luật Công nghệ cao, Luật Chuyển giao Công nghệ, Luật Sở hữu trí tuệ để rà soát, thể hiện các nội dung liên quan bảo đảm tính thống nhất của các quy định được sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện tại dự thảo Luật như sau: *Miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 05 năm đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân là nhân lực công nghệ cao thực hiện hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao hoặc công nghệ chiến lược tương ứng thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển hoặc Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược được quy định tại khoản 2 Điều 11 và khoản 1 Điều 12 Luật Công nghệ cao.*

Lĩnh vực chuyển đổi xanh cũng đã quy định miễn giảm thuế trong dự luật như miễn thuế TNCN đối với chuyển nhượng lần đầu tín chỉ các bon.

3.20. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị cần có cơ chế miễn, giảm thuế TNCN khi tổng thu nhập chịu thuế thấp hơn ngưỡng nhất định do thiên tai/dịch bệnh gây ra; thời gian hỗ trợ tối thiểu 2-3 năm để người dân khôi phục sản xuất (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Điều 5 Dự thảo Luật kế thừa quy định của Luật hiện hành giảm thuế đối với người nộp thuế gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, hoả hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo ảnh hưởng đến khả năng nộp thuế. Do đó, trường hợp cá nhân bị ảnh hưởng của thiên tai/dịch bệnh đã được giảm thuế theo quy định.

4. Về các trường hợp miễn, giảm thuế khác (Điều 5)

4.1. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị miễn thuế thu nhập đối với tiền làm thêm giờ, làm ca đêm vì đây là khoản khuyến khích người lao động, đánh thuế sẽ làm giảm động lực và gây thiệt thòi cho nhóm lao động phổ thông (2 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến Đại biểu Quốc hội, dự thảo Luật đã được chỉnh lý theo hướng quy định miễn thuế đối với toàn bộ phần tiền làm thêm giờ, tiền làm ban đêm của người lao động.

4.2. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị đối với miễn, giảm thuế do hoàn cảnh khó khăn (Điều 5) cần mở rộng đối tượng được miễn thuế trong trường hợp người thân của người nộp thuế bị bệnh hiểm nghèo hoặc gặp thiên tai, hoả hoạn vì thực tế nhiều người phải bán tài sản để chữa bệnh cho người thân nhưng không được miễn thuế do không phải “chủ thể trực tiếp” (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Dự thảo Luật kế thừa quy định của Luật hiện hành giảm thuế đối với người nộp thuế gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo ảnh hưởng đến khả năng nộp thuế. Ngoài ra dự thảo Luật đã quy định về người phụ thuộc là người mà người nộp thuế có trách nhiệm nuôi dưỡng. Mặt khác, đề xuất trên có thể phát sinh thủ tục hành chính, khó khăn trong việc quản lý đối với người thân của người nộp thuế.

4.3. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị bổ sung tại khoản 1 Điều 5: “trường hợp khủng hoảng về kinh tế, chính trị, xã hội thì được xem xét giảm thuế”, cụ thể như sau “Người nộp thuế gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo, khủng hoảng về kinh tế, chính trị, xã hội làm ảnh hưởng đến khả năng nộp thuế thì được giảm thuế tương ứng với mức độ thiệt hại nhưng không vượt quá số thuế phải nộp” (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Quy định tại khoản 1 Điều 5 đã bao quát các trường hợp được miễn, giảm; việc xác định trường hợp khủng hoảng về kinh tế, chính trị, xã hội là một phạm vi rộng, khó xác định cụ thể. Thực tế, thời gian qua khi phát sinh các tình huống đặc biệt ảnh hưởng của dịch bệnh, Chính phủ cũng đã có những giải pháp về thuế, phí và lệ phí kịp thời để hỗ trợ người dân. Do đó, đề nghị giữ như dự thảo Luật.

4.4. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến cho rằng, quy định tại khoản 1 Điều 5 “người nộp thuế gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, hạn, hỏa hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo ảnh hưởng đến khả năng nộp thuế thì được miễn, giảm thuế và tương ứng với mức độ thiệt hại không vượt quá số thuế phải nộp”, dẫn tới trong quá trình thực hiện quyết định miễn thuế, giảm thuế hoặc hoàn thuế sẽ rất khó khăn khi xác định mình thuộc nhóm đối tượng nào, thiệt hại như thế nào thì mới được miễn, giảm thuế. Vì vậy, đề nghị bổ sung quy định “Giao Chính phủ quy định chi tiết” (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị quy định rõ thời hạn áp dụng cho trường hợp thiên tai, dịch bệnh, bệnh hiểm nghèo (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến Đại biểu, Chính phủ sẽ chỉ đạo cơ quan soạn thảo sẽ rà soát, quy định chi tiết các nội dung trên tại các văn bản quy định chi tiết Luật và sẽ hướng dẫn cụ thể về thủ tục, hồ sơ, việc xét giảm thuế TNCN trong các trường hợp này.

4.5. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đồng ý với chủ trương miễn và giảm thuế cho nhân lực công nghệ cao và công nghiệp số chất lượng cao, song đề nghị không nên quy định cứng thời gian miễn (5 năm) hoặc tỷ lệ miễn giảm cụ thể trong Luật mà chỉ nên quy định khung nguyên tắc, giao Chính phủ quy định chi tiết theo từng giai đoạn để bảo đảm linh hoạt và phù hợp thực tiễn phát triển công nghệ. Cần làm rõ cách

tính thời gian miễn thuế tính từ thời điểm luật có hiệu lực hay từ khi cá nhân bắt đầu làm việc (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Quy định cụ thể về thời gian miễn, giảm thuế phải được quy định tại Luật để đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội. Đồng thời, việc xác định thời gian miễn thuế căn cứ quy định về hiệu lực của Luật và thời gian cá nhân bắt đầu phát sinh thu nhập. Nội dung cụ thể về thời gian bắt đầu tính miễn thuế sẽ được quy định cụ thể tại văn bản hướng dẫn Luật.

4.6. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị mở rộng miễn, giảm thuế cho cá nhân cư trú, sản xuất, kinh doanh ở vùng khó khăn, miền núi, tương tự chính sách ưu đãi đối với chuyên gia, nhân lực công nghệ cao (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Đối với các cá nhân làm việc tại các địa bàn khó khăn, Luật thuế TNCN đã quy định không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN khoản trợ cấp khu vực, trợ cấp thu hút, trợ cấp chuyển vùng... nhằm hỗ trợ người lao động cũng như thu hút cá nhân làm việc tại các địa bàn này.

4.7. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đồng tình miễn thuế với tiền gửi tiết kiệm nhỏ nhưng đề nghị đánh thuế với các khoản gửi có giá trị lớn (từ 20 - 30 tỷ đồng trở lên) để bảo đảm điều tiết thu nhập hợp lý (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Hoạt động gửi tiền vào ngân hàng chủ yếu với mục tiêu bảo toàn giá trị, không đặt nặng vấn đề sinh lời. Việc miễn thuế TNCN nhằm khuyến khích cá nhân không có nhu cầu đầu tư trực tiếp vào sản xuất, kinh doanh, gửi tiền tiết kiệm qua tổ chức tín dụng - là kênh huy động vốn quan trọng cho nền kinh tế. Đây cũng là chính sách phúc lợi đối với các đối tượng hết khả năng lao động (người về hưu,...) có nguồn tiền nhàn rỗi gửi vào tổ chức tín dụng để lấy lãi và mức lãi này so với sự trượt giá cũng không cao hơn nhiều. Do vậy, trong giai đoạn này Chính phủ đề xuất chưa nên điều tiết thu thuế TNCN đối với thu nhập từ lãi tiền gửi tiết kiệm:

4.8. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị, đối với thu nhập từ chuyển đổi đất nông nghiệp (khoản 5 Điều 4) cần làm rõ thu nhập từ hoạt động nào được miễn, từ chuyển đổi mục đích sử dụng đất hay từ sản xuất, tránh hiểu sai và gây thất thu ngân sách (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tại Điều 4 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế TNCN và Luật sửa đổi, bổ sung một

số điều của Luật Thuế TNCN quy định miễn thuế đối với thu nhập từ chuyển đổi đất nông nghiệp để hợp lý hóa sản xuất nông nghiệp nhưng không làm thay đổi mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, được Nhà nước giao để sản xuất.

Do đó, tiếp thu ý kiến các Đại biểu, Chính phủ sẽ nghiên cứu, rà soát nội dung này tại văn bản quy định chi tiết Luật.

4.9. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị miễn, giảm thuế cho Quỹ đầu tư mạo hiểm (VC) trong lĩnh vực đổi mới sáng tạo, khoa học - công nghệ để thu hút nhân tài và thúc đẩy khởi nghiệp, phù hợp mục tiêu phát triển hai trung tâm tài chính quốc tế (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Nội dung kiến nghị không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Thuế TNCN, Quỹ đầu tư mạo hiểm thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Thuế TNDN. Bên cạnh đó, các hoạt động của tổ chức, cá nhân trong hai Trung tâm tài chính quốc tế sẽ được áp dụng theo các quy định pháp luật dành riêng cho 02 Trung tâm này (Nghị quyết đặc thù riêng số 222/2025/QH15). Do đó, cá nhân làm việc tại Trung tâm tài chính quốc tế trong lĩnh vực đổi mới sáng tạo, khoa học - công nghệ được hưởng ưu đãi theo Nghị quyết số 222/2025/QH15.

4.10. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị căn luật hóa chính sách miễn thuế thu nhập cho các cá nhân thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy từ nguồn NSNN đang được quy định tại Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Nghị định số 88/2025/NĐ-CP của Chính phủ nhằm bảo đảm tính ổn định, lâu dài (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Tại khoản 4 Điều 29 dự thảo Luật quy định theo hướng các quy định ưu đãi về thuế theo các Nghị quyết khác của Quốc hội được ưu tiên áp dụng, cụ thể: *Trường hợp có quy định khác nhau về ưu đãi thuế giữa Luật này với Luật Thủ đô, Nghị quyết khác của Quốc hội và giải pháp quy định tại điểm h khoản 8 Điều 10 của Luật Tổ chức Chính phủ thì áp dụng theo Luật Thủ đô, Nghị quyết của Quốc hội và giải pháp quy định tại điểm h khoản 8 Điều 10 của Luật Tổ chức Chính phủ. Trường hợp quy định tại Luật này ưu đãi hơn thì người nộp thuế được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi có lợi nhất.*

Các Nghị quyết của Quốc hội có ưu đãi thuế TNCN thì về cơ bản là các Nghị quyết đặc thù, tuy nhiên mỗi Nghị quyết có phạm vi, đối tượng khác nhau, áp dụng cho các đối tượng và khu vực cụ thể, để đảm bảo tính phổ quát của Luật, đề nghị không đưa nội dung này vào Luật.

4.11. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến cho rằng, quy định giảm 50% thuế TNCN cho nhân lực công nghệ cao trong dự thảo Luật chưa thống nhất với Luật Công nghệ cao (điểm d Điều 29 quy định ưu đãi cao nhất về thuế TNCN). Đề nghị rà soát, thống nhất giữa hai luật để tránh xung đột, nên áp dụng chính sách miễn thuế thay vì chỉ giảm 50% (2 ý kiến). Đề nghị nên miễn hoặc giảm thuế ở mức cao nhất (trên 50%) đối với nhà khoa học nghiên cứu cơ bản, đổi mới sáng tạo: nên miễn hoặc giảm thuế ở mức cao nhất (trên 50%); đối với nhân lực công nghệ thông tin, chuyển đổi số, áp dụng giảm 50% như dự thảo Luật (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến của các Đại biểu Quốc hội, Chính phủ đã chỉ đạo cơ quan soạn thảo đã rà soát nội dung tại dự thảo Luật đảm đồng bộ, thống nhất những nội dung quy định tại các Luật có liên quan như Luật Công nghệ cao, Luật Chuyển giao Công nghệ, Luật Sở hữu trí tuệ để rà soát, thể hiện các nội dung liên quan bảo đảm tính thống nhất của các quy định được sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện tại dự thảo Luật như sau: *Miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 05 năm đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân là nhân lực công nghệ cao thực hiện hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao hoặc công nghệ chiến lược tương ứng thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển hoặc Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược được quy định tại khoản 2 Điều 11 và khoản 1 Điều 12 Luật Công nghệ cao.*

4.12. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị thiết kế riêng một điều về “các khoản được miễn trừ thuế”, bao gồm mọi hình thức đóng góp cho an sinh xã hội hiện tại và tương lai, để bảo đảm công bằng và bao quát hơn (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Điều 4 dự thảo Luật đã quy định các khoản thu nhập được miễn thuế, trong đó bao gồm miễn thuế đối với tiền lương hưu do Quỹ bảo hiểm xã hội chi trả; thu nhập do quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung, quỹ hưu trí tự nguyện chi trả...

4.13. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến cho rằng, khái niệm “bệnh hiểm nghèo” trong dự thảo Luật chưa có cơ sở pháp lý thống nhất, dễ gây cách hiểu khác nhau giữa các lĩnh vực. Đề nghị chuyển hướng tiếp cận thay vì căn cứ vào danh mục “bệnh hiểm nghèo”, nên dựa vào tổng chi phí y tế thực tế của người nộp thuế hoặc người phụ thuộc trong năm. Đề nghị quy định ngưỡng chi phí y tế tối thiểu (do Chính phủ quy định) làm căn cứ miễn, giảm thuế, mở rộng áp dụng cho cả chi phí y tế của người phụ thuộc, bảo đảm công bằng, nhân văn và phù hợp thực tiễn (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến các Đại biểu Quốc hội, Chính phủ đã chỉ đạo cơ quan soạn thảo rà soát các khái niệm, trong đó có khái niệm “bệnh hiểm nghèo” đảm bảo thống nhất với các pháp luật liên quan.

Thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền, dự thảo Luật quy định giao Chính phủ quy định chi tiết về khoản chi phí cho y tế, giáo dục – đào tạo để đảm bảo linh hoạt, phù hợp với tình hình KT-XH. Vì vậy, khi xây dựng các văn bản quy định chi tiết, sẽ nghiên cứu kỹ lưỡng để tiếp thu hợp lý ý kiến của Đại biểu về nội dung này.

4.14. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị xem xét giảm thuế cho các cặp vợ chồng đã sinh đủ 02 con trở lên và giao Chính phủ nghiên cứu cách thức thực hiện (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Theo quy định, cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công được giảm trừ các khoản: giảm trừ cho bản thân và người phụ thuộc, ngoài ra còn được trừ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo theo quy định.... trước khi tính thuế.

Việc miễn, giảm thuế TNCN đối với thu nhập của cá nhân làm việc tại các ngành, lĩnh vực ưu tiên phát triển theo chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước. Việc khuyến khích các cặp vợ chồng đã sinh đủ từ 02 con trở lên cần sử dụng các chính sách phù hợp khác. Về thuế TNCN đã có quy định giảm trừ theo số lượng người phụ thuộc, theo đó, khi cá nhân sinh đủ từ 02 con trở lên thì đã được giảm trừ cho mỗi người con là 6,2 triệu đồng trước khi tính thuế.

5. Về thuế TNCN đối với thu nhập từ kinh doanh (Điều 7)

5.1. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

- Một số ý kiến đề nghị nâng ngưỡng doanh thu chịu thuế từ 200 triệu đồng/năm lên mức cao hơn vì ngưỡng hiện nay quá thấp, chưa phản ánh thu nhập thực tế, dễ gây thiệt thòi cho hộ kinh doanh nhỏ. Theo đó, đề nghị tăng ngưỡng doanh thu chịu thuế của hộ kinh doanh từ 200 triệu lên ít nhất 300 - 400 triệu đồng/năm để tương thích với mức giảm trừ gia cảnh, phù hợp chi phí thực tế, đảm bảo công bằng với người làm công ăn lương, tạo động lực chuyển khu vực phi chính thức sang chính thức (5 ý kiến). Có ý kiến không đồng tình với quy định tính theo doanh thu 200 triệu đồng, cần phải tính theo thu nhập ròng và nên phân nhóm theo ngành nghề (bán hàng, dịch vụ, sản xuất). Cần xây dựng cơ chế thuế minh bạch, hợp lý để “nuôi dưỡng nguồn thu” thay vì thu cứng gây phản tác dụng (1 ý kiến).

- Nhiều ý kiến cho rằng mức ngưỡng doanh thu không chịu thuế của hộ kinh doanh mặc dù đã được tăng từ 100 triệu đồng lên 200 triệu đồng, song vẫn chưa thể bảo đảm công bằng với mức ngưỡng thu nhập không chịu thuế của cá nhân làm công ăn lương (mức giảm trừ gia cảnh 15,5 triệu đồng/tháng và 6 triệu đồng cho người phụ thuộc); nếu quy đổi ngưỡng doanh thu không chịu thuế/năm của hộ kinh doanh theo tỷ suất lợi nhuận thông thường (ví dụ 10%) để ngưỡng thu nhập được miễn thuế của hộ kinh doanh/tháng chỉ tương đương khoảng 1,6 triệu đồng/tháng - là không đáng kể so với mức giảm trừ gia cảnh 15,5 triệu đồng/tháng của người làm công ăn lương. Vì vậy, đề nghị tính toán để nâng mức

ngưỡng doanh thu không chịu thuế của hộ, cá nhân kinh doanh lên mức có thể so sánh được với ngưỡng giảm trừ gia cảnh; Một số ý kiến cho rằng mức ngưỡng này cần được tăng lên ở mức 500 triệu đồng - 1 tỷ đồng tùy theo ngành thì mới là tương đương với mức ngưỡng thu nhập giảm trừ gia cảnh.

- Một số ý kiến cho rằng, mặc dù ngưỡng doanh thu không chịu thuế 100 triệu đồng/năm được tăng lên 200 triệu đồng trong dự thảo Luật và thuế suất theo tỷ lệ % trên doanh thu không thay đổi nhưng nghĩa vụ về thuế của các hộ, cá nhân kinh doanh khi tính theo doanh thu thực tế dựa trên kê khai trên hoá đơn chắc chắn sẽ cao hơn rất nhiều so với các mức khoán đang nộp hiện nay. Đây là nội dung bất cập và không bình đẳng về nghĩa vụ thuế TNCN giữa các hộ kinh doanh với nhiều đối tượng khác đã được miễn giảm thuế TNCN đáng kể trong dự thảo Luật, nhất là với các đối tượng là người làm công ăn lương có thu nhập cao, làm việc trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, tin học ... Đề nghị, cơ quan soạn thảo có phương án tiếp thu mạnh mẽ và tích cực hơn, cân nhắc thấu đáo cho các đối tượng yếu thế, có thu nhập thấp là hộ cá nhân kinh doanh, thông qua việc nâng mức ngưỡng doanh thu không phải chịu thuế và giảm tỷ lệ % tính trên doanh thu.

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Trên cơ sở nghiên cứu lắng nghe, tiếp thu ý kiến của các Đại biểu Quốc hội, để nội dung quy định về thuế TNCN đối với hộ, cá nhân kinh doanh phù hợp thực tế (trên cơ sở số lượng hộ, cá nhân kinh doanh ngành thuế quản lý), đảm bảo tính công bằng tương đối với việc thu thuế TNCN đối với các loại thu nhập khác (trong đó có thu nhập từ tiền lương, tiền công), giữa cá nhân kinh doanh không phải nộp với cá nhân kinh doanh phải nộp thuế, trong đó có cả thuế giá trị gia tăng (là khoản mà hộ, cá nhân kinh doanh thu của người mua và nộp vào ngân sách nhà nước), Chính phủ xin báo cáo nội dung chính lý về thuế TNCN đối với thu nhập từ kinh doanh như sau:

- Về mức doanh thu không phải nộp thuế: Chính phủ đề nghị điều chỉnh từ 200 triệu đồng/năm lên 500 triệu đồng/năm. Đồng thời, mức 500 triệu đồng/năm này cũng là mức được trừ trước khi nộp thuế theo tỷ lệ trên doanh thu. Áp dụng mức doanh thu này, theo số liệu tính đến tháng 10/2025 có hơn 2,54 triệu hộ kinh doanh thường xuyên thì dự kiến sẽ có khoảng 2,3 triệu hộ kinh doanh không phải nộp thuế (chiếm khoảng 90% trên tổng số 2,54 triệu hộ kinh doanh).

- Bổ sung quy định đối với hộ, cá nhân kinh doanh có doanh thu trên 500 triệu đồng/năm đến 3 tỷ đồng/năm áp dụng tính thuế theo thu nhập (doanh thu – chi phí) để đảm bảo thu thuế theo đúng bản chất của thuế thu nhập cá nhân và áp dụng thuế suất 15% tương tự như thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 đối với doanh nghiệp có doanh thu dưới 3 tỷ đồng/năm. Theo đó, tất cả hộ, cá nhân kinh doanh đều nộp thuế theo thu nhập thực tế, nếu có thu nhập ít thì nộp ít, thậm chí nếu không có thu nhập thì không phải nộp thuế. Vì vậy, mức doanh thu không phải nộp thuế sẽ không còn

nhiều tác động đến hộ, cá nhân kinh doanh phải nộp thuế. Trường hợp, hộ, cá nhân kinh doanh không xác định được chi phí thì mới nộp thuế theo tỷ lệ trên doanh thu.

- Để đảm bảo đồng bộ về mức doanh thu không phải nộp thuế TNCN, tại dự thảo Luật này sẽ sửa đổi, bổ sung khoản 25 Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 để nâng mức doanh thu không chịu thuế của hộ, cá nhân kinh doanh từ 200 triệu đồng/năm lên 500 triệu đồng/năm.

- Về việc điều chỉnh doanh thu không phải nộp thuế (cả thuế TNCN và thuế GTGT), dự thảo Luật giao Chính phủ trình UBNDTVQH điều chỉnh cho phù hợp với việc quản lý thuế đối với cá nhân kinh doanh.

(Nội dung cụ thể nêu tại Điều 7 và Điều 29 dự thảo Luật trình kèm).

Đồng thời tại điểm 4.1 Mục II Phần A nêu trên, Chính phủ đã có báo cáo cụ thể về nội dung này.

5.2. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến cho rằng, mức thuế suất 17% đối với cá nhân kinh doanh doanh thu trên 3 đến 50 tỷ đồng là cao, cần xem xét điều chỉnh hợp lý (3 ý kiến). Có ý kiến đề nghị đánh giá tác động kỹ và nên chia bậc chi tiết hơn (3 - 30 tỷ: 15%; 30 - 50 tỷ: 17%) để tránh gây giảm động lực kinh doanh, khởi nghiệp (2 ý kiến). Có ý kiến đề nghị giảm thuế suất tối đa cho cá nhân kinh doanh xuống 15% hoặc cho phép khấu trừ chi phí hợp lý (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Đối với cá nhân có doanh thu trên 3 tỷ đồng: Để thực hiện chủ trương bỏ hình thức thuế khoán theo Nghị quyết số 68-NQ/TW, khuyến khích cá nhân kinh doanh chuyển đổi lên thành doanh nghiệp, dự thảo Luật bổ sung phương thức tính thuế trên thu nhập đối với thu nhập từ kinh doanh của cá nhân cư trú như sau: Thuế đối với cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 3 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng được xác định bằng thu nhập tính thuế nhân với thuế suất 17%; đối với cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 50 tỷ đồng thì áp dụng thuế suất 20% (nội dung này tương đồng với quy định tại Luật Thuế TNDN về thuế đối với doanh nghiệp có quy mô nhỏ). Thu nhập tính thuế được xác định bằng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra trừ (-) chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế.

Mặt khác, nếu điều chỉnh mức thuế suất như ý kiến nêu trên sẽ không khuyến khích được cá nhân kinh doanh chuyển lên thành doanh nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị.

5.3. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến cho rằng, hộ kinh doanh chuyển từ khoán sang tính theo doanh thu chịu mức thuế suất 1%, 3%, 5% là quá cao, gây thiệt thòi cho hộ kinh doanh nhỏ lẻ, đối tượng yếu thế. Đề nghị xác định lại thuế suất trên cơ sở tương quan

với khu vực doanh nghiệp kê khai, để đảm bảo công bằng và phù hợp thực tiễn (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến Đại biểu, dự thảo Luật đã chỉnh lý quy định tại ...Điều theo hướng nâng mức ngưỡng doanh thu chịu thuế theo tỷ lệ của hộ kinh doanh có doanh thu dưới 3 tỷ đồng/năm từ 100 triệu (hiện hành) lên 500 triệu, như vậy là mức ngưỡng đã tăng gấp 3 lần hiện hành. Đồng thời cho trừ đi 500 triệu (mức ngưỡng) trước khi xác định doanh thu tính thuế, Chính phủ cũng đề xuất sửa đổi ngay mức doanh thu không phải nộp thuế GTGT lên 500 triệu đồng/năm để đồng bộ với quy định của Luật thuế TNCN. Như vậy, chính sách thuế đối với hộ kinh doanh quy định tại dự thảo Luật đã được nghiên cứu kỹ lưỡng, nghiêm túc, trách nhiệm trên cơ sở rà soát đánh giá tổng thể để đảm bảo đồng bộ giữa các chính sách thuế (TNCN, TNDN, GTGT) và đồng bộ giữa chính sách thuế và các quy định pháp luật về quản lý thuế. Việc chỉnh lý, hoàn thiện về quy định về thuế đối với hộ kinh doanh có doanh thu dưới 3 tỷ đồng/ năm như trên vừa đảm bảo không thu vào những hộ có mức thu nhập không cao (quy định ngưỡng) vừa đảm bảo khuyến khích các hộ có đủ điều kiện sẽ chuyển sang hoạt động theo hình thức doanh nghiệp như yêu cầu của Nghị quyết 68 của Bộ Chính trị. So với quy định hiện hành, việc bỏ cơ chế khoán đối với cá nhân kinh doanh để chuyển sang kê khai áp dụng tỷ lệ thì mức huy động không tăng so với hiện hành.

5.4. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến cho rằng, hộ kinh doanh bị đánh thuế trên doanh thu mà không được trừ chi phí, dù lỗ vẫn phải nộp thuế dẫn tới bị thiệt thòi. Đề nghị cho phép người nộp thuế nhóm này được lựa chọn nộp theo thu nhập ròng nếu có đủ hóa đơn, chứng từ nhằm khuyến khích minh bạch và thực hiện kế toán đúng quy định (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Quy định này nhằm đảm bảo thuận lợi và đơn giản cho cá nhân kinh doanh trong việc kê khai và nộp thuế. Việc quy định thu thuế theo tỷ lệ trên doanh thu chỉ áp dụng đối với cá nhân kinh doanh có doanh thu từ trên 500 triệu đến 3 tỷ đồng/năm, đặc thù của các hộ này là hộ kinh doanh nhỏ lẻ, không xác định được chi phí, việc ghi chép sổ sách, chứng từ có thể chưa đầy đủ, do đó, việc thu thuế trên doanh thu là phù hợp. Đối với hộ kinh doanh có doanh thu trên 3 tỷ đồng/năm (là các hộ có quy mô từ mức trung bình trở lên, có đủ điều kiện để hoạch toán đầy đủ doanh thu, chi phí) dự thảo Luật đã quy định áp dụng nộp thuế trên thu nhập (doanh thu – chi phí) đúng như ý kiến của Đại biểu.

5.5. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị làm rõ nguyên tắc tính doanh thu, chi phí đối với cá nhân cho thuê nhà, căn hộ (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến Đại biểu Quốc hội, Chính phủ sẽ chỉ đạo cơ quan soạn thảo sẽ nghiên cứu phương pháp thu thuế phù hợp với các cá nhân cho thuê nhà, căn hộ để đảm bảo phù hợp với thực tiễn, khả thi và hiệu quả.

5.6. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị sửa Điều 7 theo hướng áp dụng tỷ lệ chi phí chuẩn theo ngành nghề để xác định thu nhập tính thuế, tức là bằng doanh thu nhân với (1 trừ đi tỷ lệ chi phí chuẩn) và giao Chính phủ quy định cụ thể chi phí chuẩn này. Chính phủ sẽ quyết định và thuế suất thống nhất 10% ngưỡng miễn thuế được chỉ số hóa theo CPI (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Việc xác định doanh thu, chi phí của cá nhân kinh doanh sẽ được quy định chi tiết tại Nghị định. Tiếp thu ý kiến Đại biểu Quốc hội, Chính phủ sẽ chỉ đạo cơ quan soạn thảo sẽ nghiên cứu, rà soát kỹ lưỡng khi xây dựng các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn Luật.

6. Về thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công (Điều 8)

6.1. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến cho rằng, dự thảo Luật mới chỉ xác định thời điểm tính thu nhập theo kỳ trả, chưa làm rõ kỳ tính thuế trong trường hợp người lao động có thu nhập không ổn định, làm việc ngắn hạn hoặc nhận thu nhập từ các nền tảng số. Do đó cần có những hướng dẫn cụ thể để bảo đảm việc tính thuế theo nguyên tắc thu nhập phát sinh thực tế (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Thời điểm tính thuế, kỳ tính thuế sẽ được quy định cụ thể tại các văn bản hướng dẫn Luật và văn bản quy định chi tiết Luật Quản lý thuế. Tiếp thu ý kiến Đại biểu Quốc hội, Chính phủ sẽ chỉ đạo cơ quan soạn thảo sẽ nghiên cứu, rà soát kỹ lưỡng khi xây dựng các văn bản quy định chi tiết này.

6.2. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến cho rằng, thực tế nhiều công chức, cán bộ có thu nhập chưa đảm bảo đời sống, cần xác định ngưỡng hợp lý, bảo đảm người lao động, cán bộ không bị “đặt vào tình trạng khó sống” sau khi trừ các chi phí thiết yếu (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Ngày 17/10/2025, UBNDTP đã thông qua Nghị quyết số 110/2025/UBNDTP về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế TNCN. Theo đó, điều chỉnh mức giảm trừ cho bản thân người nộp thuế lên 15,5 triệu/tháng, điều chỉnh mức giảm trừ cho mỗi người phụ thuộc lên 6,2 triệu đồng/tháng. Việc tính toán điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh tại Nghị quyết này được căn cứ vào sự biến động của chỉ số giá, thu nhập bình quân đầu người, tốc độ tăng GDP bình quân đầu người. Ngoài mức giảm trừ gia cảnh, cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công còn được trừ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo

hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo theo quy định... Theo tính toán, với mức giảm trừ gia cảnh mới này thì cá nhân có thu nhập 17 triệu đồng/tháng (nếu không có người phụ thuộc) hoặc 24 triệu đồng/tháng (nếu có 01 người phụ thuộc) hoặc 31 triệu đồng/tháng (nếu có 02 người phụ thuộc) thì chưa phải nộp thuế.

6.3. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị, cần có cơ sở đánh giá khoa học, dữ liệu thực tiễn và tầm nhìn dự báo (5-10 năm) để tránh quy định bị lạc hậu và phải sửa liên tục; làm rõ tiêu chí thế nào là “thu nhập cao” và căn cứ xác định (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến Đại biểu Quốc hội, Chính phủ sẽ tiếp tục nghiên cứu, đánh giá khoa học, dữ liệu thực tiễn và xây dựng dự báo để tránh quy định bị lạc hậu và phải sửa liên tục; dự thảo Luật không quy định về “thu nhập cao”, các khái niệm đã quy định căn cứ xác định hoặc lượng hóa cụ thể.

6.4. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị bổ sung điều khoản riêng về miễn thuế cho tiền công, tiền lương trong hoạt động khoa học - công nghệ vì tính chất đặc thù, tránh gộp chung với tiền lương, tiền công thông thường. Phản ánh thực tế nhiều nhà khoa học bị truy thu, xử phạt do quy định chưa rõ, gây tâm lý e ngại, ảnh hưởng đến hoạt động nghiên cứu (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Dự thảo Luật đã quy định miễn thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công từ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

6.5. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến cho rằng quy định về thu nhập từ tiền lương, tiền công còn khá phức tạp, danh mục các khoản phụ cấp, trợ cấp được miễn thuế trong điểm c khoản 2 tuy trong dự thảo Luật nêu rất chi tiết nhưng rất dài và khó áp dụng, dễ gây nhầm lẫn cho người nộp thuế lẫn cơ quan thuế. Do đó đề nghị rút gọn quy định trong Luật, chỉ nêu các nguyên tắc chung, chi tiết các loại phụ cấp được miễn thuế nên giao Chính phủ quy định cụ thể (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Các khoản thu nhập chịu thuế, các khoản thu nhập không tính vào thu nhập chịu thuế như các khoản phụ cấp, trợ cấp... đang quy định trong dự thảo Luật là phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội, do đó không thể chỉ quy định nguyên tắc như đề xuất.

6.6. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến cho rằng, tại khoản 3 Điều 8 chưa quy định rõ về hình thức trả thu nhập dẫn đến khó xác định thời điểm phát sinh khi thu nhập được trả qua nhiều hình thức như chuyển khoản tiền lương không bằng tiền mặt hoặc là

thường cô phiếu. Vì vậy đề nghị bổ sung hoặc giao Chính phủ quy định chi tiết việc xác định thời điểm phát sinh thu nhập (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Khoản 3 Điều 8 dự thảo Luật quy định thời điểm xác định thu nhập tính thuế từ tiền lương, tiền công là thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập cho người nộp thuế hoặc thời điểm người nộp thuế nhận được thu nhập. Quy định này đã bao gồm nội dung như ý kiến của Đại biểu.

7. Về Biểu thuế lũy tiến từng phần (Điều 9)

7.1. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị duy trì 7 bậc, mỗi bậc cách nhau 5%-7%, mức cao nhất 35% cho thu nhập trên 150 triệu đồng/tháng vì 5 bậc như dự thảo là “nhảy bậc” đột ngột, gây bất hợp lý và giảm động lực làm việc. Đề nghị rút ngắn khoảng cách giữa các bậc (bậc 2, 3 gần hơn) để tránh nhảy vọt thuế (4 ý kiến). Có ý kiến tán thành việc rút từ 7 bậc xuống 5 bậc nhưng đề nghị điều chỉnh giãn cách thuế suất cho hợp lý, cụ thể: bậc 1 áp dụng 3%, bậc 2 là 5%, sau đó lần lượt 15%, 25% và giữ nguyên mức cao nhất 35% (2 ý kiến). Đề nghị giãn khoảng cách giữa các bậc thuế, đặc biệt bậc 1 và 2 để giảm gánh nặng cho người thu nhập trung bình. Nhấn mạnh cần thiết kế biểu thuế hợp lý, có khoảng cách lớn hơn giữa các bậc thấp, tránh tình trạng tăng thuế đột ngột 10% khi chênh thu nhập không đáng kể (1 ý kiến).

Có ý kiến phản đối khoảng cách lớn giữa các bậc (5-15-25%), đề nghị chia đều hơn (5%, 10%, 15%, 20%, 30%) (1 ý kiến). Biên độ các bậc thuế quá rộng, người thu nhập 11 triệu và 30 triệu cùng chịu thuế 15% (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị cần tính toán lại khoảng cách giữa các biểu thuế, theo dự thảo Luật thì mức thu nhập cao hơn, sau khi đóng thuế mức thu nhập lại thấp hơn (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị quy định biểu thuế lũy tiến phù hợp trượt giá, điều chỉnh các bậc (bậc 1: 15 triệu, bậc 2: 30 triệu, cao nhất trên 100-150 triệu/tháng) (1 ý kiến).

Có ý kiến đề nghị cần thiết kế biểu thuế hợp lý hơn, ví dụ: Thu nhập ≤ 10 triệu: 5%; 10 - 30 triệu: 10%; 30 - 60 triệu: 15%; 60 - 100 triệu: 20%; 100 - 130 triệu: 25%; 130 - 160 triệu: 30%; 160 triệu: 35% (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến Đại biểu và ý kiến thẩm tra, Chính phủ đã chỉnh lý quy định về Biểu thuế lũy tiến trong dự thảo luật như sau:

Bậc thuế	Phần thu nhập tính thuế/tháng (triệu đồng)	Khoảng cách thu nhập trong từng bậc thuế (triệu đồng)	Thuế suất (%)
1	Đến 10	10	5
2	Trên 10 đến 30	20	10
3	Trên 30 đến 60	30	20
4	Trên 60 đến 100	40	30
5	Trên 100	-	35

Với biểu thuế mới này thì tất cả các cá nhân đang thực hiện nộp thuế ở các bậc hiện nay đều được giảm nghĩa thuế so với Biểu thuế hiện hành. Bên cạnh đó, biểu thuế mới cũng đã khắc phục được việc tăng đột ngột tại một số bậc, đảm bảo tính hợp lý hơn của biểu thuế.

7.2. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến cho rằng, mức cao nhất 35% là cao so với khu vực, vượt mức một số nước Bắc Âu, cần xem xét lại để bảo đảm hợp lý và khả thi, ảnh hưởng tới việc thu hút nhân lực chất lượng cao và tính công bằng giữa người làm công và người đầu tư. Đề nghị giảm mức thuế suất cao nhất xuống dưới 25% (4 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Mức thuế suất cao nhất 35% ở bậc 5, là phương án hợp lý, vì đây là mức thuế suất trung bình, không quá cao cũng không thấp so với các nước trên thế giới cũng như trong khu vực ASEAN (một số nước trong khu vực như Thái Lan, Indonesia, Philippines cũng đang quy định mức thuế suất ở bậc thuế cao nhất là 35%; Trung Quốc là 45%). Ngoài ra, trường hợp điều chỉnh mức thuế suất ở bậc thu nhập cao nhất từ mức 35% xuống 30%, 25% thì sẽ bị cho rằng là chính sách giảm thuế cho người giàu. Do đó, để đảm bảo mục tiêu điều tiết công bằng, phù hợp với thông lệ quốc tế và cũng tránh tác động thêm đến ngân sách, đề nghị cho giữ như dự thảo Luật.

7.3. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến cho rằng, mức khởi điểm chịu thuế 10 triệu đồng/tháng là quá thấp, cần nâng lên để phù hợp mức sống tối thiểu và chi phí thực tế (y tế, giáo dục, sinh hoạt), trong đó, có ý kiến đề nghị mức khởi điểm chịu thuế là 20 triệu đồng/tháng. Có ý kiến cho rằng, ngưỡng chịu thuế quá thấp, chỉ tăng từ 9 lên 10 triệu sau hơn 10 năm là không hợp lý. Đề nghị nâng ngưỡng lên tối thiểu 15 triệu đồng/tháng (2 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Mức khởi điểm chịu thuế để áp vào Biểu thuế lũy tiến từng phần là phần thu nhập tính thuế sau khi đã trừ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (tổng 03 khoản là 10,5% trên số tiền lương hàng tháng), bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc, trừ đi mức giảm trừ gia cảnh (15,5 triệu đồng/người/tháng và 6,2 triệu đồng/người/tháng đối với mỗi người phụ thuộc (nếu có) và trừ đi các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo theo quy định... số còn lại mới là thu nhập tính thuế để áp vào Biểu thuế từng phần để xác định số thuế phải nộp.

Bên cạnh đó, ngày 17/10/2025, UBTVQH đã thông qua Nghị quyết số 110/2025/UBTVQH15 về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế TNCN. Theo đó, điều chỉnh mức giảm trừ cho bản thân người nộp thuế lên khoảng 15,5 triệu/tháng, điều chỉnh mức giảm trừ cho mỗi người phụ thuộc lên khoảng 6,2 triệu đồng/tháng. Ngoài mức giảm trừ gia cảnh, cá nhân có thu nhập từ tiền

lương, tiền công còn được trừ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo theo quy định....Theo tính toán, với mức giảm trừ gia cảnh mới này thì cá nhân có thu nhập 17 triệu đồng/tháng (nếu không có người phụ thuộc) hoặc 24 triệu đồng/tháng (nếu có 01 người phụ thuộc) hoặc 31 triệu đồng/tháng (nếu có 02 người phụ thuộc) thì chưa phải nộp thuế.

7.4. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị phân hạng theo mức thu nhập, không áp dụng biểu lũy tiến đồng hạng cho mọi đối tượng. Ví dụ: Dưới 120 triệu đồng/năm: 0%; 120 - 360 triệu đồng/năm: 10%; 360 - 720 triệu đồng/năm: 20%; 720 triệu - 1,2 tỷ đồng/năm: 30% (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Cách tính tại ví dụ nêu trên sẽ có mức huy động cao hơn so với áp vào Biểu thuế lũy tiến từng phần, điều này có thể gây phản ứng từ người nộp thuế. Đồng thời để phù hợp với thông lệ quốc tế, đề nghị duy trì cách tính thuế áp theo Biểu thuế lũy tiến từng phần đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công.

7.5. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến cho rằng, chênh lệch giữa thuế TNCN 30 - 35% và thuế TNDN 20% khiến người lao động có xu hướng chuyển sang hộ kinh doanh, gây thất thu thuế và thiếu minh bạch (2 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Theo tính toán, với mức giảm trừ gia cảnh mới, cá nhân có thu nhập là 150 triệu đồng phải nộp số thuế là 31 triệu đồng, chiếm khoảng 20% thu nhập (mức này tương đương mức thuế suất thuế TNDN).

Ngoài ra, các hộ, cá nhân kinh doanh là đối tượng cần khuyến khích vì là khâu trung gian sản xuất sản phẩm cho xã hội, còn thu nhập từ tiền lương, tiền công là thu nhập của cá nhân để chi tiêu, tiêu dùng cá nhân nên quy định của pháp luật hiện hành và kinh nghiệm của các nước đa số đều có mức điều tiết cao đối với người có thu nhập cao theo đúng mục tiêu của thuế TNCN.

8. Về giảm trừ gia cảnh (Điều 10)

8.1. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề bổ sung cơ chế điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh linh hoạt, tương tự như điều chỉnh lương cơ sở, giao Chính phủ tính toán phù hợp, nhưng đề nghị Luật quy định rõ nguyên tắc điều chỉnh theo mức biến động cao nhất của giá cả hoặc thu nhập, có thể điều chỉnh định kỳ theo chỉ số giá tiêu dùng CPI, tránh tình trạng luật nhanh chóng, lạc hậu, hỗ trợ doanh nghiệp và khuyến khích sản xuất kinh doanh. Có ý kiến đồng tình giao Chính phủ quy định mức giảm trừ, bỏ điều kiện CPI tăng 20% mới điều chỉnh; phù hợp chủ trương phân cấp, phân quyền (4 ý kiến). Có ý kiến đề nghị kế thừa Luật hiện hành quy định về giảm trừ gia cảnh. Giao Chính phủ trình UBTVQH điều chỉnh mức giảm trừ

gia cảnh theo CPI để đảm bảo ổn định, minh bạch và đúng thẩm quyền (3 ý kiến). Có ý kiến cho rằng, mức giảm trừ gia cảnh cần tính đến bảo đảm ổn định đời sống, không chỉ dựa trên mức sống tối thiểu (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị giữ mức cơ sở trong luật (15 triệu + 6 triệu), giao Chính phủ điều chỉnh trong biên độ $\pm 20\%$ (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến tham tra, ý kiến của các Đại biểu Quốc hội, dự thảo Luật đã được chỉnh lý theo hướng quy định cụ thể mức giảm trừ gia cảnh tại Luật và chỉnh lý quy định tại dự thảo Luật như sau: căn cứ mức biến động của giá cả, thu nhập nhất định, giao Chính phủ trình UBTVQH điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh cho phù hợp với tình hình KT-XH như quy định tại Luật Thuế TNCN hiện hành.

8.2. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị bổ sung cơ chế xác định mức giảm trừ theo vùng kinh tế, vì chi phí sinh hoạt khác nhau giữa vùng thành thị cao hơn nông thôn. Cụ thể gắn mức giảm trừ với mức lương tối thiểu vùng để đảm bảo công bằng khả năng nộp thuế giữa các khu vực (3 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Mức giảm trừ gia cảnh cho người nộp thuế, người phụ thuộc của người nộp thuế là mức cụ thể theo mặt bằng chung của xã hội, không phân biệt người có thu nhập cao hay thấp, với nhu cầu tiêu dùng khác nhau và ở các địa bàn khác nhau. Nếu đặt vấn đề quy định ngưỡng giảm trừ ở nông thôn thấp hơn ở đô thị thì vô hình trung đã đánh thuế vào những người có thu nhập thấp, điều kiện sống và làm việc khó khăn. Thêm vào đó, việc xác định một người nộp thuế ở khu vực nào cũng rất phức tạp do sự di chuyển thường xuyên của một bộ phận lao động trong nền kinh tế. Việc đặt vấn đề xác định các mức giảm trừ theo vùng cũng sẽ có những hạn chế, cụ thể như: cá nhân sinh sống một nơi, làm việc tại nơi khác, người phụ thuộc ở nơi khác, phát sinh thu nhập tại nhiều nơi ... Trong khi vừa qua thực hiện việc sắp xếp lại địa giới hành chính thì địa bàn các tỉnh, thành phố đã được mở rộng nên ngay cả trong địa bàn một tỉnh/thành phố cũng có thể có chênh lệch về mức sống, chi phí sinh hoạt giữa các khu vực. Pháp luật về thuế TNCN ở các nước, bao gồm cả các nước phát triển và đang phát triển nhìn chung chỉ quy định mức GTGC chung, áp dụng thống nhất, không phân biệt theo địa bàn và các bộ phận dân cư.

Đối với các cá nhân làm việc tại các địa bàn khó khăn, Luật thuế TNCN đã quy định không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN khoản trợ cấp khu vực, trợ cấp thù hút, trợ cấp chuyển vùng... nhằm hỗ trợ người lao động cũng như thu hút cá nhân làm việc tại các địa bàn này.

Do đó, đề nghị giữ nguyên tắc giảm trừ chung như hiện hành, không phân biệt chi tiết theo từng nhóm đối tượng cũng như vùng miền.

8.3. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị nâng mức giảm trừ gia cảnh lên 17,3 triệu (người nộp thuế) và 6,9 triệu (người phụ thuộc). Có ý kiến đề nghị nâng mức giảm trừ cho người phụ thuộc từ 6,2 triệu lên 7,5 triệu đồng (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị xem xét mức giảm trừ gia cảnh mới phù hợp với dự kiến tăng lương tối thiểu lên 3,45 triệu đồng/tháng từ 01/7/2026, thay vì mức 15,3 triệu và 6,9 triệu mà Bộ Tài chính đề xuất để bảo đảm tương thích và khả thi. Nhấn mạnh cần thiết kế Luật có tính ổn định, tuổi thọ dài, bảo đảm khuyến khích sản xuất và nuôi dưỡng nguồn thu (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến của Đại biểu, để đảm bảo dự Luật được thiết kế có tính ổn định, tuổi thọ lâu dài, đảm bảo khuyến khích sản xuất và nuôi dưỡng nguồn thu, dự thảo Luật đã được chỉnh lý theo hướng căn cứ mức biến động của giá cả, thu nhập nhất định, giao Chính phủ trình UBTVQH điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh cho phù hợp với tình hình KT-XH.

Ngoài ra, về các ý kiến đề nghị điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh, Chính phủ báo cáo làm rõ như sau:

Theo quy định của Luật Thuế TNCN hiện hành thì khi chỉ số CPI biến động trên 20% thì Chính phủ sẽ trình UBTVQH điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh phù hợp với biến động của giá cả áp dụng cho kỳ tính thuế tiếp theo.

Căn cứ biến động chỉ số CPI, Chính phủ đã chủ động xây dựng dự án Nghị quyết điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh, trong đó đề xuất 02 phương án và gửi lấy ý kiến rộng rãi. Qua tổng hợp đa số ý kiến đồng tình theo phương án 02 là điều chỉnh mức giảm trừ cho bản thân người nộp thuế từ 11 triệu đồng/tháng lên khoảng 15,5 triệu/tháng, điều chỉnh mức giảm trừ cho mỗi người phụ thuộc từ 4,4 triệu đồng/tháng lên khoảng 6,2 triệu đồng/tháng và trình UBTVQH theo phương án này.

Ngày 17/10/2025, UBTVQH đã thông qua Nghị quyết số 110/2025/UBTVQH15 về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế TNCN. Theo đó, điều chỉnh mức giảm trừ cho bản thân người nộp thuế lên khoảng 15,5 triệu/tháng, điều chỉnh mức giảm trừ cho mỗi người phụ thuộc lên khoảng 6,2 triệu đồng/tháng. Việc tính toán điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh tại Nghị quyết này được căn cứ vào sự biến động của chỉ số giá, thu nhập bình quân đầu người, tốc độ tăng GDP bình quân đầu người. Ngoài mức giảm trừ gia cảnh, cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công còn được trừ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo theo quy định....Theo tính toán, với mức giảm trừ gia cảnh mới này thì cá nhân có thu nhập 17 triệu đồng/tháng (nếu không có người phụ thuộc) hoặc 24 triệu đồng/tháng (nếu có 01 người phụ thuộc) hoặc 31 triệu đồng/tháng (nếu có 02 người phụ thuộc) thì chưa phải nộp thuế.

8.4. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị quy định mức giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc bằng 50% mức giảm trừ cho người nộp thuế (3 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Mức giảm trừ gia cảnh gồm 2 phần, phần đối với người nộp thuế và phần đối với những người phụ thuộc, trong đó: (i) Mức giảm trừ đối với người nộp thuế thực chất là ngưỡng thu nhập tính thuế, được xây dựng trên cơ sở nhu cầu chi tiêu thường xuyên của những người có thu nhập trên mức bình quân xã hội; (ii) Phần đối với người phụ thuộc là mức giảm trừ cho những người mà người nộp thuế có trách nhiệm nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật. Theo kinh nghiệm của các nước, mức tính cho người phụ thuộc thấp hơn mức tính cho người nộp thuế và có giới hạn mức tối đa cho một gia đình để phù hợp với các chính sách liên quan khác, mức giảm trừ của người phụ thuộc thường chỉ bằng 10% đến 50% mức trừ của bản thân người nộp thuế bởi vì các chi phí về nhà ở, thiết bị, đồ dùng gia đình, điện, nước, sinh hoạt... đã tính chung vào mức giảm trừ của người nộp thuế; đối với các chi phí về lương thực, thực phẩm, chăm sóc sức khỏe,... đối với người nộp thuế về nguyên tắc luôn ở mức cao hơn để tái tạo sức lao động của người nộp thuế.

Luật Thuế TNCN thực hiện từ 01/01/2009 đến nay vẫn duy trì mức giảm trừ cho người phụ thuộc bằng 40% so với người nộp thuế và được điều chỉnh tương ứng theo mức độ điều chỉnh đối với người nộp thuế. Do đó, đề nghị giữ như dự thảo Luật.

8.5. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị bổ sung nguyên tắc định lượng tối thiểu, gắn mức giảm trừ với chuẩn mức sống tối thiểu tại đô thị, điều chỉnh ít nhất 3 năm một lần, tương tự mô hình của Nhật Bản và Hàn Quốc. Đề nghị chỉ số hóa tự động mức giảm trừ theo CPI hoặc thu nhập bình quân đầu người, giao Bộ Tài chính công bố hằng năm trước 30/11 (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến thẩm tra, ý kiến của các Đại biểu Quốc hội, Chính phủ dự kiến báo cáo Chính phủ về hướng chỉnh lý quy định tại dự thảo Luật như sau: căn cứ mức biến động của giá cả, thu nhập nhất định, giao Chính phủ trình UBTVQH điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh cho phù hợp với tình hình KT-XH.

8.6. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị bổ sung tại khoản 3 Điều 10 nội dung: đối tượng “con đã thành niên nhưng không có thu nhập” vào diện được giảm trừ, nhằm hỗ trợ gia đình có hoàn cảnh khó khăn (2 ý kiến). Có ý kiến đề nghị bổ sung đối tượng người phụ thuộc là “người mất năng lực hành vi dân sự” vào diện được giảm trừ gia cảnh (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị về định nghĩa người phụ thuộc (điểm a khoản 3 Điều 10) sửa thành “con là người khuyết tật có giấy xác nhận theo quy định của pháp luật”, bảo đảm tính minh bạch, dễ áp dụng (1 ý kiến). Có ý kiến cho rằng, quy định về người khuyết tật thì không cần kèm điều kiện “không có khả năng lao động” (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến Đại biểu, dự thảo Luật dự kiến bổ sung đối tượng người phụ thuộc là con là người mất năng lực hành vi dân sự. Đối với các đối tượng là người phụ thuộc khác, Luật Thuế TNCN hiện hành và được kế thừa tại Luật Thuế TNCN (sửa đổi) đã có quy định xác định là người phụ thuộc trong trường hợp không có khả năng lao động (bao quát được cả người mất năng lực hành vi dân sự). Riêng đối với con thành niên nhưng không có thu nhập, Luật Thuế TNCN hiện hành quy định con thành niên đang học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp hoặc học nghề được tính là đối tượng phụ thuộc của người nộp thuế. Đề nghị không mở rộng thêm cho đối tượng con thành niên nhưng không có thu nhập (thất nghiệp) vì mục tiêu của thuế TNCN không khuyến khích đối với các đối tượng là con đã trưởng thành nhưng không lao động, không tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Đối với các đối tượng người phụ thuộc là người khuyết tật, Luật Thuế TNCN hiện hành và được kế thừa tại Luật Thuế TNCN (sửa đổi) đã có quy định xác định là người phụ thuộc trong trường hợp không có khả năng lao động (bao quát được cả người mất năng lực hành vi dân sự) đã thực hiện ổn định và không phát sinh vướng mắc. Do đó, đề nghị giữ như dự thảo Luật.

9. Về giảm trừ đối với các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo và các khoản giảm trừ khác (Điều 11)

9.1. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến kiến nghị bổ sung quy định về chi phí nghề nghiệp được khấu trừ trước thuế (chi phí đi lại, hội thảo, trang thiết bị phục vụ công việc) (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Các nội dung này hiện đang quy định tại Nghị định của Chính phủ, cụ thể như các khoản lợi ích không bằng tiền ngoài tiền lương, tiền công do người sử dụng lao động trả mà người nộp thuế được hưởng như tiền nhà ở, điện, nước và các dịch vụ kèm theo (nếu có), các khoản tiền do người sử dụng lao động mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác có tích lũy về phí bảo hiểm, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện hoặc đóng góp Quỹ hưu trí tự nguyện cho người lao động, khoản tiền công tác phí, văn phòng phẩm, ăn giữa ca, phí hội viên, các khoản chi khác phục vụ cá nhân như chăm sóc sức khỏe, vui chơi, thể thao, giải trí... Tại dự thảo Luật Thuế TNCN (khoản 2 Điều 3) cũng đã giao Chính phủ quy định các khoản thu nhập khác không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của cá nhân.

Tiếp thu ý kiến của Đại biểu, Chính phủ sẽ chỉ đạo cơ quan soạn thảo nghiên cứu, rà soát kỹ lưỡng trong quá trình xây dựng các văn bản này.

9.2. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị xem xét trường hợp đóng góp bằng sản phẩm, không chỉ bằng tiền (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tại khoản 11 Điều 3 dự thảo Luật chính lý đã giao Chính phủ quy định việc quy đổi thu nhập chịu thuế nhận được không bằng tiền. Tiếp thu ý kiến của Đại biểu, Chính phủ sẽ chỉ đạo cơ quan soạn thảo nghiên cứu, rà soát kỹ lưỡng trong quá trình xây dựng các văn bản này.

9.3. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị cho phép giảm trừ đối với lãi vay mua nhà ở đầu tiên, chi phí chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật và chi phí bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe tự nguyện, chi phí học tập nhằm khuyến khích tự bảo đảm an sinh, giảm gánh nặng ngân sách (2 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Mức giảm trừ gia cảnh gồm 2 phần, phần đối với người nộp thuế và phần đối với những người phụ thuộc, trong đó: (i) Mức giảm trừ đối với người nộp thuế thực chất là ngưỡng thu nhập tính thuế, được xây dựng trên cơ sở nhu cầu chi tiêu thường xuyên của những người có thu nhập trên mức bình quân xã hội; (ii) Phần đối với người phụ thuộc là mức giảm trừ cho những người mà người nộp thuế có trách nhiệm nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật. Mức trừ của bản thân người nộp thuế đã bao gồm các chi phí về nhà ở, thiết bị, đồ dùng gia đình, điện, nước, sinh hoạt, lương thực, thực phẩm, chăm sóc sức khỏe,... Tại dự thảo Luật cũng đã bổ sung quy định tính trừ chi phí y tế, giáo dục – đào tạo. Việc phân biệt mức giảm trừ cho từng đối tượng đặc biệt khác nhau rất phức tạp, khó khả thi và cũng không phù hợp với thông lệ quốc tế. Do đó, đề nghị giữ như dự thảo Luật.

9.4. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị cho phép khấu trừ thu nhập khi hiến tặng, tài trợ cho giáo dục, y tế, nghiên cứu nhằm khuyến khích đóng góp xã hội, tương tự chính sách của nhiều nước phát triển. Đề nghị luật hóa chính sách giảm trừ chi phí giáo dục, y tế nhằm thể chế hóa Nghị quyết số 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, Nghị quyết số 72-NQ/TW về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân của Bộ Chính trị. Cụ thể: Giảm trừ tối đa 30 triệu đồng/người/năm cho học ngoại ngữ và kỹ năng số; Giảm trừ tối đa 30 triệu đồng/năm/người cho chi phí học đại học, cao đẳng, dạy nghề; Giảm trừ chi phí y tế ngoài phần bảo hiểm chi trả tối đa 10% thu nhập chịu thuế/năm, có hóa đơn điện tử và thanh toán không tiền mặt (2 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Điều 20 Luật Thuế TNCN hiện hành quy định các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo được trừ vào thu nhập trước khi tính thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công bao gồm: khoản đóng góp vào tổ chức, cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người tàn tật, người già không nơi nương tựa; khoản đóng góp vào quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học. Hiện nay, việc hình thành và mở rộng các quỹ xã hội, quỹ từ thiện là giải pháp để giúp Chính phủ hỗ trợ phúc lợi cho các đối tượng yếu thế, trong đó các nguồn quỹ được hình thành từ sự huy động, đóng góp của người dân, người lao

động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã góp phần thực hiện tốt các chính sách đền ơn, đáp nghĩa, an sinh xã hội, hỗ trợ đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn hay trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19, bão lũ... thời gian qua. Do vậy, việc rà soát đề bổ sung phạm vi xác định các khoản đóng góp được giảm trừ là cần thiết để thúc đẩy người lao động có điều kiện thuận lợi tham gia hỗ trợ cho các quỹ này. Dự thảo Luật đã bổ sung khoản đóng góp vào các tổ chức có chức năng huy động tài trợ được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật được trừ vào thu nhập trước khi tính thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân.

Thực hiện các chủ trương của Đảng và Nhà nước tại các Nghị quyết của Bộ Chính trị (Nghị quyết số 71-NQ/TW về giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 72-NQ/TW về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân), nhằm khuyến khích cá nhân đầu tư vào học tập, nâng cao trình độ, giúp người dân có thêm nguồn lực để giải quyết các vấn đề về tài chính khi phải đối mặt với bệnh tật, dự thảo Luật Thuế TNCN bổ sung thêm các khoản giảm trừ trước khi tính thuế đối với khoản chi phí cho y tế, giáo dục - đào tạo. Bằng cách cho phép người dân giảm trừ các chi phí thiết yếu như y tế và giáo dục, Nhà nước thể hiện cam kết chia sẻ gánh nặng tài chính với người lao động, tạo điều kiện để họ có thu nhập khả dụng lớn hơn, từ đó ổn định đời sống và đóng góp tích cực hơn vào phát triển KT-XH.

9.5. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị nghiên cứu nâng mức giảm trừ đối với đóng góp vào quỹ hưu trí tự nguyện trên mức 1 triệu đồng/tháng/người (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Dự thảo Luật quy định cá nhân được trừ khoản đóng góp tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo Luật Bảo hiểm xã hội, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ nhưng không vượt quá mức do Chính phủ quy định. Tiếp thu ý kiến của Đại biểu, Chính phủ sẽ rà soát, nghiên cứu mức đóng vào Quỹ hưu trí tự nguyện, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện được trừ ra khỏi thu nhập khi xác định thu nhập tính thuế hiện tại văn bản quy định chi tiết Luật.

9.6. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị, bổ sung việc giảm trừ đối với các khoản chi cho công trình thiện nguyện, công trình công cộng, khắc phục thiên tai, dịch bệnh; mở rộng đối tượng hưởng giảm trừ cho cá nhân không cư trú nếu có chứng từ hợp lệ; mở rộng loại thu nhập được giảm trừ sang đầu tư vốn, trúng thưởng, không chỉ tiền lương.

Chính phủ xin giải trình như sau:

Dự thảo Luật đã quy định cá nhân cư trú được giảm trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo, bao gồm: khoản đóng góp vào tổ chức, cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người khuyết tật, người già

không nơi nương tựa; khoản đóng góp vào quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học.

Đối với cá nhân không cư trú và các khoản thu nhập từ đầu tư vốn, trúng thưởng có phương pháp tính thuế là tính trên thu nhập nhân với thuế suất cố định (mức thuế suất này thường thấp hơn so với áp vào Biểu thuế lũy tiến từng phần áp dụng cho cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công). Quy định này đã đảm bảo công bằng ở mức tương đối giữa các cá nhân có thu nhập khác nhau.

10. Về thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (Điều 13)

10.1. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị thuế chuyển nhượng vốn thống nhất 15%, thay vì 20% (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Mức thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn của cá nhân là 20% đã thực hiện ổn định và thống nhất với mức thuế suất thuế TNDN áp dụng đối với tổ chức cũng có thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Do vậy, đề nghị giữ như dự thảo.

10.2. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị cho phép người nộp thuế chọn nộp trên phần chênh lệch thu nhập thực tế, nếu có chứng từ hợp lệ, phản ánh đúng bản chất thu nhập (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Dự thảo Luật đã thể hiện đúng như ý kiến Đại biểu. Thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn được xác định bằng thu nhập tính thuế nhân (x) với thuế suất 20% theo từng lần chuyển nhượng. Trong đó, thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng vốn được xác định bằng giá chuyển nhượng trừ (-) giá mua và các khoản chi phí hợp lý liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Trường hợp không xác định giá mua và các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng vốn thì thuế TNCN được xác định bằng giá chuyển nhượng nhân (x) với thuế suất 2%.

10.3. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị chỉ tính thuế khi phát sinh chuyển nhượng thực tế đối với cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, tránh gây khó khăn cho doanh nghiệp và nhà đầu tư khi chưa có dòng tiền (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Việc thu thuế TNCN đối với nhà đầu tư được trả cổ tức bằng cổ phiếu hoặc được chia cổ phiếu thưởng không phải là chính sách mới. Luật thuế TNCN áp dụng từ 01/01/2009 đến nay đã quy định khoản thu nhập từ cổ tức trả bằng cổ phiếu là thu nhập từ đầu tư vốn của cá nhân nộp thuế TNCN theo mức thuế suất 5%.

Theo pháp luật về chứng khoán, việc công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông phải có đủ nguồn để thực hiện. Bản chất là công ty sử dụng nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để phát hành thêm cổ phiếu chia cho các cổ đông tương ứng với tỷ lệ góp vốn của các cổ đông đang nắm giữ cổ phần của công ty. Giá trị toàn bộ cổ phiếu mà cá nhân nắm giữ lúc này sẽ bao gồm cả giá trị cổ phiếu cá nhân sở hữu trước khi chia cổ tức và giá trị cổ phiếu là cổ tức tương đương với phần lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ sở hữu của cá nhân (thay vì trả bằng tiền, công ty phát hành thêm cổ phiếu tương đương với nguồn lợi nhuận sau thuế để chia cho cá nhân). Việc xác định giá trị thực chất của cổ tức được chia bằng chứng khoán còn tùy thuộc vào hiệu quả do công ty sử dụng lợi nhuận giữ lại để tái đầu tư và thị trường nói chung cũng như giá cổ phiếu thay đổi sau thời điểm cổ phiếu là cổ tức được phép giao dịch, nếu thị trường đi lên, tiềm năng tăng giá cổ phiếu sẽ giúp nhà đầu tư có lợi hơn so với chia cổ tức bằng tiền.

Việc thu thuế TNCN đối với thu nhập từ cổ tức trả bằng cổ phiếu đảm bảo sự bình đẳng, nhất quán trong việc thu thuế TNCN đối với thu nhập từ đầu tư vốn, không phân biệt cá nhân nhận cổ tức bằng tiền hay bằng cổ phiếu. Căn cứ để xác định số thuế TNCN phải nộp đối với thu nhập từ cổ tức bằng cổ phiếu, thời điểm khấu trừ, nộp thuế sẽ được quy định chi tiết tại văn bản quy định chi tiết thực hiện Luật. Đồng thời, tiếp thu ý kiến Đại biểu, Chính phủ sẽ nghiên cứu kỹ lưỡng khi quy định chi tiết nội dung này để đảm bảo khả thi và tránh vướng mắc.

11. Về thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản (Điều 14)

11.1. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị miễn thuế cho người bán nhà duy nhất, đồng thời đánh thuế cao với người mua đi bán lại ngắn hạn để hạn chế đầu cơ bất động sản (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến Đại biểu, Chính phủ sẽ chỉ đạo cơ quan soạn thảo chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan khi tham mưu xây dựng hoặc ban hành văn bản quy định chi tiết để bảo đảm tính công bằng, tránh tình trạng lách thuế, bảo đảm áp dụng đúng đối tượng.

11.2. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị cho phép khấu trừ vào thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản đối với chi phí mua, cải tạo, phí môi giới (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Luật Thuế TNCN (sửa đổi) kế thừa quy định thu thuế 2% trên giá chuyển nhượng đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản để đảm bảo tính khả thi, phù hợp với thực tế quản lý trong giai đoạn hiện nay. Việc bổ sung quy định cho khấu trừ vào thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản đối với chi phí

mua, cải tạo, phí môi giới...có thể dẫn tới phức tạp, khó khăn trong công tác khai, nộp thuế và còn có thể phát sinh các tiêu cực, tránh thuế, lách thuế nếu không đủ các điều kiện để đảm bảo tính chính xác của các chi phí này. Do đó, đề nghị giữ như dự thảo Luật.

11.3. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến cho rằng, quy định hiện hành bắt cấp vì yêu cầu người dân phải xin xác nhận “chỉ có một nhà, đất”, trong khi cơ sở dữ liệu quốc gia chưa hoàn thiện. Đề nghị chuyển trách nhiệm xác minh sang cơ quan Nhà nước, không đẩy thủ tục cho người dân (2 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Tại văn bản hướng dẫn Luật hiện hành quy định cá nhân chuyển nhượng nhà ở, đất ở duy nhất được miễn thuế TNCN phải đáp ứng các điều kiện sau: a) Tại thời điểm chuyển nhượng, cá nhân chỉ có quyền sở hữu, quyền sử dụng một nhà ở hoặc một thửa đất ở (bao gồm cả trường hợp có nhà ở hoặc công trình xây dựng gắn liền với thửa đất đó); b) Thời gian cá nhân có quyền sở hữu, quyền sử dụng nhà ở, đất ở tính đến thời điểm chuyển nhượng tối thiểu là 183 ngày; c) Nhà ở, quyền sử dụng đất ở được chuyển nhượng toàn bộ.

Do vậy, đã có cơ sở pháp lý để thực hiện quy định của Luật. Pháp luật quy định nội dung mang tính nguyên tắc và không yêu cầu người dân phải xin xác nhận “chỉ có một nhà, đất”.

11.4. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị về phương thức tính thuế chuyển nhượng bất động sản, duy trì đồng thời hai phương án: thu 2% trên tổng giá trị hoặc 25% trên phần chênh lệch thu nhập thực tế để người dân lựa chọn, không nên thu cứng theo một cách. Khi thị trường minh bạch hơn, có thể chuyển sang thu theo chênh lệch thu nhập (1 ý kiến). Có ý kiến đề xuất đánh thuế lũy tiến đối với giao dịch từ bất động sản thứ hai trở lên nhằm hạn chế đầu cơ, tăng thuế suất từ 2% lên 5%, thống nhất với các loại thu nhập khác (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Dự thảo Luật kế thừa quy định hiện hành về phương pháp tính thuế đối với chuyển nhượng bất động sản đã được áp dụng ổn định. Việc thu theo phương pháp này cũng có ưu điểm là đơn giản, dễ thực hiện, dễ kiểm tra. Đối với đề xuất bổ sung thêm phương pháp tính thuế từ chênh lệch cần phải có đủ thời gian để tổng kết, đánh giá, khảo sát làm dữ liệu đầu vào để đề xuất chính sách. Thực tế thời gian qua cho thấy, việc thu thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản cần nghiên cứu tổng thể, đảm bảo đồng bộ với quá trình hoàn thiện một loạt chính sách khác liên quan đến đất đai, xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản để có giải pháp tổng thể (như tăng cung, giảm giá thành...) và cần có đánh giá kỹ lưỡng tác động, đảm bảo tương đồng với mức độ sẵn sàng của cơ sở dữ liệu cũng như hạ tầng công nghệ thông tin về đăng ký, chuyển nhượng đất đai, bất động sản. Khi có đủ dữ kiện dữ liệu về số hóa đất đai gắn với dữ kiện dữ

liệu về VNEID thì có thể từng bước thực hiện theo đúng bản chất của thuế là thu trên thu nhập.

Hiện nay, Chính phủ đang triển khai đầy mạnh nhiều biện pháp nhằm nhằm khuyến khích sử dụng nhà, đất có hiệu quả, hạn chế đầu cơ, ổn định thị trường bất động sản như triển khai xây dựng nhiều dự án nhà ở xã hội, thành lập Quỹ nhà ở quốc gia như kinh nghiệm một số nước trên thế giới... Theo đó, để tránh đầu cơ bất động sản cần có giải pháp tổng thể nhiều chính sách, trong đó việc quản lý đất, thu hồi đất được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai; việc quản lý thị trường bất động sản trong đó có việc tránh đầu cơ được thực hiện chủ yếu thông qua pháp luật về kinh doanh bất động sản và nhà ở, chính sách thuế không phải công cụ ưu tiên, tối ưu nhất để thực hiện mục tiêu trên. Vì vậy, đề nghị giữ như quy định tại dự thảo Luật.

11.5. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị đối với trường hợp chuyển nhượng bất động sản và chuyển nhượng vốn là phải có căn cứ, cơ sở để tính toán, tính theo giá thị trường, tính thực tế hay tính giá trị theo bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh đã quy định (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Về nội dung này, tại văn bản quy định chi tiết Luật đã quy định cụ thể về giá chuyển nhượng đối với chuyển nhượng vốn và chuyển nhượng bất động sản. Đối với chuyển nhượng bất động sản: Giá chuyển nhượng bất động sản là giá ghi trên hợp đồng chuyển nhượng tại thời điểm chuyển nhượng. Trường hợp trên hợp đồng chuyển nhượng không ghi giá đất hoặc giá đất trên hợp đồng chuyển nhượng thấp hơn giá do UBND cấp tỉnh quy định, thì giá chuyển nhượng đất là giá do UBND cấp tỉnh quy định tại thời điểm chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về đất đai.

Tiếp thu ý kiến Đại biểu Quốc hội, Chính phủ sẽ rà soát, nghiên cứu kỹ lưỡng nội dung này tại văn bản quy định chi tiết Luật.

12. Về thu nhập từ bản quyền (Điều 16), về thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng (Điều 18)

12.1. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị nâng ngưỡng chịu thuế từ 20 triệu lên 50 triệu đồng/hợp đồng để khuyến khích hoạt động sáng tạo, tránh đánh thuế ở mức quá thấp (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Dự thảo Luật đã điều chỉnh nâng ngưỡng thu nhập tính thuế đối với một số khoản thu nhập nêu trên từ 10 triệu đồng lên 20 triệu đồng để đồng bộ với việc điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh, ngưỡng doanh thu nộp thuế đối với cá nhân kinh doanh. Do vậy, đề nghị giữ như dự thảo Luật.

12.2. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị sửa cụm từ “các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ” thành “đối tượng quyền sở hữu trí tuệ” (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến Đại biểu, Chính phủ đã chỉ đạo cơ quan soạn thảo tiếp tục rà soát, hoàn chỉnh câu chữ, thuật ngữ để thống nhất với các pháp luật liên quan.

12.3. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị xem xét lại ngưỡng 20 triệu đồng/lần, bảo đảm tính khả thi, nhất là đối với tài sản không đăng ký hoặc giao nhận nhỏ lẻ (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Dự thảo Luật điều chỉnh nâng ngưỡng thu nhập tính thuế đối với một số khoản thu nhập nêu trên từ 10 triệu đồng lên 20 triệu đồng để đồng bộ với việc điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh, ngưỡng doanh thu nộp thuế đối với cá nhân kinh doanh. Đối với các tài sản không đăng ký hoặc giao nhận nhỏ lẻ để tránh thuế sẽ xử lý theo pháp luật về quản lý thuế.

13. Về thuế TNCN đối với cá nhân không cư trú (Điều 21, 27)

13.1. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị áp dụng biểu thuế lũy tiến hoặc tối đa 15% để tránh thuế chồng thuế (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú Luật hiện hành đang quy định áp dụng thuế suất toàn phần 20% trên thu nhập mà cá nhân không cư trú nhận được phát sinh tại Việt Nam. Trong quá trình thực hiện không phát sinh vướng mắc nên đề nghị tiếp tục kế thừa tại dự thảo Luật Thuế TNCN (sửa đổi).

13.2. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị bổ sung thu nhập từ giao dịch tài sản số xuyên biên giới (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật Thuế TNCN đã quy định cụ thể người nộp thuế TNCN là cá nhân cư trú có thu nhập chịu thuế phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam và cá nhân không cư trú có thu nhập chịu thuế phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, đối với thu nhập từ giao dịch tài sản số xuyên biên giới của cá nhân không cư trú nếu phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam thì đã thuộc đối tượng nộp thuế theo quy định tại Điều 2 dự thảo Luật.

14. Về hiệu lực thi hành (Điều 29)

14.1. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến cho rằng, việc áp dụng từ 01/01/2026 là không khả thi do thời gian chuẩn bị quá ngắn; đề nghị thống nhất hiệu lực từ 01/7/2026 để bảo đảm

đồng bộ và tránh rối trong quyết toán thuế (2 ý kiến). Có ý kiến cho rằng, nên áp dụng thống nhất từ 01/01/2026 thay vì chia nhỏ hai thời điểm để thuận lợi quản lý và quyết toán (2 ý kiến). Có ý kiến đồng tình áp dụng từ 01/7/2026 và riêng thu nhập từ tiền lương, kinh doanh áp dụng từ 01/01/2026 để bảo đảm đồng bộ. Có ý kiến đề nghị áp dụng cho kỳ tính thuế 2025 (2 ý kiến). Có ý kiến cho rằng, không nên áp dụng cho kỳ tính thuế 2025 vì sẽ phức tạp quyết toán, ảnh hưởng ngân sách và khối lượng công việc của cơ quan thuế (2 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến Đại biểu và ý kiến thẩm tra, dự thảo Luật đã được chỉnh lý quy định về hiệu lực theo hướng: luật có hiệu lực từ 01/7/2026 để có thời gian triển khai Luật, xây dựng văn bản hướng dẫn; riêng đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công, thu nhập từ kinh doanh áp dụng sớm hơn từ 01/01/2026 để thể hiện sự chia sẻ của Nhà nước với người dân vì các quy định sửa đổi tại sự thảo Luật sẽ làm giảm bớt nghĩa vụ thuế của người nộp thuế. Mặt khác, đây là các khoản thu nhập thường xuyên, có kỳ tính thuế theo năm nên các quy định mới tại dự thảo Luật vẫn có dư địa để điều chỉnh vào cuối kỳ quyết toán. Việc áp dụng ngay cho kỳ tính thuế năm 2025 là không phù hợp do cá nhân đã thực hiện tạm nộp thuế ngay khi phát sinh thu nhập (từ đầu năm 2025) sẽ dẫn tới việc hoàn thuế, ảnh hưởng đến số sự toán thu ngân sách của năm 2025 trong khi đó ngân sách cũng cần nguồn lực để chi, đặc biệt là việc giải quyết các vấn đề cấp bách, phát sinh như giải quyết tình hình thiên tai, bão lũ thời gian qua.

14.2. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định về áp dụng pháp luật nhằm tránh xung đột giữa Luật Thuế TNCN và các nghị quyết, luật khác. Ví dụ: Nghị quyết 197/2024/QH15 quy định miễn thuế TNCN cho thu nhập từ công tác xây dựng pháp luật nhưng nội dung này chưa được cập nhật trong dự thảo Luật (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Tại điều khoản thi hành của dự thảo Luật đã quy định: Trường hợp có quy định khác nhau về ưu đãi thuế giữa Luật này với Luật Thủ đô, Nghị quyết khác của Quốc hội và giải pháp quy định tại điểm h khoản 8 Điều 10 của Luật Tổ chức Chính phủ thì áp dụng theo Luật Thủ đô, Nghị quyết của Quốc hội và giải pháp quy định tại điểm h khoản 8 Điều 10 của Luật Tổ chức Chính phủ. Trường hợp quy định tại Luật này ưu đãi hơn thì người nộp thuế được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi có lợi nhất. Do đó, đã rõ để áp dụng đối với trường hợp Đại biểu nêu.

14.3. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị bổ sung khoản chuyển tiếp để cho phép Bộ Tài chính và Cục thuế để triển khai thí điểm mô hình 1 mã thuế, 1 hồ sơ thu nhập điện tử, kết nối dữ liệu giữa ngân hàng, sàn thương mại điện tử, ví điện tử,... nhằm cải cách toàn diện quản lý thuế cá nhân (1 ý kiến).

Chính phủ xin giải trình như sau:

Nội dung này không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Thuế TNCN mà theo pháp luật về quản lý thuế, do đó đề nghị không quy định trong Luật Thuế TNCN.

14.4. Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị giữ lại Điều 35 để Chính phủ hướng dẫn, bỏ các quy định “Chính phủ quy định chi tiết” rải rác tại dự thảo Luật (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Tiếp thu ý kiến của Đại biểu Quốc hội, Chính phủ sẽ phối hợp với cơ quan chủ trì thẩm tra và các cơ quan của Quốc hội để rà soát đảm bảo nội dung thể hiện phù hợp và đồng bộ với các luật khác.

15. Một số nội dung khác

Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

- Một số ý kiến đề nghị đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý thuế TNCN, đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số, việc kết nối dữ liệu giữa cơ quan thuế với ngân hàng, bảo hiểm xã hội, doanh nghiệp, các nền tảng giao dịch điện tử sẽ giúp minh bạch hóa thu nhập, giảm thất thu, đồng thời giảm thủ tục hành chính cho người nộp thuế (5 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị có cơ chế khen thưởng, tôn vinh người nộp thuế lớn, coi đó là biện pháp khuyến khích và thể hiện sự văn minh, nhân văn của thuế TNCN. Có cơ chế khuyến khích khai báo thu nhập tự nguyện, áp dụng mức phạt hợp lý, đồng thời khen thưởng với những trường hợp chấp hành tốt. Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định cụ thể, có tính răn đe, có thể đến mức trách nhiệm hình sự, để bảo vệ người tố giác và tăng hiệu quả phòng chống vi phạm thuế (3 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị đơn giản hóa, tự động hóa quy trình quyết toán, đồng bộ dữ liệu thuế quốc gia để người dân chỉ cần mã số thuế cá nhân là có thể tự tổng hợp các nguồn thu. Cho rằng chi phí thu và quyết toán hiện nay cao, cần cải cách theo hướng tự động, minh bạch, hiệu quả, coi đây là cơ hội cải tổ toàn diện hệ thống thuế (2 ý kiến).

- Có ý kiến cho rằng, về quy trình kê khai, nộp thuế vẫn rườm rà, khó hiểu, cần rà soát, cải cách triệt để từ Điều 20 đến Điều 27 (1 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị bổ sung cơ chế bồi hoàn, trách nhiệm liên đới của cơ quan, cá nhân trong xử lý sai phạm, nhằm nâng cao tính nghiêm minh và minh bạch trong thực thi Luật (1 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị xây dựng cơ chế khai báo, khấu trừ linh hoạt, giao cho tổ chức kinh doanh vàng hoặc ngân hàng thương mại khấu trừ và nộp thay để giảm gánh nặng thủ tục cho người dân, đồng thời tích hợp khai báo điện tử qua hệ thống dữ liệu thuế quốc gia để tăng minh bạch và hiệu quả quản lý (1 ý kiến).

- Có ý kiến đề nghị giao Chính phủ quy định chi tiết tiêu chí phân loại và căn cứ kê khai thu nhập chịu thuế để làm cơ sở khấu trừ tự động thông qua trung

gian thanh toán số tương tự như mô hình OECD của Liên minh châu Âu đang áp dụng, thay vì yêu cầu từng cá nhân tự kê khai như trong thời gian qua, hệ thống thuế sẽ trích và nộp thuế ngay khi nguồn thanh toán do trung gian có thể ngân hàng ví điện tử hay sàn thương mại điện tử. Bổ sung quy định sau mỗi 3 năm Bộ Tài chính có đánh giá tác động công khai số liệu về cơ cấu thu nhập, mức thuế thực tế và báo cáo với Quốc hội (1 ý kiến).

Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Về nội dung này, Chính phủ xin báo cáo làm rõ như sau: Các ý kiến nêu trên thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về quản lý thuế, Chính phủ sẽ tiếp tục rà soát các nội dung chính sách tại dự thảo Luật, đặc biệt là Luật Quản lý thuế để đảm bảo thống nhất với các pháp luật liên quan và khả thi trong thực hiện.

Trên đây là Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội, ý kiến của các vị Đại biểu Quốc hội thảo luận tại Tổ, tại Hội trường đối với dự án Luật Thuế thu nhập cá nhân (sửa đổi).

Kính trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Bộ Tài chính;
- VPCP: BTCN, PCN Mai Thị Thu Vân
- Các Vụ: TH, QHĐP;
- Lưu: VT, KTTT (bản).

**TM. CHÍNH PHỦ
TU. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

Nguyễn Văn Thắng

